



Tuyển

Tập

Thơ

Thế

Giới

Cuốn Một

Ngu Yên

Tuyển Tập Thơ Thế Giới

Cuốn Một
Ngu Yên



Mục Lục

Độc Thơ, Tại Sao. Timothy Beal. 07

Derek Walcott. Nobel 1992. 17

Wole Soyinka. Nobel 1986. 47

Herta Muller. Nobel 2009

Charles Simic. 89

Harold Pinter. Nobel 2005. 113

Maya Angelou. 123

Siddharth Anand. 177

Mourid Barghouti. 189

Kelli Russell Agodon. 207

Margaret Atwood. 229

Phỏng vấn hư cấu 32 thi sĩ thế giới. 245

Ellen Wade Beals, Jorge Luis Borges, Charles Bukowski, Billy Collins, Louisa DeBoo, Robert Duncan, Karen Swank-Fitch, Ruth Forman, Louis Gluck, Rod E Kok, Nikki Giovanni, Ron Koertge, Naoshi Koriyama, Steve Kowitz, Jim Lytle, Archibald MacLeish, Khairi Mansour, Jerry Martien, Eve Merriam, Pablo Neruda, Frank O'hara, Linda Pastan, Judith Porton, Tadeusz Rosewic, Wallace Stevens, Mark Strand, James Tate, Jaroslav Vrchlicky, Christena Williams, William Carlos Williams, Al Young, Tom Zart.

Đọc Thơ, Tại Sao?

Timothy Beal

Giáo sư Florence Harkness, khoa trưởng khoa nghiên cứu tâm linh ở đại học Case Western Reserve.

Hãy bắt đầu với những lý do:

1- Tại sao ngôn ngữ thơ phải mất nhiều thời giờ để giải mã? Tại sao nhà thơ không nói đơn giản những ý nghĩa đó trong văn xuôi?

2- Thơ (khó) làm nản lòng. Làm sao biết đọc thơ thế nào là đúng? Ai có thẩm quyền nói ý nghĩa của bài thơ gì?

3- Thơ thường bị gián đoạn, rời xa thực tế. Ai có thời giờ cho những thứ không hữu dụng một cách cụ thể trong thế giới hôm nay?

4- Thơ thường thể hiện những gì thuộc về nội tâm, tôi không thích dẩy đưa vào tình cảm của người khác.

5- Thơ thường phiếm diện. Không phù hợp với kinh nghiệm thông thường xảy ra hàng ngày.

6- Thơ đọc dễ thấy chán. Tôi thích đọc thứ gì tích cực và tương tác hơn.

Đây là vài lý do tại sao người ta tránh né thơ, lịch sự phớt lờ, hoặc thậm chí hắt hủi nó. Bạn đọc có thêm vào danh sách một số lý do riêng. Nếu bạn là người yêu thích thơ, đọc nhiều thơ và sáng tác, trong trường hợp

này, bạn đã dạn dày kinh nghiệm để giải quyết những lý do rất phổ thông về sự từ chối thơ.

Tôi dạy môn thực tập sáng tác thơ (workshop) ở CWRU trong mười hai năm qua và học làm thơ trong ba mươi năm. Theo kinh nghiệm, tôi thấy những phản đối thi ca sẽ không bao giờ biến mất và càng không nên chấm dứt. Tất cả những lý do không thích đọc thơ đều có cơ sở vững chắc, đã ám ảnh các thi sĩ qua nhiều thế kỷ, với nguyên nhân chính đáng. Giống như mọi thứ đang tiếp tục sống, thi ca phát triển để tồn tại. Nghịch lý thay, chính những phản đối, những thách thức dai dẳng đối với thơ, một loại văn hóa xứng đáng, đã thúc đẩy sức sáng tạo, và bảo vệ nó trong suốt thời gian dài.

Phải thừa nhận, thơ có thể khó hiểu. Cách diễn tả lời thơ có thể không quen thuộc, ngay cả khi sự diễn tả đơn giản, thì cú pháp, và thứ tự của từ ngữ trong câu cũng có thể khó giải mã. Hầu hết các bài thơ, trừ khi là những bài thơ (văn) xuôi, đều có dòng “biến hóa”. Câu này xuất phát từ ngôn ngữ latin, *vertete* (biến đổi), thay đổi, thành hình lúc ban đầu qua một phép ẩn dụ về việc nông nghiệp: Câu thơ theo đường lối cày ruộng, cày một chiều, rồi quay đầu cày, cày chiều khác. Các dòng thơ vừa liên tục vừa không liên tục: Chúng gây áp lực về hình thức và tính liên tục của văn xuôi. (Ý nghĩ của ông Beal ở quan điểm về ‘hình thức và tính liên tục’ của thơ và văn xuôi dường như không chính xác: Thơ có trước văn xuôi, từ khi chưa có chữ viết. Thơ xuất hiện khi con người còn sơ khai, ngôn ngữ còn tập tễnh, như con nít mới lớn, chưa đủ chữ, chưa biết đặt câu tể chỉnh, nhưng có khả năng nói lên những gì, vượt qua sự thiếu thốn từ ngữ và cú pháp chưa thành luật. Chính văn xuôi tạo ra áp lực cho thơ. Sự hoàn chỉnh văn phạm và số lượng từ ngữ khá đầy đủ để hoàn tất câu văn, trong khi, thơ phải vận dụng tâm trí để diễn tả theo hình dạng và nề nếp thiếu thốn, phải cầu viện sự thêm sức của vô thức. Nói một cách khác, sự thiếu và sự trống trong thơ là tính đặc thù của loại nghệ thuật này, có từ thời tiền cổ, và

nhờ vậy thơ biến hóa hơn văn xuôi, nói được những thứ trong vại lời mà văn xuôi phải viết vại trang.)

Bạn có thể hỏi, tại sao lại có những khó khăn và mưu tính này? Trong văn xuôi, đức hạnh của viết là rõ ràng và ngắn gọn. Tại sao nhà thơ lại được miễn nhiệm, được chấp nhận vượt ra những hướng dẫn của viết lách?

So với các hình thức ngôn ngữ trong văn xuôi, ngôn ngữ thơ tự giao phó bản thân hoàn toàn vào sức ép khép theo kỷ luật của im lặng. (Kỷ luật của im lặng là một cách nói về khả năng của im lặng có thể diễn tả hoặc nảy sinh những ý nghĩa mà lời nói không thể làm.) Đọc những bài thơ hay, chúng ta cảm nhận sự thất vọng về những gì không thể nói và những gì không nói. Chúng ta cảm thấy nhiều kinh nghiệm khác nhau được lên tiếng trước những dồn nén khác nhau của im lặng - sự xóa bỏ, lãng quên, kiềm hãm, mất mát ...v...v... Những áp lực này tạo ra những nhạc thơ độc đáo. (Xem lại thơ Bùi Giáng, vì những giới hạn của luật thơ Lục Bát, tạo ra những áp lực khi dùng chữ, đặt câu, nhờ vậy tác giả phải dụng công sử dụng ngôn ngữ một cách tài tình hơn: *Xin chào nhau giữa bàn tay / Có năm ngón nhỏ phớt bày bóng con / Thưa rằng những ngón thon thon / Chào nhau một bận sẽ còn nhớ nhau ...*) Trong các bài thơ, chúng ta bắt gặp những hình dạng phát ngôn vừa khẳng định vừa phủ nhận khả năng tồn tại bền vững. (Nhà thơ Mark Strand cho rằng, trong thơ luôn luôn có sự tương tranh giữa cái chết và sự hiện sinh, giữa mất mát và tồn tại. Chúng thể hiện trong thơ dù hiện diện hay vắng mặt.)

Mặc dù thơ thường được xem là một hình thức tự diễn tả, nó thường chứa đựng một mối liên hệ rất lạ lùng đến cá nhân. Nhà thơ Pháp, Arthur Rimbaud, đã chỉ ra sự tự chuyển đổi trong thơ bằng cách phát biểu, cố tình sửa đổi các quy tắc ngữ pháp: Je est un Autre (Tôi là một người khác). Như nhà thơ Mark Strand đã viết, "*Một bài thơ là nơi mà tình cảnh bên ngoài và bên trong được*

tạo ra để có thể cảm thấy được ... Nó cho phép chúng ta có lại những phần đời đã bị từ chối vì bận rộn sinh kế. Hơn nữa, nghịch lý thay, một bài thơ cho phép chúng ta sống trong chính bản thân như thể chúng ta đang ở ngoài tầm với của chính mình.” Nếu bạn có thể nhớ lại bài “Song of Myself” (Ca Khúc của Chính Tôi), nhà thơ Walt Whitman đã nỗ lực xác định ranh giới của nản ngã hơn là bản chất: “*Tôi khởi hành như không khí, lắc ổ khóa trắng trước mặt trời trốn chạy, / Tôi trào da thịt vào lốc xoáy, và cuốn theo những đường viền vảy ren // Tôi nộp thân cho đất để mọc lên từ cỏ tôi yêu, / nếu muốn tôi lần nữa, em hãy tìm dưới đế giày.”*

Nhà thơ công huân hiện tại, Tracy K. Smith, gần đây đã gây tranh cãi với ý tưởng, khiến những nhà thơ phải chăm chú vào bài diễn thuyết mà cô đã trình bày ở thư viện Quốc hội vào tháng Tư năm ngoái: “*Tôi đang làm việc trên quan điểm, thơ có thể cứu tôi khỏi bị lạc mất trong phiên bản hạn hẹp của chính mình. Tôi có thể bị lôi cuốn khi lười lĩnh hoặc thất bại, hoặc khi cái tôi tham lam chiếm ngự... Một trong số tác dụng kỳ diệu của thơ, qua tầm quan trọng của cảm giác, là sự kết hợp âm nhạc, và hình ảnh - những gì chúng ta nhận ra và phản ứng, trước khi hiểu tại sao - sẽ hướng dẫn chúng ta vào một phần bản ngã đã vùi chôn vào sâu thẳm, phân chia ranh giới với tập thể.”*

Sự mô tả của Smith về nhiệm vụ đúng đắn, tự vượt qua của thơ gợi nhớ dòng thơ của Antonio Machado (Anh ngữ do Robert Bly dịch.)

*No es el yo fundamental
eso que busca el poeta,*

sino el tú esencial

Điều nhà thơ tìm kiếm

không phải chủ yếu thấy cái tôi

nhưng là cái trong anh sâu thẳm

Khi một nhà thơ cho tôi một nơi hấp dẫn, một công việc làm thích thú trong một bài thơ, cảm giác liên hệ trong tôi bắt đầu nở lỏng và mở rộng. Không phải mọi thứ phải quay lại với tôi để tôi thấy được ý nghĩa. Tôi có thể tự nói: *“Tôi không liên quan đến điều này, trước đây, tôi chưa từng trải qua hoặc quan niệm điều này như vậy, nhưng tôi không thể quay lưng. Bài thơ đây có thể diễn tả một vùng sống mà tôi chưa hề biết, thậm chí còn xa lạ, nhưng mang đến những công việc mà tôi cảm thấy bị bắt buộc phải thực hiện.”*

Nhiều người trong chúng ta đã học được rằng, cần diễn giải những gì một bài thơ ‘thực sự đang cố gắng nói lên.’ Tôi khuyên bạn nên ngưng tinh thần khai thác đó khi đọc thơ. Hãy thử đọc một bài thơ trước khi cố sức vội vã đào xới những điều gì trong đó. Nhà thơ T.S. Eliot đã nắm bắt sự thật quan trọng về thơ, khi ông nói: *“thơ chân chính có thể thông tri giao tiếp trước khi được hiểu.”* Là một hình thức thông tri cổ xưa, thơ đã đến với chúng ta qua những định hướng sớm nhất trong việc diễn đạt: hát nghi lễ, nhảy múa, thánh ca, đọc thần chú.

Ngôn ngữ thơ làm mới cảm giác về cách sử dụng ngôn ngữ chính xác và có sức lôi cuốn kỳ lạ. Làm chúng ta chậm lại (quan tâm), vì cách nhấn mạnh ngôn ngữ cụ thể và trù tượng phụ thuộc lẫn nhau, áp lực biến hóa sự hiện diện giữa lời nói kích động ngay lập tức nhận thức

của các giác quan, và lời nói hướng dẫn chúng ta hướng đến các lãnh vực khái niệm (trừu tượng) của ý tưởng. Bằng cách thận trọng chú ý đến các giao điểm có ý nghĩa của nhận thức và quan niệm, được vậy bạn đã trải qua hầu hết những gì một bài thơ đòi hỏi. Thầy tôi, Patricia Goedicke, thường gọi điều này là ‘cảm giác có suy nghĩ, và suy nghĩ có cảm giác.’

Việc nhận thức thơ tách rời thực tế hữu dụng là một ưu điểm tốt hay ngược lại? Đây là điều tôi hay hỏi các sinh viên trong những buổi hội thảo thơ. Trong bài thuyết trình về William Butler Yeats, W.H. Auden viết: “... *thơ làm cho ‘không có gì’ thành ‘có gì’: nó sống sót / trong thung lũng của tự sáng tạo nơi những người điều hành không bao giờ muốn xen vào*”. Quảng cáo cũng là một dạng ngôn ngữ có khả năng ‘làm cho điều gì đó xảy ra,’ cũng như khả năng tuyên truyền chính trị. Không giống như ngôn ngữ trong giao kèo, luật pháp, hoặc chiến dịch cổ động, ngôn ngữ thơ ‘làm cái không có gì thành xảy ra’ –phải chăng là một thất bại? Phải chăng tất cả ngôn ngữ đều phải hữu dụng, phải có sức thuyết phục, hoặc chúng ta duy trì chúng trong vùng ngôn ngữ ‘vô dụng’ chỉ vì chúng mang tính suy đoán hơn là cưỡng bách? (phải như vậy theo ý nghĩa của từ ngữ.)

Nhiều nhà thơ sẽ tranh cãi (về quan điểm) thơ làm cho điều gì đó xảy ra, dù từ tốn. Nhà thơ Percy Shelley gọi thi sĩ “*Những nhà lập pháp chưa được thế giới công nhận,*” Còn nhà thơ Wallace Stevens nói: “*là các linh mục vô hình.*” Thơ làm cho ‘không có gì’ – hoặc điều mà hầu hết mọi người xem là không có gì – được xảy ra theo một cách thức mà chúng ta bắt đầu nhận ra là một thứ gì đó. Trong cùng một bài thơ, Auden nói: “*thơ làm cho*

‘Không có gì’ xảy ra, ”ông nói thơ “sống sót / trong thung lũng tự sáng tạo.”

Tại sao bạn nghĩ, thơ sẽ tồn tại? Có điều gì con người cần từ thơ mà họ không thể tìm ra ở bất kỳ nơi nào khác? Có thể hỏi một số người chung quanh đời sống của bạn, thử họ có đọc thơ không? Hỏi họ bài thơ họ thích nhất là bài thơ nào? Hoặc họ có thuộc lòng một bài thơ nào không? Hãy thử tự học thuộc lòng một bài thơ, bằng một bài ngắn, Small Song của A.R. Ammons:

Lau sậy nương đường

cho gió qua

rồi để

gió đào tẩu

Nếu bạn nghĩ, thơ không đủ khả năng tương tác, từ vựng Stanza có thể giúp bạn, Stanza, một nhóm câu thơ) có nghĩa là “căn phòng” trong tiếng Ý. Hãy tưởng tượng bạn đi qua một dãy phòng như khi bạn đọc dần từng phần một bài thơ. Về cơ bản, thi ca là nghệ thuật tạo ra - động từ của tiếng Hy Lạp, poiein, nghĩa là tạo ra, hoặc sáng tạo. Nếu bạn có thể ghi nhớ ý nghĩa rõ ràng của ngôn ngữ này, bạn sẽ có kinh nghiệm đậm đà hơn khi đọc suốt bài thơ và để thơ thâm nhập qua bạn.

Nếu bạn thấy thơ khó hiểu, hãy nhớ ý tưởng của Robert Frost, nhiệm vụ của thơ không phải để giải quyết sự lằng lằng - nhưng làm cho nó thấy rõ, hiểu rõ hơn.

Nếu bạn thấy thơ nhàm chán, hãy ở lại với sự nhàm chán đó, xem nó đưa bạn đi đến đâu. Rất dễ dàng xóa bỏ sự buồn nản bằng cách đánh lạc hướng của các thiết bị điện tử. Hãy tắt chúng đi trong một lúc. Nhà thơ bạn

tôi, G.C. Waldrep, gần đây, có viết: “Đối với tôi, một vẻ đẹp của thơ là khi nó xuất hiện trong đời tôi, tôi chưa bao giờ cảm thấy nhàm chán. Làm thơ nghĩa là không bao giờ chán nản. Giữa những thứ khác.”

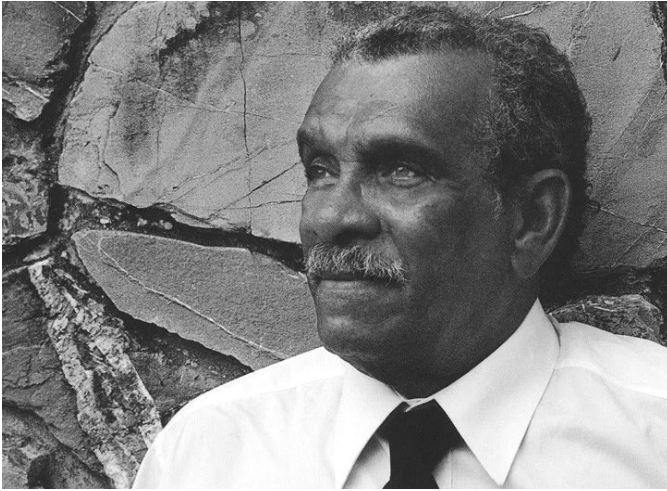
Sau cùng, nếu bạn nghĩ, thơ quá phô trương, quá xa rời thực tế hàng ngày, tôi hy vọng bạn sẽ thích thú bài thơ *Hài Cú* từ thế kỷ 18 của thi sĩ Nhật, Yosa Buson, do Robert Hass dịch:

*Cánh hoa mận đỏ rơi –
như đang cháy
trên đồng phân ngựa.*

Trích:

https://case.edu/firstyear/sites/case.edu.firstyear/files/2018-08/Why%20Read%20Poetry_818.pdf

Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ
và Thơ Tuyển. Thi Sĩ và Thơ
Tuyển. Thi Sĩ và Thơ Tuyển. Thi Sĩ



Derek Walcott (1930 - 2017)

Nobel Văn Chương 1992

Thi sĩ đảo Saint Lucia

Tôi nghĩ:

Ông Walcott làm thơ như một người đi câu, nhưng không sử dụng cần, dây, phao, mồi, bình thường như mọi người khác. Chẳng có gì khó hiểu, dùng phương tiện khác thường vì muốn câu loài cá khác thường, những loại cá chưa thông dụng hoặc hoàn toàn mới lạ.

Ví dụ: Trong thời đại này, không còn nhà thơ nào làm thơ theo sự hủ lý, như “anh yêu em và dám chết vì em”, câu này bình thường, thuộc về thơ quá khứ, hoặc không còn là thơ hôm nay. Nếu như “anh hết yêu em nhưng dám chết vì em”, câu này mang nha một điều gì phi lý. Rồi sự phi lý được diễn tả một cách biểu tượng

*như “Khi đấm thuyền,/ em bơi sang bờ kia, anh bơi
sang bờ này,/ rồi anh quay lại,/ lặn xuống thuyền / tìm
linh hồn em đang chết trôi.” Sự phi lý thành thơ. Sự phi
lý thường xuyên hiện diện trong thơ Walcot.*

“Kinh dị những vách tường sừng sững trên đường phố
như những kẻ đối trá;

Lồng lộng tiếng chim náo động bầu trời, và tất cả mây
là những kiện hàng rách,

Bị xé ra cướp trộm, trắng sạch, bất chấp ngọn lửa.”

(Trích: Thành Phố Chết Bởi Hỏa Hoạn.)

*Về mặt học thuật, quan điểm nhấn là cách sử dụng “ý
nghĩa” khi so sánh. Khi nói đến so sánh là nói đến sự
tương đương giữa hai vế, hai từ vựng, hai ý nghĩa. Sự
so sánh của ông vượt ra căn bản đó. Ví dụ:*

Vì vậy, mỗi mùa xuân, các cành cây xếp hàng trên kệ,

như thư viện với các lá mới xuất bản,

chờ để tái chế - giấy thành tuyết-

nhưng, tại số không của khổ đau,

một tâm trí sống lâu như cây sồi còn vài lá lơ lảo

(Trích: Rừng Châu Âu.)

“Sách như lá mới xuất bản,”

“Giấy như tuyết,”

“Vách tường sừng sững như kẻ đối trá.”

*Đọc thơ ông, tôi cảm nhận được khả năng vận dụng lý
trí để tạo ra hình ảnh, tứ thơ, hầu diễn đạt ý nghĩa, đã*

được ông chọn lựa. Nhiều hình ảnh được mô tả rất khác thường, đầy dẫy trong sự nghiệp thi ca của ông, tạo từ những đối tượng quen thuộc, bỗng dưng, trở nên lạ lẫm: “kính gạch nâu”, “hội nghị ruồi”, “ễn ương đòi bỏ phiếu”, “tiếng cười mặn của đá”, ... Như vậy, những hình ảnh và tứ thơ lạ thường không phải do kỹ thuật của trường phái Siêu Thực, cũng không phải kỹ thuật của phong trào Hóa Ảo, tôi nghĩ, thuần túy là sự sáng tạo của tri thức. Tôi ít bắt gặp sự xuất hiện của vô thức trong thơ của Walcot. Có lẽ, vì vậy, thơ ông vừa khó phân tích, vừa khô khan, rời rạc như cát nóng. Cuối cùng, ông chứng minh được sự khác biệt giữa thơ của ông với thơ người khác.

[...]

nhưng không phải lịch sử,
chỉ là niềm tin.
rồi mỗi tảng đá vỡ ra thành mỗi quốc gia;

rồi đến hội nghị của ruồi
rồi đến chim diệc thư ký
rồi đến ễn ương gằm thét đòi bỏ phiếu,

đóm đóm với ý tưởng thông minh
đàn dơi như các đại sứ phản lực
bọ ngựa như công an áo vàng,

những sâu bướm lông lá của thẩm phán

khảo sát từng tội án kỹ càng
rồi trong đôi tai đen của cây dương xỉ

và tiếng cười mặt của đá
trong hồ bơi nước biển
nghe âm thanh như tin đồn
không có tiếng vang

của lịch sử; thực sự bắt đầu.
(Trích: Biển Là Lịch Sử.)

Đối với người nghệ sĩ, sự khác biệt vốn bẩm sinh; trưởng thành trong cá tính (không phải làm dáng hoặc cố tình lập dị,) và nảy nở theo chiều hướng nghệ thuật. Lên một cao độ nào đó, sự khác biệt trở thành bình thường, vì được sự công nhận của đám đông. (Đám đông chỉ công nhận sự lập dị, hoặc khác lạ của một người, khi người đó chứng minh được tài năng thực sự có thể bảo đảm phẩm chất cho sự khác biệt đó.)

Bản sắc của thơ là khác biệt. Nếu đi câu những thơ đã có, đã được đám đông ca tụng, na ná như thơ của những người nổi tiếng, thì nên đi câu ở bờ ao, sông hồ, đừng ảo tưởng câu cá vô danh để hữu danh, chỉ có nơi biển sâu hoặc như Walcott đi câu trong sa mạc.

Với một người bình thường, có lẽ, câu hỏi sẽ là: Liệu sa mạc có cá hay không?

o 0 o

Sir Derek Alton Walcott là nhà thơ ở đảo Saint Lucia. Ông dạy học tại University of Alberta, thành viên giáo sư Thi ca của University of Essex (2010 – 2013.)

Ngoài trừ Giải Nobel Văn chương năm 1992, ông đã nhận nhiều giải thưởng như: Obie Award, 1971; MacArthur Foundation “genius” Award; Royal Society of Literature Award; Queen’s Medal for Poetry; T.S. Eliot; Griffin Trust For Excellence in Poetry Lifetime Recognition Award (2015).

Thơ xuất bản:

- 1948: *25 Poems*
- 1949: *Epitaph for the Young: XII Cantos*
- 1951: *Poems*
- 1962: *In a Green Night: Poems 1948–60*
- 1964: *Selected Poems*
- 1965: *The Castaway and Other Poems*
- 1969: *The Gulf and Other Poems*
- 1973: *Another Life*
- 1976: *Sea Grapes*
- 1979: *The Star-Apple Kingdom*
- 1981: *Selected Poetry*
- 1981: *The Fortunate Traveller*
- 1983: *The Caribbean Poetry of Derek Walcott and the Art of Romare Bearden*
- 1984: *Midsummer*
- 1986 *Collected Poems, 1948–1984,*
- 1987: *The Arkansas Testament*
- 1990: *Omeros*
- 1997: *The Bounty*

- 2000: *Tiepolo's Hound*, includes Walcott's watercolors
- 2004: *The Prodigal*
- 2010: *White Egrets*
- 2014: *The Poetry of Derek Walcott 1948–2013*
- 2016: *Morning, Paramin* (illustrated by Peter Doig)

Kịch xuất bản:

- 1950: *Henri Christophe: A Chronicle in Seven Scenes*
- 1952: *Harry Dernier: A Play for Radio Production*
- 1953: *Wine of the Country*
- 1954: *The Sea at Dauphin: A Play in One Act*
- 1957: *Lone*
- 1958: *Drums and Colours: An Epic Drama*
- 1966: *Malcochon: or, Six in the Rain*
- 1967: *Dream on Monkey Mountain*
- 1970: *In a Fine Castle*
- 1974: *The Joker of Seville*
- 1976: *O Babylon!*
- 1977: *Remembrance*
- 1978: *Pantomime*
- 1980: *The Joker of Seville and O Babylon!: Two Plays*
- 1982: *The Isle Is Full of Noises*
- 1984: *The Haitian Earth*

- 1986: Three Plays: *The Last Carnival*, *Beef*, *No Chicken*, and *A Branch of the Blue Nile*
- 1991: *Steel*
- 1993: *Odyssey: A Stage Version*
- 1997: *The Capeman* (book and lyrics, both in collaboration with Paul Simon)
- 2002: *Walker and The Ghost Dance*
- 2011: *Moon-Child*
- 2014: *O Starry Starry Night*

Thơ Tuyển:

Thành Phố Chết Bởi Hỏa Hoạn

Sau khi người giảng Phúc âm san bằng tất cả ngoại trừ
bầu trời thánh lễ,

Tôi viết câu chuyện bằng mỡ bò về cái chết thành phố
bị lửa cháy;

Dưới con mắt cây nến, bốc khói dòng lệ, tôi muốn kể,

Không chỉ là sấp, về đức tin nổ như chạm dây điện.

Suốt ngày tôi lang thang ra ngoại quốc giữa đồng
chuyện vạt vĩnh,

Kính dị những vách tường sừng sững trên đường phố
như những kẻ đối trá;

Lồng lộng tiến chim náo động bầu trời, và tất cả mây là
những kiện hàng rách,

Bị xé ra cướp trộm, trắng sạch, bất chấp ngọn lửa.
Bên bờ biển khói, nơi Chúa đi qua, tôi hỏi, tại sao một
người khóc ra sấp khi thế giới bằng gỗ sụp đổ?
Trong thành phố, lá cây bằng giấy, mà dây đồng là một
đống đức tin;
Đối với cậu bé đi bộ suốt ngày, mỗi chiếc lá là hơi thở
xanh
Xây dựng lại tình thương, tôi tưởng đã chết như đỉnh
đóng cột,
Ban ơn sự chết và rửa tội bằng lửa.

A City's Death By Fire

After that hot gospeller has levelled all but the church'd sky,
I wrote the tale by tallow of a city's death by fire;
Under a candle's eye, that smoked in tears, I
Wanted to tell, in more than wax, of faiths that were snapped like wire.
All day I walked abroad among the rubbled tales,
Shocked at each wall that stood on the street like a liar;
Loud was the bird-rocked sky, and all the clouds were bales
Torn open by looting, and white, in spite of the fire.
By the smoking sea, where Christ walked, I asked, why
Should a man wax tears, when his wooden world fails?
In town, leaves were paper, but the hills were a flock of faiths;
To a boy who walked all day, each leaf was a green breath
Rebuilding a love I thought was dead as nails,
Blessing the death and the baptism by fire

Lễ Ngũ Tuần

Một khu rừng trong đầu
tốt hơn là bê-tông không rễ.

Thà đứng hoang mang
bên đường quanh co đom đóm bay;

đèn mùa đông soi không thấy
nơi nào vĩa hè biến mất,
những lưới tuyết cũng không
nói về đức Thánh Linh;

im lặng tự im lặng hơn
của chữ nghĩa rơi từ mái nhà
trút xuống dọc theo lan can sắt,
phương hướng, không phải bằng chúng.

nhưng kỳ diệu nhất là lướt sóng đêm này
với những đoạn kinh thánh chậm rãi trên cát,
gửi đi, chưa hẳn là tổng lãnh thiên thần,
nhưng một con chim cốc muộn màng,

tiếng ai kêu đang tắt dần
vọng qua bãi nước cạn bay lân quang
thứ này trong sách Phúc Âm thời tôi thơ trẻ
từng gọi là linh hồn.

Pentecost

Better a jungle in the head
than rootless concrete.
Better to stand bewildered
by the fireflies' crooked street;

winter lamps do not show
where the sidewalk is lost,
nor can these tongues of snow
speak for the Holy Ghost;

the self-increasing silence
of words dropped from a roof
points along iron railings,
direction, in not proof.

But best is this night surf
with slow scriptures of sand,
that sends, not quite a seraph,
but a late cormorant,

whose fading cry propels
through phosphorescent shoal
what, in my childhood gospels,
used to be called the Soul.

Biển Là Lịch Sử

Hỡi liệt sĩ, tượng đài, trận chiến của các người nơi nào?
Thưa ngài, ký ức giống nòi ở đâu trong hàm não xám?
Biển. Biển đã giam giữ chúng. Biển là lịch sử.

Trước hết, dầu trào ra
dữ dội như hỗn loạn;

rồi, giống ánh sáng cuối đường hầm,

đèn lồng từ thuyền nan,

đó là Sáng Thế Ký.

Rồi tiếng khóc dồn dập,

đồ rác rưởi, tiếng rên la:

Cuộc di cư.

Xương hàn vào san hô,

tranh khảm

bao phủ bởi ơn lành từ bóng đen cá mập,

Đó là Hòm Giao Ước.

Rồi đến từ những dây nắng mặt trời

dưới đáy biển

Nhạc đàn Hạc thảm thiết cho Babylon nô lệ,

như đám da trắng chắn bò tạp trung

giống những chiếc còng xích bầy phụ nữ chết đuối

Đó là những chiếc vòng ngà voi

từ bài ca Solomon,

nhưng biển tiếp tục lật nhiều trang trắng trống

tìm kiếm lịch sử.

Rồi những người đến đôi mắt bi thảm như mỏ neo
chìm xuống không mồi mả,

Kẻ cướp nướng thịt gia súc,
bỏ lại xương sườn cháy đen như lá dứa trên bãi biển,
rồi bọt sóng, dạ dày con thỏ

dâng sóng thủy triều nuốt cảng Port Royal
đó là thánh Gia Nô,
nhưng thời kỳ Phục Hưng ở đâu?

Thưa ngài, bị nhốt trong cát biển
ngoài xa qua khỏi thềm đá ngầm san hô,
nơi chiến hạm chèo trôi xuống;

Mang kính bảo vệ mắt, tôi sẽ hướng dẫn anh.
Tất cả huyền ảo dưới lòng biển
xuyên qua các cột san hô,

qua cửa sổ Gô-Tích của người hâm mộ biển
đến nơi cá mú vảy cứng, mắt mã não,
chớp nháy, nặng nề bởi đồ trang sức,
như nữ hoàng đầu trọc;

những hang động vòm nhọn nhìn qua kính
thấy rõ như đá
là nhà thờ của chúng ta,

những lò sưởi trước bão tố:
thành phố Gomorrah. Cối xoay gió xay xương vụn
trộn vào phân bón Macnơ và bột bắp,

Đó là lời than van,
chỉ là lời than van,
không phải là lịch sử;

rồi, như cặn bã trên môi sông khô,
đến làng lau sậy nâu
bao phủ và đóng băng thành phố,

vào buổi tối, có ca đoàn người lùn,
ở trên họ, những tháp nhọn
đâm vào cạnh nường long của Chúa

như con trai của Chúa rao giảng, đó là Tân Ước.

Sau đó, chị em da trắng vỗ tay
theo tiến trình sóng đập,

đó là sự giải phóng –

hân hoan, ôi hân hoan –
nhanh chóng biến mất
như ren biển khô trong nắng trời,

nhưng không phải lịch sử,
chỉ là niềm tin.
rồi mỗi tảng đá vỡ ra thành mỗi quốc gia;

rồi đến hội nghị của ruồi
rồi đến chim diệc thư ký
rồi đến ẽnh ương gằm thét đòi bỏ phiếu,

đóm đóm với ý tưởng thông minh
đàn dơi như các đại sứ phản lực
bọ ngựa như công an áo vàng,

những sâu bướm lông lá của thẩm phán
khảo sát từng tội án kỹ càng
rồi trong đôi tai đen của cây dương xỉ

và tiếng cười mặt của đá
trong hồ bơi nước biển

nghe âm thanh như tin đồn
không có tiếng vang

của lịch sử; thực sự bắt đầu.

The Sea Is History

Where are your monuments, your battles, martyrs?
Where is your tribal memory? Sirs,
in that gray vault. The sea. The sea
has locked them up. The sea is History.

First, there was the heaving oil,
heavy as chaos;
then, like a light at the end of a tunnel,

the lantern of a caravel,
and that was Genesis.
Then there were the packed cries,
the shit, the moaning:

Exodus.
Bone soldered by coral to bone,
mosaics
mantled by the benediction of the shark's shadow,

that was the Ark of the Covenant.
Then came from the plucked wires
of sunlight on the sea floor

the plangent harp of the Babylonian bondage,
as the white cowries clustered like manacles
on the drowned women,

and those were the ivory bracelets
of the Song of Solomon,
but the ocean kept turning blank pages

looking for History.

Then came the men with eyes heavy as anchors
who sank without tombs,

brigands who barbecued cattle,
leaving their charred ribs like palm leaves on the shore,
then the foaming, rabid maw

of the tidal wave swallowing Port Royal,
and that was Jonah,
but where is your Renaissance?

Sir, it is locked in them sea sands
out there past the reef's moiling shelf,
where the men-o'-war floated down;

strop on these goggles, I'll guide you there myself.
It's all subtle and submarine,
through colonnades of coral,

past the gothic windows of sea fans
to where the crusty grouper, onyx-eyed,
blinks, weighted by its jewels, like a bald queen;

and these groined caves with barnacles
pitted like stone
are our cathedrals,

and the furnace before the hurricanes:
Gomorrah. Bones ground by windmills
into marl and cornmeal,

and that was Lamentations -
that was just Lamentations,
it was not History;

then came, like scum on the river's drying lip,
the brown reeds of villages
mantling and congealing into towns,

and at evening, the midges' choirs,
and above them, the spires
lancing the side of God

as His son set, and that was the New Testament.

Then came the white sisters clapping
to the waves' progress,
and that was Emancipation -

jubilation, O jubilation -
vanishing swiftly
as the sea's lace dries in the sun,

but that was not History,
that was only faith,
and then each rock broke into its own nation;

then came the synod of flies,
then came the secretarial heron,
then came the bullfrog bellowing for a vote,

fireflies with bright ideas
and bats like jetting ambassadors
and the mantis, like khaki police,

and the furred caterpillars of judges
examining each case closely,
and then in the dark ears of ferns

and in the salt chuckle of rocks
with their sea pools, there was the sound
like a rumour without any echo

of History, really beginning.

Sau Cơ Bão

Có rất nhiều hòn đảo!

Nhiều như sao trời đêm

trên cành cây rung rinh nhiều thiên thạch

nghư trái rụng chung quanh thuyền buồm bay.

Nhưng luôn luôn sẽ như vậy, mọi thứ đều rơi xuống,
một mặt là sao Kim, mặt kia là sao Hỏa;
rơi xuống, trở thành một,
như trái đất, một đảo nhỏ trong quần đảo ngân hà.
Người bạn đầu tiên của tôi là biển.
Giờ đây, là người bạn cuối cùng.
Bây giờ, tôi không nói nữa. Làm việc, đọc sách.
Dưới ánh đèn lồng treo trên cột buồm.
Cố quên đi hạnh phúc là gì,
không có hiệu quả, tôi học thiên văn.
Đôi khi chỉ là tôi và bọt mềm có thể cắt
như sàn tàu trở thành trắng và trắng mở ra
cánh cửa như mây, ánh sáng bao trùm tôi
là con đường đầy trăng đẹp đưa tôi về nhà.
Dân Sabine đã hát như thế từ đáy sâu biển cả.

After The Storm

There are so many islands!
As many islands as the stars at night
on that branched tree from which meteors are shaken
like falling fruit around the schooner Flight.
But things must fall, and so it always was,
on one hand Venus, on the other Mars;
fall, and are one, just as this earth is one
island in archipelagoes of stars.
My first friend was the sea. Now, is my last.
I stop talking now. I work, then I read,
catching under a lantern hooked to the mast.
I try to forget what happiness was,

and when that doesn't work, I study the stars.
Sometimes is just me, and the soft-scissored foam
as the deck turns white and the moon opens
a cloud-like door, and the light over me
is a road in white moonlight taking me home.
Sabine sang to you from the depths of the sea.

Cái Nắm Tay

Bàn tay bóp chặt trái tim tôi
hơi nới lỏng, tôi nấc lên thở khoan khoái;
nhưng bàn tay bóp chặt một lần nữa.
Có bao giờ tôi không yêu nỗi đau thất tình?
Nhưng chuyện này vượt qua yêu đương
trở thành cuồng dại.
Chuyện này có kẻ điên bóp chặt
Chuyện này níu lấy bờ rìa phi lý,
trước khi gào thét lao mình xuống vực sâu.

Này trái tim, hãy cố chịu đựng.
Bị cách này, ít nhất vẫn còn sống

The Fist

The fist clenched round my heart
loosens a little, and I gasp
brightness; but it tightens
again. When have I ever not loved
the pain of love? But this has moved

past love to mania. This has the strong
clench of the madman, this is
gripping the ledge of unreason, before
plunging howling into the abyss.

Hold hard then, heart. This way at least you live.

Rừng Châu Âu

Những chiếc lá cuối cùng rơi xuống như những nốt
nhạc dương cầm

để lại hình dạng bầu dục vang vọng trong tai;

với giá nhạc lóng ngóng,

khu rừng mùa đông giống dàn hợp tấu vắng người,

dòng nhạc viết nháp rải rác trên bông tuyết.

Vòng nguyệt quế bằng gỗ sồi dát đồng

tỏa sáng qua tấm kính gạch nâu trên đầu em sáng như
whiskey,

trong khi hơi lạnh lẽo từ câu thơ Mandelstam,

Anh đã trình diễn thuộc lòng,

tỏa ra rõ ràng như khói thuốc bay.

Tiếng sột soạt mấy tờ tiền rúp bên trái chanh Neva!

Từ lưỡi anh lưu đây,

giòn tan dưới gót chân,

âm yết hầu rạn nứt như lá mục,

câu thơ trong quỹ đạo Mandelstam
với ánh sáng trong căn phòng màu nâu,
ở Oklahoma cần cỗi.

Có bộ sách Gulag Archipelago (1)
dưới lớp băng, nơi suối khoáng muối,
đường mòn dài của nước mắt
chảy qua đồng bằng khô khốc, trần trụi
như gương mặt người chăn gia súc
nứt nẻ bởi nắng, râu lởm chớm dính tuyết chưa cạo.

[Những vòng tròn tuyết giống những vòng tròn
quấn chung quanh xác người Choctaw kiệt sức,
lớn dần trong tiếng thì thầm từ đại hội nhà văn,
cho đến khi thành trận bão tuyết các hiệp ước và giấy
trắng
khi chúng ta mất dấu một người duy nhất thông qua
nguyên nhân.]

Vì vậy, mỗi mùa xuân, các cành cây xếp hàng trên kệ,
như thư viện với các lá mới xuất bản,
chờ tái chế - giấy thành tuyết-
nhưng, không có gì đau buồn,
một tâm trí sống lâu như cây sồi còn vài chiếc lá lơ lảo.

Khi đoàn tàu băng qua khu rừng tra tấn các thần tượng,
những tảng băng nổi chạm nhau kêu như bãi vận hàng,
rồi nước mắt đông lạnh nhiều thành những chóp nhọn,
những nhà ga phun hơi nước rít lên,
anh ta hút chúng vào một hơi thở mùa đông
có những phụ âm đóng băng biến thành đá.

Anh nhìn thấy thơ trong các nhà ga lẻ loi
dưới những đám mây mênh mông như Châu Á,
qua những miền có thể nuốt chửng Oklahoma như một
trái nho,
không phải những cánh đồng rợp bóng cây này dừng
lại
nhưng không gian tiêu điều chế nhạo các nơi đến.

Đứa trẻ da đen trên lan can Châu Âu là ai,
ngắm dòng sông bạc hà buổi tối
những chủ quyền đóng dấu bởi chính quyền,
không phải bởi thi sĩ,
sông Thames và sông Neva sột soạt như giấy bạc,
rồi, đen trên vàng thẻ, bóng hình sông Hudson?

Đổ từ sông Neva băng giá đến Hudson,

dưới mái vòm sân bay, các trạm vang vọng,
nhánh sông dân di cư
lưu vong trở thành không giai cấp
như cảm lạnh thông thường,
công dân thuộc ngôn ngữ của em,

mỗi tháng Hai, mỗi 'mùa thu năm trước'.
anh viết khác xa người gặt đập lúa
gấp lúa mì như cô gái bím tóc mình,
xa những kênh đào Nga chao đảo vì say nắng,
người đàn ông sống ở Anh trong một căn phòng.

Các quần đảo du lịch phía nam là những nhà tù, thối
nát,
dù không nhà tù hắc búa nào khó hơn viết câu thơ,
thơ là gì, nếu nó đáng giá như muối,
nhưng người ta có thể nào đưa câu thơ từ tay lên
miệng?

Từ tay lên miệng, qua nhiều thế kỷ,
bánh mì vẫn tồn tại trong khi các hệ thống mục nát,
trong khu rừng lá cành thép gai,
khi tù nhân ngồi vòng tròn, nhai một câu
mà âm nhạc tồn tại lâu hơn chiếc lá,

mà ngưng đọng là mồ hôi đá cẩm thạch
trên trán các thiên thần, sẽ không bao giờ khô
cho đến khi Borealist tắt ánh sáng đuôi công (2)
của người hâm mộ từ LA. đến Tổng lãnh thiên thần,
và trí nhớ không cần lập lại.

Sợ hãi và chết đói, với cơn sốt thần linh Osip
Mandelstam run rẩy,
mọi phép ẩn dụ làm ông ta ớn lạnh rùng mình,
mỗi nguyên âm nặng hơn viên đá xây biên giới,
'Cho tiếng sột soạt máy tờ tiền rúp bên trái chanh Neva'

nhưng giờ đây cơn sốt trở thành ngọn lửa rực rỡ
sưởi ấm bàn tay,
Joseph, khi chúng ta cần nhàn như động vật linh
trưởng
chuyện trò bằng giọng khỉ trong hang lạnh này
trong ngôi nhà nhỏ màu nâu,
trong khi bên ngoài đàn voi Ma-mút lang bạt
đẩy thân mình xuyên qua tuyết.

(1) The Gulag Archipelago: An Experient in Literary
Investigation. Bộ sách gồm ba cuốn, viết giữa 1958 –
1968, của nhà văn Aleksandr Solzhenitsyn. Xuất bản

năm 1973, bản Anh ngữ năm 1975. Viết về đời sống ở Gulag, hệ thống tù lao động.

(2) Borealist là ánh sáng từ vùng bắc cực chiếu lên do băng tuyết phản ảnh. Ánh sáng có hình nan quạt giống đười con công xòe ra.

(**) Tôi đánh giá bài thơ này hay, cao kỳ, nhưng lại có nhiều đoạn không đủ khả năng dịch, nhưng lại tiếc bài thơ. Cuối cùng, dịch và dịch đại khái. [...] Những dòng thơ trong khung, dịch đại khái vì tôi không hiểu ý của tác giả, đành phải gác lại, chờ trí khôn mở mang thêm

Forest Of Europe

The last leaves fell like notes from a piano
and left their ovals echoing in the ear;
with gawky music stands, the winter forest
looks like an empty orchestra, its lines
ruled on these scattered manuscripts of snow.

The inlaid copper laurel of an oak
shines though the brown-bricked glass above your head
as bright as whisky, while the wintry breath
of lines from Mandelstam, which you recite,
uncoils as visibly as cigarette smoke.

'The rustling of ruble notes by the lemon Neva.'
Under your exile's tongue, crisp under heel,
the gutturals crackle like decaying leaves,
the phrase from Mandelstam circles with light
in a brown room, in barren Oklahoma.

There is a Gulag Archipelago
under this ice, where the salt, mineral spring
of the long Trail of Tears runnels these plains
as hard and open as a herdsman's face
sun-cracked and stubbled with unshaven snow.

Growing in whispers from the Writers' Congress,
the snow circles like cossacks round the corpse
of a tired Choctaw till it is a blizzard
of treaties and white papers as we lose
sight of the single human through the cause.

So every spring these branches load their shelves,
like libraries with newly published leaves,
till waste recycles them—paper to snow—
but, at zero of suffering, one mind
lasts like this oak with a few brazen leaves.

As the train passed the forest's tortured icons,
the flocs clanging like freight yards, then the spires
of frozen tears, the stations screeching steam,
he drew them in a single winters' breath
whose freezing consonants turned into stone.

He saw the poetry in forlorn stations
under clouds vast as Asia, through districts
that could gulp Oklahoma like a grape,
not these tree-shaded prairie halts but space
so desolate it mocked destinations.

Who is that dark child on the parapets
of Europe, watching the evening river mint
its sovereigns stamped with power, not with poets,
the Thames and the Neva rustling like banknotes,
then, black on gold, the Hudson's silhouettes?

From frozen Neva to the Hudson pours,
under the airport domes, the echoing stations,
the tributary of emigrants whom exile
has made as classless as the common cold,
citizens of a language that is now yours,

and every February, every 'last autumn',
you write far from the threshing harvesters
folding wheat like a girl plaiting her hair,
far from Russia's canals quivering with sunstroke,
a man living with English in one room.

The tourist archipelagoes of my South

are prisons too, corruptible, and though
there is no harder prison than writing verse,
what's poetry, if it is worth its salt,
but a phrase men can pass from hand to mouth?

From hand to mouth, across the centuries,
the bread that lasts when systems have decayed,
when, in his forest of barbed-wire branches,
a prisoner circles, chewing the one phrase
whose music will last longer than the leaves,

whose condensation is the marble sweat
of angels' foreheads, which will never dry
till Borealis shuts the peacock lights
of its slow fan from L.A. to Archangel,
and memory needs nothing to repeat.

Frightened and starved, with divine fever
Osip Mandelstam shook, and every
metaphor shuddered him with ague,
each vowel heavier than a boundary stone,
'to the rustling of ruble notes by the lemon Neva,'

but now that fever is a fire whose glow
warms our hands, Joseph, as we grunt like primates
exchanging gutturals in this wintry cave
of a brown cottage, while in drifts outside
mastodons force their systems through the snow.

Ngày Xaba, W.I.

Những ngôi làng đó hứng chịu ngày Chủ Nhật u sầu,
trên tất cả các con đường đất đỏ, chỉ một con chó ngủ

những ngọn núi lửa như hoa hồng tàn,
hoặc vết thương vì nghèo chữa không khỏi,

chung quanh những cậu bé gầy gò, má hóp
đang bán đá lưu huỳnh màu vàng

lá chuối cháy trước kia đã từng nhảy múa
lòng con sông lút đầy mảnh vỏ chai
rừng cao nơi con chim hót tiếng xanh lẫn vàng
trong nắng dưới tàng lá có ngọn lửa màu cam
đã quên rồi tiếng sáo

Cây gommier bóc vỏ vì cháy nắng vẫn tranh đấu để
thoát ra biển khơi
con thằn lằn chết biến thành màu xanh như đá
những dòng sông này, những bọt nước, đã quên bản
nhạc xưa,
lần dạo chơi ngán ngủi dưới rặng hạnh nhân biển cạn
nơi các người già khô khốc ngồi nhìn chiếc thuyền
buồm trắng
mắc kẹt trên cành cây
và chơi cờ đam với đàn chim Chiến bay trên sườn đồi
như những mảnh bình vỡ

những cây Dương Xỉ in bộ xương lên da
những con đường bắt đầu đọc tên mình lên sao Hôm
nhắc nhở chúng, chúng sẽ ngừng lại
những con cua sẵn sàng để kỷ nguyên vượt qua

những con Diệc như góa phụ nghi ngờ sự phản ảnh
chính mình đang hỏi han,
hỏi dãy cây Tầm Ma đang chờ đợi
những ngày Chủ Nhật đó, những ngày Chủ Nhật đó

những ngày Chủ Nhật đó khi ánh đèn cuối đường là cơ
duyên
những ngày Chủ Nhật đó khi mẹ tôi nằm ngửa
Những ngày Chủ Nhật đó khi các chị em tụ tập như
bướm trắng quanh đèn đường
và thành phố băng ngang chúng tôi trên đường chân
trời

Sabbaths, W.I.

Those villages stricken with the melancholia of Sunday,
in all of whose ocher streets one dog is sleeping

those volcanoes like ashen roses, or the incurable sore
of poverty, around whose puckered mouth thin boys are
selling yellow sulphur stone

the burnt banana leaves that used to dance
the river whose bed is made of broken bottles
the cocoa grove where a bird whose cry sounds green and
yellow and in the lights under the leaves crested with
orange flame has forgotten its flute

gommiers peeling from sunburn still wrestling to escape the sea

the dead lizard turning blue as stone

those rivers, threads of spittle, that forgot the old music

that dry, brief esplanade under the drier sea almonds
where the dry old men sat

watching a white schooner stuck in the branches
and playing draughts with the moving frigate birds

those hillsides like broken pots.

those ferns that stamped their skeletons on the skin

and those roads that begin reciting their names at vespers

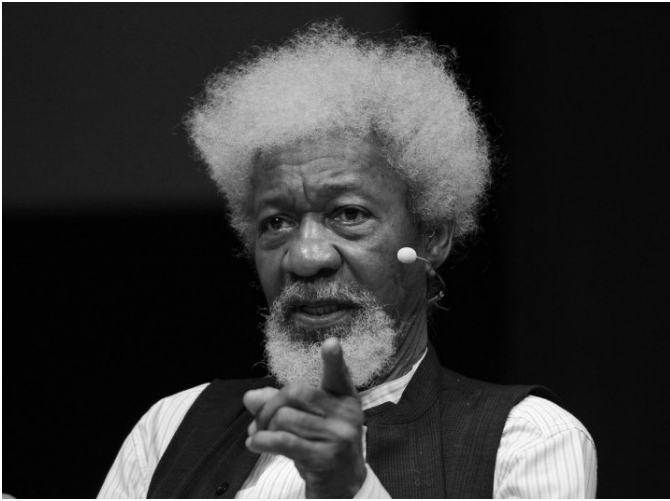
mention them and they will stop
those crabs that were willing to let an epoch pass
those herons like spinsters that doubted their reflections
inquiring, inquiring

those nettles that waited
those Sundays, those Sundays

those Sundays when the lights at the road's end were an occasion

those Sundays when my mother lay on her back
those Sundays when the sisters gathered like white moths
round their street lantern

and cities passed us by on the horizon



Wole Soyinka (1934 -)

Nobel Văn Chương 1986

Thi sĩ Nigeria

Tôi nghĩ:

Thơ của Soyinka đặt nặng suy tưởng. Sự chọn lựa hình ảnh và tứ thơ vừa khác thường vừa nghiêm túc, bày tỏ lòng trang trọng đối với thơ. Tuy nhiên suy tưởng là một hành trình đơn độc của mỗi cá nhân, đưa đến kết quả hoàn toàn là kinh nghiệm riêng, nhất là loại kinh nghiệm về thế giới trừu tượng, đương nhiên, sẽ tạo ra sự khó cảm thông, khó hiểu. Sự lãnh hội tùy thuộc vào mỗi người. Tôi tự hỏi, không lẽ nào “khó hiểu” lại là một hình thức trí tuệ của thơ?

Về học thuật, trong thơ, ông không chủ yếu so sánh trực tiếp. Nhiều tứ thơ, thay vì so sánh ông chọn mô tả đối tượng, áp dụng như một 'so sánh dài', gián tiếp. Ví dụ thay vì dùng điều gì tương đương hoặc tương xứng để so sánh với sự tinh khiết của nỗi buồn, ông mô tả:

Ô, trời phải mưa

Những chấm dứt này trong tâm trí

mù quáng chúng ta

trong thất vọng lạ kỳ,

giảng dạy sự tinh khiết của nỗi buồn

(Trích: I Think it rains.)

Đọc thơ ông tôi có cảm giác, ông đang nói về những tư duy đậm đặc đã được nghiền ngẫm, mơ hồ, khó tiếp cận. Những lúc tiến lại gần ý nghĩa, thì những tứ thơ biểu tượng làm cho ý nghĩa chột mông lung. Thêm vào, cách sử dụng ngữ pháp và cú pháp càng khiến cho tôi nghi ngờ, mình đang đi lạc vào trận đồ tri thức. Khái niệm này cũng giải thích những loại thơ nặng nề tư tưởng như thơ Luis Borges, Mark Strand, Octavio Paz, Mallarmé, ...etc... cần phải có những máu chốt trong mỗi bài thơ, để cho người đọc những cơ hội chia sẻ. Nhưng thực tế, những nhà thơ đọc đáo thường ít quan tâm về việc đọc giả có hiểu mình hay không, mà chỉ quan tâm với đam mê cá nhân về giá trị và mỹ thuật. Đây là ưu điểm hay khuyết điểm của sáng tác?

Dịch thơ của ông là cả một thử thách đầy bối rối. Phải thú nhận rằng, tôi chưa dịch thơ của ai mà phải lo nghĩ rối rắm như thơ ông này. Tuy vậy, chúng ta không thể thiếu ông trong tuyển tập thơ hay trên thế giới của thời

đương đại, vì phong cách và dung mạo thơ của ông vừa lạ lại vừa hay, gần giống cái đầu của triết gia Socrate: Chân dung cổ quái nhưng chứa một bộ não thần kỳ.

o 0 o

Tác giả tên thật : Akinwande Oluwole Babatune Soyinka, làm thơ, viết văn, sáng tác kịch. Viết tiểu luận bằng Anh ngữ. Sinh quán tại Abeokuta. Tốt nghiệp đại học University College Ibadan và đại học University of Leeds ở Anh. Nổi tiếng là kịch tác gia, tác phẩm được trình diễn trên sân khấu, trên đài phát thanh ở Nigeria và Anh quốc. Hoạt động chính trị, đòi quyền độc lập ra khỏi thuộc địa Anh. Bị bắt biệt giam hai năm dưới thời tướng Yakubu Gowon.

Ông dạy môn văn chương tại các đại học như Obafemi Awolowo University, University of Ife, và đại học Cornell, đại học Nevada, đại học Loyola Marymount, đại học Oxford, Havard và Yale ở Mỹ. Ngoài giải Nobel, ông đã nhận lãnh hơn hai mươi giải khác

Tác phẩm:

Kịch.

- Keffi's Birthday Treat (1954)
- The Swamp Dwellers (1958)
- A Quality of Violence (1959)^[105]
- The Trials of Brother Jero (1960)
- My Father's Burden (1960)
- Before the Blackout (1964)
- Kongi's Harvest (1964)
- The Road (1965)
- Madmen and Specialists (1970)
- Jero's Metamorphosis (1973)
- Death and the King's Horseman (1975)

- Opera Wonyosi (1977)
- Requiem for a Futurologist (1983)
- A Play of Giants (1984)
- Childe Internationale (1987)^{[106][107]}
- From Zia with Love (1992)
- The Detainee (radio play)
- The Beatification of Area Boy (1996)
- Document of Identity (radio play, 1999)
- King Baabu (2001)
- Alapata Apata (2011)
- "Thus Spake Orunmila"

Tiểu thuyết:

- The Interpreters (1965)
- Season of Anomy (1972)
- Chronicles from the Land of the Happiest People on Earth (Bookcraft, Nigeria; Bloomsbury, UK; Pantheon, US, 2021)^[109]

Truyện Ngắn:

- A Tale of Two (1958)
- Egbe's Sworn Enemy (1960)
- Madame Etienne's Establishment (1960)

Thơ:

- Telephone Conversation (1963) (appeared in Modern Poetry in Africa)
- Idanre and other poems (1967)
- A Big Airplane Crashed into The Earth (original title Poems from Prison) (1969)
- A Shuttle in the Crypt (1971)
- Ogun Abibiman (1976)
- Mandela's Earth and other poems (1988)
- Early Poems (1997)
- Samarkand and Other Markets I Have Known (2002)

Thơ Tuyển

Đêm

Này đêm, bàn tay người đặt trên trán ta nặng nhọc.
Ta không có trái tim sáng bạc như mây,
dám làm.
Gây phiền hà chòm sao Đại Hùng huyền ảo của người.
Đàn bà như con sò, hiện thân trên biển.
Ta thấy mắt người ganh tị đập tắt ánh huỳnh quang của
đại dương,
Nhảy theo nhịp đập triền miên của sóng.
Ta đứng, kiệt sức
đầu hàng như cát, máu, nước mắt, chảy vào gốc rễ.
Này đêm, người mưa bóng so le qua cành lá tối tăm
Cho đến khi tắt trong tràn ngập ấm áp của các mộ
phần rải rác
Cảm giác làm ta đau đớn, vô danh, cảm lạnh như tên
trộm đêm.
Bây giờ, hãy cất giấu ta, khi con cái đêm lai vãng đến
địa cầu
Ta không nghe thấy gì!
Những mộ phần âm u này chưa hủy bỏ được ta;
Trần truồng, tự nguyện, sinh ra trong một đêm cảm.

Night

Your hand is heavy, Night, upon my brow.
I bear no heart mercuric like the clouds,
to dare.
Exacerbation from your subtle plow.
Woman as a clam, on the sea's present.
I saw your jealous eye quench the sea's
Flouorescence, dance on the pulse incessant
Of the waves. And I stood, drained
Submitting like the sands, blood, and brine
Coursing to the roots. Night, you rained
Serrated shadows through dank leaves
Till bathed in a warm suffusion of your dappled cells
Sensations pained me, faceless, silent as night thieves.
Hide me now, when night children haunt the earth
I must hear none! These misted cells will yet
Undo me; naked, unbidden, at Night's muted birth.

Tôi Nghĩ Trời Mưa

Tôi nghĩ trời mưa

Những chiếc lưới có thể giã ra khỏi miếng vá

Tách rời nóc miệng,

Treo nặng nề kiến thức.

Tôi thấy nó từ tro tàn

Đột ngột nâng lên đám mây.

Tụ tập

Tham gia vào một vòng tròn xám;

bên trong,

Linh hồn xoay cuồng.

Ô, trời phải mưa
Những kết thúc này trong tâm trí
Mù quáng chúng ta
Trong thất vọng lạ kỳ,
Dạy bảo sự tinh khiết của nỗi buồn

Và nó đập như thế nào

Những ước muốn, những khao khát đen tối héo khô
Trong những buổi lễ rửa tội tàn nhẫn

Lau sậy ướt mưa, kinh nghiệm
trong thái độ uốn cong,
nhưng không khuất phục
Từ xa, mưa kết hợp với trái đất,
Gần như khối đá trong thế thủ.

I think it rains

I think it rains
That tongues may loosen from the parch
Uncleave roof-tops of
the mouth, hang
Heavy with knowledge

I saw it raise
The sudden cloud, from ashes.

Settling
They joined in a ring of
grey, within,
The circling spirit.

O it must rain
These closures on the mind, blinding us
In strange despairs, teaching
Purity of sadness.

And how it beats
Skeined transperencies on wings
Of our desires, searing dark longings
In cruel baptisms.

Rain-reeds, practised in
The grace of yielding, yet unbending
From afar, this, your conjugation with my earth
Bares crouching rocks.

Diễn Hành 1 – Ngày Treo Cổ

Ngày treo cổ.

Trái đất trống không

Mồ mả diễn hành bước chân vang vọng

Mặt trời chiếu những vách tường

Đổ bóng xuống buổi sáng ngăn lại.

Phía sau băng che mắt có màu xanh trời tươi.

Bức tường cầu nguyện đã lẩn trốn

Trong một mảnh mù, khép lại.

Sâu thẳm màu xám di truyền.

Bấn loạn chân tay.

Đôi khi nhìn thoáng qua
Liên tưởng đến cầu treo
Kéo lên không bao giờ hạ xuống
Giữa đám đông và tôi đang đưa.

Rút lui, như tất cả sự sống trên thế giới
Tin việc vắng mặt qua mắt nhìn cảm nhận
Bị rào cản đầy bí ẩn trong ngôi nhà trống không.
Vì những cửa sổ đã đóng, tôi biết trái tim
Đã đi rất xa so với hiện tại.

Giẫm lên. Rơi xuống. Rơi xuống kinh hoàng. Chết.

Tôi có thể nói gì với bạn đọc? Tiết lộ chuyện gì?
Tôi, trước họ nhìn không thấy,
đứng một chân trên bờ vực hoang vu
Lòng e rằng sẽ không trở lại

Procession I - Hanging day

Hanging day.
A hollow earth
Echoes footsteps of the grave procession.
Walls in sunspots
Lean to shadow of the shortening morn.

Behind an eyepatch lushly blue.
The wall of prayer has taken refuge
In a piece of blindness, closed.
Its grey recessive deeps.
Fretful limbs.

And glances that would sometimes
Conjure up a drawbridge
Raised but never lowered between
Their gathering and my sway.

Withdraw, as all the living world
Belie their absence in a feel of eyes
Barred and secret in the empty home.
Of shuttered windows, I know the heart.
Has journeyed far from present.

Tread. Drop. Dread Drop. Dead.

What may I tell you? What reveal?
I who before them peered unseen
Who stood one-legged on the untrodden
Verge- lest I should not return.

Người Dân Và Người Lính

Tôi xuất hiện nổi lên từ sụp đổ của lãnh đạo,
Tuyên bố, “Tôi là người dân”.
Chỉ làm nặng nề thêm nỗi sợ hãi.
Vì sao tôi có thể nổi dậy,
một sinh vật trong thế giới này,
chết vô tư trong giờ đó!
Tôi nghĩ:

kể cả những tranh chấp trong cõi đời.

Anh đứng yên

Đối với ngàn xưa và ngàn mai,

Ôi, tôi đã nghe bài học trong các buổi đào tạo anh,

Hãy lưu ý – sau lưng anh trái đất đang thiêu đốt,

Không thể bỏ lại phía sau sự trung lập mập mờ.

Sự lặp lại tình cảnh khó khăn của người dân,

đào sâu vào đất từ lễ hội lãnh đạo của các bạn anh hào
hức

Càng làm anh lấm lẩn tôi tệ hơn

khi anh dùng súng bắn vào tôi

cái chết giật mắt tôi chậm chậm,

cảnh ngộ của các anh trở nên rõ ràng.

Hy vọng ngày nào đó

Mục đích tôi sống bị kiểm soát trong cuộc tiến lên

bởi sự xuất hiện của anh trong chiến hào,

Ra hiệu, tôi là người lính.

Không do dự nhưng tôi sẽ bắn anh nhanh chóng và
công bình

Bằng thịt, bánh mì, và một bầu rượu

Một buồng ngực từ một trong hai tay

và câu hỏi duy nhất –

Này anh, ngay cả đến giờ, anh có biết là chuyện gì không?

Civilian And Soldier

My apparition rose from the fall of lead,
Declared, 'I am a civilian.' It only served
To aggravate your fright. For how could I
Have risen, a being of this world, in that hour
Of impartial death! And I thought also: nor is
Your quarrel of this world.

You stood still
For both eternities, and oh I heard the lesson
Of your training sessions, cautioning -
Scorch earth behind you, do not leave
A dubious neutral to the rear. Reiteration
Of my civilian quandary, burrowing earth
From the lead festival of your more eager friends
Worked the worse on your confusion, and when
You brought the gun to bear on me, and death
Twitched me gently in the eye, your plight
And all of you came clear to me.

I hope some day
Intent upon my trade of living, to be checked
In stride by your apparition in a trench,
Signalling, I am a soldier. No hesitation then
But I shall shoot you clean and fair
With meat and bread, a gourd of wine
A bunch of breasts from either arm, and that
Lone question - do you friend, even now, know
What it is all about?



Herta Müller (1953 -)

Nobel Văn Chương 2009

Thi sĩ Đức, gốc Romania

Nhà văn, nhà thơ, nhà tiểu luận. Khoảng đầu thập niên 1990, bà đã nổi tiếng trên thế giới. Tác phẩm được dịch sang hai mươi thứ tiếng. Hầu hết tác phẩm của bà được nói lên từ góc nhìn của nhóm thiểu số di dân Đức, gốc Romania và tầm nhìn về một lịch sử mới của Đức quốc.

Bà nhận lãnh hơn hai mươi giải thưởng, ngoài giải Nobel, các giải khác như Kleist Prize (1994), Aristeion Prize (1995), International Dublin Literature Award (1998), Franz Werfel Human Rights Award (2009), Hannelore Greve Literature Prize (2014), Pour le Mérite for Sciences and Arts (2014).

Văn Xuôi:

- Niederungen, truyện, 1982.
- Drückender Tango, truyện, 1984.

- Der Mensch ist ein großer Fasan auf der Welt, 1986.
- Barfüßiger Februar, 1987
- Reisende auf einem Bein, 1989.
- Der Teufel sitzt im Spiegel, 1991.
- Eine warme Kartoffel ist ein warmes Bett , 1992.
- Der Wächter nimmt seinen, 1993.
- Angekommen wie nicht da, 1994
- Herztier, Reinbek bei Hamburg, 1994.
- Hunger und Seide , tiểu luận, 1995.
- In der Falle, 1996
- Heute wär ich mir lieber nicht begegnet, 1997.
- Der fremde Blick oder Das Leben ist ein Furz in der Laterne, 1999
- Heimat ist das, was gesprochen wird, 2001.
- A Good Person Is Worth as Much as a Piece of Bread, 2001.
- Der König verneigt sich und tötet, 2003.
- Atemschaukel, Munich, 2009. T
- Immer derselbe Schnee und immer derselbe Onkel, 2011

Thơ và Thơ Tìm Thấy:

- Im Haarknoten wohnt eine Dame, 2000
- Die blassen Herren mit den Mokkatassen, 2005.
- Este sau nu este Ion, 2005
- Father's on the Phone with the Flies: 2018.

Màu xám

Colour Grey

Bản Anh ngữ: Roger Woodhouse

1.

Tôi canh tác thời gian, đậu, màu xám
Và may lại bóng tối trong ngày tàn
Họ sinh ra phụ nữ, đúng hơn là cô gái
Mất trong đại dương như viên ngọc trai
Đàn thiên nga Coole (*) bay ngang đầu
Có đậu xuống bên tôi dừng nghỉ
Có lẽ, giờ đây đã đến phiên tôi.
Sâu trong sương lạnh mắt nhìn không thấy
Con báo sẽ in dấu chân
Rồi đột nhiên phóng tới
Giải thoát tất cả tiếng chuông thi ca
Có lẽ, giờ đây đã đến phiên tôi.
Con thú hung bạo chưa bao giờ ra đời
Dù đã sáng chế chiếc lồng cho nó
Có lẽ, giờ đây đã đến phiên tôi.
Tôi có chuyện sẽ kể, sẽ rung chuông
Khi anh bắt đầu tin tưởng
Khi anh bắt đầu nghe ngóng
Có lẽ, giờ đây đã đến phiên tôi.

2.

Những ngày này, không nghĩ đến anh
Nhưng sau khi bỏ hóng lấp đầy trên ngực
Tôi bắt đầu tự hỏi
những buổi tối đó ở đâu, những lần lang thang
Trong bãi cỏ mênh mông đầy mê hoặc
Không dự định,
Dù đã cố tìm ra ý nghĩa
Những chim nào thức sớm bắt được sâu
Tôi nằm trong tiếng đồng hồ cũ không ngừng tích tắc
Đếm từng chút máu đông,
Lắng nghe những con sâu
trong tất cả chúng ta
Rồi bắt đầu bò về tử cung
Nơi đã ném tôi ra từ lâu lắm
Rồi tìm bóng tối, lỗ đen
để hút tôi vào

3.

Tôi tử tế với anh ấy
Anh tử tế với tôi
Chỉ
Cửa chính, cửa sổ
Đã đóng
Sợ rằng chúng ta ngủ thấy nhau.

(*) Swan at Coole: cụm từ trong tựa đề “The Wild Swans at Coole” của W.B. Yeats. Coole Swan là biểu tượng của đẹp và trẻ.

Colour Grey

1.

I grow time, beans, the colour gray
And stitch the shadows of a dying day
They make a woman, rather a girl
Lost in the ocean like a grain of pearl
The swans of Coole fly over me
Will they rest for a while by me!
Maybe it's my turn now.
Deep in the frost where my eyes shall never go
The leopard will print his paw
And with a sudden leap break free
All the chimes of poetry
Maybe it's my turn now.
The rough beast was never born
Though we devised a cage for his morn
Maybe it's my turn now.
I have a tale to tell I shall also ring the bell
When you start believing
When you start hearing
Maybe it's my turn now.

2.

These days I don't think of you
But after the soot covers me
I begin to wonder where those
Evenings have gone, those wanderings
In the spacious lawns of enchantment
That smacked of no design, though
We were bent on making a sense
The early birds get their worms
I lie in the tireless ticking of my old watch
Counting the bits of frozen blood,
Listening to the worms
That are in all of us
Then I begin to crawl towards the womb
That threw me off a long way back

And look for the dark, the black hole
To suck me up.

3.
I was nice to him
He was nice to me
Only
Our doors, our windows
Kept closed
Lest we smell each other.

Thơ Tìm Thấy (Found Poetry)

Thơ Tìm Thấy sử dụng các văn kiện có sẵn, sửa chữa, tu chỉnh trong tinh thần tái dụng, tái tạo: Sắp xếp theo sáng tạo và diễn tả thành một bài thơ.

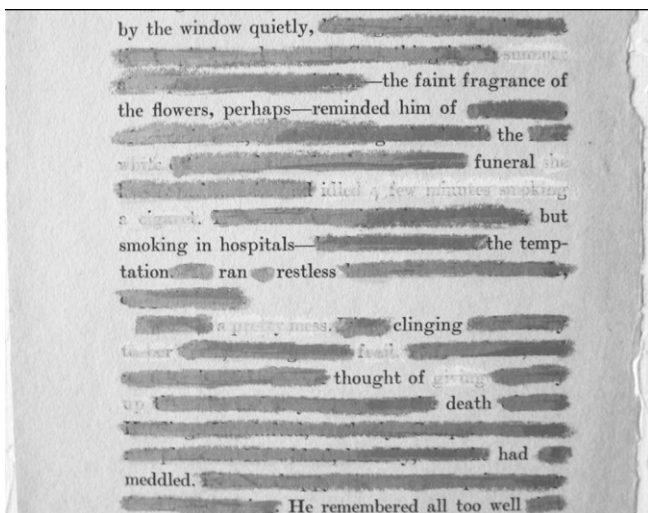
Ví dụ, sự xuất hiện của thơ Tìm Thấy trong văn bản của bài thơ nổi tiếng, Cantos của Ezra Pound. Bao gồm các bức thư do các tổng thống và giáo hoàng viết, cùng với các tài liệu chính thức từ chính phủ và ngân hàng.

Trong tác phẩm lớn của T.S. Eliot: The Waste Land, ông cũng sử dụng nhiều văn bản khác nhau, có luôn cả vở kịch hí viện của Wagner, và thần thoại Hy Lạp. Các nhà thơ khác sử dụng thơ Tìm Thấy trong tác phẩm của họ như William Carlos Williams, Charles Olson, và Louis Zukofsky. Nhà văn Annie Dillard nói rằng, việc biến một văn bản thành một bài thơ sẽ nhân đôi bối cảnh của bài thơ đó: “Ý nghĩa ban đầu vẫn nguyên vẹn, nhưng bây giờ nó dao động giữa hai cực.”

Thơ Tìm Thấy nổi bật trong thế kỷ 20, mang những nét nghệ thuật gần gũi đại chúng, chẳng hạn các lon súp

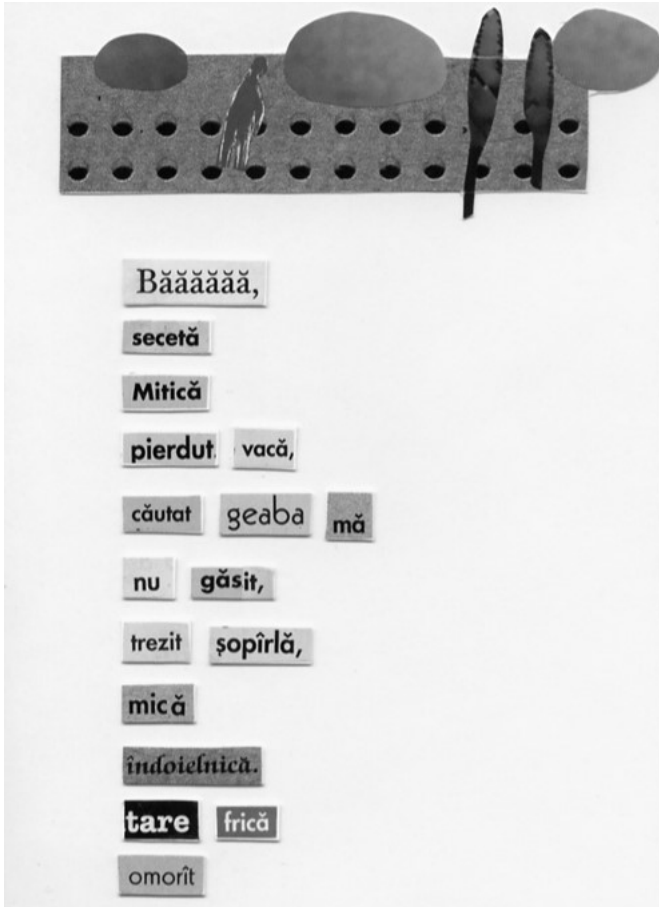
của Andy Warhol, chiếc xe đạp và bồn tiểu của Marcel Duchamp.

Khi thơ Tỉm Thấy phát triển, người nghệ sĩ có thể sử dụng bất kỳ chữ nghĩa nào vừa ý, bao gồm các bài thơ khác, các cuộc trò chuyện, chuyện nghe lén, hoặc tưởng tượng ... Tất cả chỉ là vật liệu, nghệ thuật tổ chức những vật liệu, dữ kiện mới quan trọng. Sự tổ chức là sáng tác thơ, tức là phải hội đủ các điều kiện: sáng tạo, ý nghĩa, thẩm mỹ và thẩm mỹ diễn đạt. Bằng những cách thế của ý thức và vô thức, nhà thơ truyền đạt ý nghĩa mới, thẩm mỹ mới từ những gì đã cũ, đã thuộc về người khác.



Cụm từ Tỉm Thấy nói lên hành động quan sát và cảm nhận thường xuyên những gì xảy ra chung quanh đời sống, để bất chợt nhận ra điều gì đó là thơ

Thơ Tìm Thấy của Herta Muller



No. 565 (Băăăăăă)

Abends schiebt jede Aprikose der anderen ein Steinchen in den Bauch wir auch zwei Drittel aller Katzen fühlen sich im fünften Lebensjahr



laufen luftig in die Fremde – im Handtäschchen gerade noch das Haar und vom Bahndamm wagt sich via Stadion der Mond wie ein Ballon ins Haus 11 Fingernägel an einer Schnur hat er dabei schau an ich hab ein Faible für die Nummer 3

No. 487 (Abends schiebt jede Aprikose)

der **PLATZ** war für den **Kopf**
zu **SCHWER** war jetzt **GEGEN**
drei Uhr **leer** *na* **DA** kam
- ein **SOLITAIRE** ich **GAB** ihm
eine **KAPPE** **da** sagte er **was**
soll **ich** denn mit **der** *ich* sagte
als **ER** **DARAN** **ROCH** **MENSCH**
nimm **sie** doch



No. 493 (der Platz war für den Kopf)



No. 550 (da, înăuntru și afară)



No. 528 (deoarece am sădit un șoarece în)

Trái Cầu Bốc Cháy

Der Mensch ist ein großer Fasan auf der Welt

Herta Muller

Bản Anh ngữ: Martin Chalmers

Bầy heo đốm của nhà hàng xóm đang nằm ngủ trong đám cà rốt dại. Những người phụ nữ da đen bước ra khỏi nhà thờ. Mặt trời chói chang. Nâng những đôi giày nhỏ màu đen của họ lên vĩa hè. tay đeo tràng hạt thánh giá. Ánh mắt rạng ngời vì cầu nguyện.

Bên trên mái nhà của người thợ thuộc da chuông nhà thờ đổ giữa ngày. Bên trên tiếng chuông, mặt trời là chiếc đồng hồ kỳ diệu. Thánh lễ đã kết thúc. Trời oi bức.

Phía sau người đàn bà nhỏ bé, già nua, vĩa hè vắng vẻ. Windisch nhìn dọc theo dãy nhà, đến cuối đường. Nghĩ rằng, “Amalie chắc đang đến.” Đàn ngỗng đi trong cỏ, trắng như màu xăng-đan của Amalie.

Vết nứt trên mặt tủ. Windisch nghĩ, “Amalie không trám lại. Mỗi khi trời mưa, nàng không bao giờ chịu ở nhà, luôn luôn đi ra phố.”

Vĩa hè di chuyển theo ánh sáng. Đàn ngỗng đi theo. Những buồm trắng trên cánh. Xăng-đan trắng của Amalie không băng qua ngôi làng.

Cửa tủ kêu cọt két. Cái chai kêu ùng ục. Windisch ngậm trái cầu bóng lửa ướt trên lưỡi. Trái cầu lăn xuống cổ họng. Lửa bập bùng hai bên thái dương của Windisch. Trái cầu tan biến, kéo những đường chỉ nóng lên trán,

đẩy những nếp nhăn quanh co như những ngã rẽ xuyên qua chân tóc.

Chiếc mũ quân nhân bao tròn chung quanh mép của chiếc gương. Cầu vai áo lấp lánh. Dây cúc áo khoác màu xanh nổi bật chính giữa gương soi. Khuôn mặt Windisch xuất hiện bên trên áo khoác.

Thoạt đầu, khuôn mặt bên trên áo khoác xuất hiện to lớn và tự tin. Sau đó, khuôn mặt nhỏ lại, chán nản trên hai cầu vai. Người quân nhân cười giữa hai má trên khuôn mặt to lớn và tự tin. Bằng đôi môi ướt át, anh ta nói: “Em chẳng đi đâu xa với bột mì.”

Windisch đấm một cú. Áo khoác quân nhân bị vỡ nát. Khuôn mặt to lớn, tự tin có vết máu. Windisch đánh hai khuôn mặt nhỏ tuyệt vọng trên hai cầu vai đã chết.

Vợ anh ta lặng lẽ quét những mảnh gương vỡ.

The Burning Globe

The neighbour's spotted pigs are lying in the wild carrots, sleeping. The black women come out of the church. The sun-shine is bright. It lifts them over the pavement in their small black shoes. Their hands are worn from the rosaries. Their gaze is still radiant from praying.

Above the skinner's roof the church bell strikes the middle of the day. The sun is a great clock above the midday tolling. Mass is over. The sky is hot.

Behind the small, old women the pavement is empty. Windisch looks along the houses. He sees the end of the street. “Amalie should be coming,” he thinks. There are geese in the grass. They are white like Amalie's white sandals.

The tear lies in the cupboard. “Amalie didn't fill it,” thinks Windisch. “Amalie's never at home when it rains. She's always in town.”

The pavement moves in the light. The geese sail along. They have white sails in their wings. Amalie's snow-white sandals don't walk through the village.

The cupboard door creaks. The bottle gurgles. Windisch holds a wet burning globe on his tongue. The globe rolls down his throat. A fire flickers in Windisch's temples. The globe dissolves. It draws hot threads through Windisch's forehead. It pushes crooked furrows like partings through his hair.

The militiaman's cap circles round the edge of the mirror. His epaulettes flash. The buttons of his blue jacket grow larger in the centre of the mirror. Windisch's face appears above the militiaman's jacket.

First Windisch's face appears large and confident above the jacket. Then Windisch's face is small and dejected above the epaulettes. The militiaman laughs between the cheeks of Windisch's large, confident face. With wet lips he says: "You won't get far with your flour."

Windisch raises his fists. The militiaman's jacket shatters. Windisch's large, confident face has a spot of blood. Windisch strikes the two small, despondent faces above the epaulettes dead.

Windisch's wife silently sweeps up the broken mirror.

Thơ và Đời Người Tù Lưu Hạ

Herta Muller

Ghi:

Nhà thơ Nobel Herta Muller vinh danh nhà thơ tù nhân Lưu Hạ đã bị giam cầm vì chồng bà, nhà văn, nhà hoạt động nhân quyền, Lưu Hiếu Ba, giải Nobel năm 2010, chống lại nhà cầm quyền Trung Quốc. Ông cũng bị tù đầy và qua đời tháng 12, 2008.

Bài viết này, Muller giới thiệu tập thơ của Lưu Hạ, "Empty Chairs" (Dãy Ghế Trống.)



(Lưu Hạ và Lưu Hiểu Ba)

Empty Chairs được dịch sang Anh ngữ bởi Ming Di và Jennifer Stern, Herta Muller viết lời tựa. Một tập hợp tuyển chọn thơ của bà trong 30 năm. Bị cấm đoán tại quê nhà. “Thơ của Lưu Hạ là những khoảng điều tra sâu sắc, bóc vỏ, phơi bày sự phức tạp đầy bầy rập trong một thế giới nội tâm.” (Gray Wolf Press.)

Washington Post “*Một mình chứng cho tinh thần con người khi tinh thần đó bị giam cầm ... Táo bạo và sống động.*”

Em không có cơ hội

nói một lời nào

trước khi anh trở thành nhân vật trong tin tức,

mọi người ngưỡng mộ anh

trong khi em mệt mỏi

đứng bên lề đám đông

*chỉ biết hút thuốc
rời nhìn mây bay.*

*Một huyền thoại mới, có thể, đang thành hình ở đó
nhưng ánh nắng mặt trời rạng ngời
Em nhìn không thấy.*

(Lưu Hạ. Tháng 6 năm 1989, viết cho Lưu Hiểu Ba.)

o 0 o

Bài viết của Herta Muller:

“Những bài thơ của Lưu Hạ rất trữ tình, và là tư liệu không thể chối cãi. Họ lấy đi cuộc sống thực của cô rồi đưa vào lý lịch thi ca. Bản án áp chế và hình ảnh của họ là sự kiện thực sự và đầy tuyệt vọng:

*Khi buổi trình diễn hạ màn,
chỉ còn tôi trên sân khấu với tôi:
một tôi rơi nước mắt
tôi còn lại bật cười.*

Hoặc: “Tôi bị cướp bóc.”

Hoặc: “Tâm trí tôi đầy rơm.”

Hoặc: “Anh yêu vợ và hãnh diện khi cô ở lại bên anh.”

Chắc hẳn chúng ta đều nhận ra người phụ nữ này là vợ của Lưu Hiểu Ba, người ở Trung Quốc đoạt giải Nobel,

một xứ sở nổi tiếng nhất về tù chính trị; bây giờ là năm thứ năm trong bản án tù mười một năm của ông. Tội án của ông (đã phát hành): Tuyên ngôn Hiến chương 08, khác xa với việc đưa ra những yêu cầu đanh thép, thậm chí, còn thận trọng đề nghị thay đổi đảng Cộng Sản Trung quốc, một hệ thống độc đảng trở thành xã hội tự do và nhân đạo. Vì vậy, ông lãnh bản án 11 năm tù. Vợ ông, Lưu Hạ, phải chịu sự giám sát liên tục, cách ly, quản thúc tại gia. Ngày qua ngày cô bị theo dõi từng bước một. Và bản chất tàn nhẫn trở thành điểm xuất phát cho những bài thơ.

Trong khi đó, chế độ Cộng sản không hài lòng khi chỉ hành hạ Lưu Hạ vì những lời tuyên bố trung thực của người chồng, họ còn mở rộng sự trừng phạt đến các thành viên khác trong gia đình. Để gây thêm rối loạn, họ bắt em trai của cô bằng một tội danh vô lý. Đúng là chế độ chuyên chế rõ ràng và dễ hiểu.

Trong bài thơ “Buổi Trình Diễn”, tác giả nhắc đến ngày sinh nhật của người em. Tôi chợt bị lạnh cứng khi đọc câu: *“Rất là khôn khéo để làm em trai của tôi.”*

Từ nỗi đau này đến lương tâm cắn rứt, mặc cảm tội lỗi xâm chiếm, đơn giản vì không thể làm gì trước hình phạt vô căn cứ của đất nước to lớn cho người em nhỏ, “đứa em trai” được sinh ra “ngày Đại Tuyết”. Tương phản giản dị trên con dốc thơ. Rõ ràng họ bắt lượm, huyệt hẫng, nhưng vẫn dịu dàng. Một tiếng kêu van thẳm lặng cũng là tiếng ồn ào lớn. Những bài thơ của Lưu Hạ là sự pha trộn giữa lụa và sắt. Bởi trong chế độ thép chính trị chuyên chế thống trị bên ngoài, thì sự thân tình với tất cả những khó khăn ngự trị bên trong, là bí ẩn của cảm xúc mạnh mẽ.

Chúng ta đọc đi đọc lại về thời gian, "*nấc thang của thời gian*".

Hoặc: "*Cái chết từ hai mươi năm trước trở về - / đến và đi như thời gian.*"

Ở đây, những bài thơ này, thời gian chính xác là những gì hiện diện trong đời sống hàng ngày của tác giả: đã bị nhà nước đánh cắp.

Không nhất thiết bao nhiêu chi tiết chúng ta tìm thấy, càng xem xét từ tốn, kỹ lưỡng, chúng ta càng không thể thoát khỏi cảm nhận đậm đặc kinh hoàng: toàn bộ thời gian bị đánh cắp không kém gì cuộc sống bị đánh cắp.

Thơ của Lưu Hạ nói về sự tự khẳng định bản thân trong cuộc đời bị đánh cắp. Những bài thơ mang phẩm giá luôn luôn xoay sở để đứng lên và trở lại bất cứ khi nào bị vùi dập.

Herta Muller.

Thơ Tuyển Của Lưu Hạ

Bóng Đen

Một buổi sáng, khi em còn ngủ,
một bóng đen lơ lửng bên trên như đang mơ.
Bóng vẫn che khuất tầm nhìn đôi mắt.
Bốn mùa thay đổi, thời gian trôi qua,

nhưng buổi sáng ám ảnh và độc ác đó
chưa chấm dứt.

Một chiếc ghế, một cái tủ
vô vọng đợi chờ anh.
Không ai thấy anh đi bộ xuống phố.
Trong mắt anh, một cánh chim bay,
trái xanh mọc trên cây không lá –
kể từ sáng hôm đó, trái đã chối từ
không chín đỏ mùa thu.

Người đàn bà mở đôi mắt sáng rực
bắt đầu viết ngày viết đêm
với những lời ước mơ vô tận
giữa lúc con chim trong gương ngủ say

Shadow (for Xiaobo)

One morning as I was sleeping,
a shadow hovered over me like a dream.
This shadow still blocks my vision.
Time goes by, seasons change,
but that long, cruel morning
hasn't ended.

A chair and a pipe
wait for you in vain.
No one sees you walking down the street.
In your eyes, a bird is flying,
green fruit hangs from a tree without leaves—

since that morning, the fruit refuses
to ripen in the fall.

A woman with burning eyes
starts writing day and night
with endless dream-words while the bird
in the mirror falls into a deep sleep.

4/1997

Không Ai Thấy Tôi

Không ai thấy tôi

bất lực.

Tôi không bị nguyên rủa, chỉ dễ dàng
bị những thứ không tưởng lôi cuốn –
những thứ hất hủi tôi,
những thứ ngoài sự thật.

Tôi tự đánh cắp đời tôi

Tin cuộc sống là ảo tưởng phi lý

và cũng là thực tế ở bên kia

sống ẩn sau mặt nạ chết

và bóng tối u mờ.

Tôi khóc cho những ý nghĩ của tôi

đang xoay cuồng

trên sàn nhà.

Tôi thấy một bóng đen đang đi trên tử lộ
chậm rãi, nhịp nhàng,
bình tĩnh.
Không ai nói năng gì.
Tôi vẫy tay
không ai nhìn thấy tôi.

Nobody Sees Me

Nobody sees me
helpless.
I'm not being cursed. I'm just easily
attracted to unattainable things—
things that reject me,
that are outside what's real.

My life steals from me.
I believe in a life that is an absurd
fantasy and is also hyperreal,
a life that hides behind death masks
and looming shadows.
I cry out to my own thoughts
that are spinning
on the floor.

I see a shadow walking on death's path—
slowly, rhythmically,
calmly. Nobody
speaks a word.
I wave—nobody
sees me.
5/1998

Lâm Chỗ

Mỏng manh, chưa chuẩn bị, họ ném tôi
vào vở kịch, không có màn tổng dợt.

Bị phản bội bởi ánh sáng lung linh
Tôi thấy tôi đứng trên sân khấu
trong tư thế lộ bịch; hiểu ra
con ngốc với hàm răng nhọn lấp lánh.

Nhân vật đóng vai
buồn và yếu đuối,
mất tinh thần: đói khát tuyệt vọng
vỡ ra những đợt sóng dâng trào.
vì vậy, trở thành phù thủy mắt đỏ độc ác,
bị theo dõi tình nghi,
cất rượu trong hộp sọ.

Không trang phục, không trang điểm nào
có thể nguy trang tôi.

Khi buổi trình diễn hạ màn,
chỉ còn tôi trên sân khấu với tôi:
một tôi rơi nước mắt

tôi còn lại bật cười.

Misplaced

Fragile and unprepared, I've been tossed
into a play with no dress rehearsal.

Betrayed by the shimmering lights,
I see myself standing on the stage
in an absurd posture; I see
the fool's sharp teeth gleaming.

The character, assumed
sad and weak,
loses control: her hungry veins
burst into surging waves.
So I become a red-eyed evil witch,
and, under watchful eyes,
brew wine inside skulls.

No costume or makeup
can disguise me.

When the show is over,
I stay on stage with myself:
one of me is tearful
the other laughing loudly.
7/1998

Không Nói Nên Lời

Nhiều lần tôi đi tìm đôi giày
trong ký ức,
đôi giày mang cho những búp bê
nhưng con này quá mập và quá nặng

Chủ nhân đôi giày quay lại nhìn tôi
từ tấm hình, im lìm.
Tôi biến thành khúc gỗ cháy.
Cho tôi tất cả nước trên cõi đời
sẽ từ chối không trôi nổi.

Có thể lực nào trên trời cao
có thể quay ngược lại đồng hồ?
Tây ngậy người nhìn sững, chờ đợi
giờ phút cuối cùng.

Những đứa trẻ Do Thái
đã làm thơ trước khi chết.
Trong tâm lặng đọc thơ,
tôi tự khắc câu thơ vào xương cốt.

Bên trong đôi giày trống
xương của tôi
bật ra khỏi da thịt,
đôi chân trần
đông lạnh.

Speechless

Over and over I hunt for shoes

inside my memory, shoes
to put on the dolls
but the ones I find are too big and heavy.

The owners of the shoes look back at me
from photographs, silent.
I become a piece of burning wood.
Give me all the water on earth,
and I will still refuse to float.

Is there a force somewhere in the sky
that can turn the clock back?
I stare blankly, wait
for the final moment.

There were Jewish children
who wrote poems before dying.
In silent recitation,
I carve lines on my bones.

Inside empty shoes
my bones
are piercing flesh and skin,
those bare feet
ice-cold.

1/1999

Lừa Đảo

Ngay sau khi anh lên chuyến tàu,
em bắt đầu chờ điện thoại,
tràn ngập lo âu.
Có những chuyện em không thể trốn tránh.

Đột nhiên, anh biến mất,
để lại một bóng đen
chân chờ.
Mỗi lần, anh ra đi
khiến em lo lắng.

Trong giấc ngủ, em thấy anh
ở những nơi
xa lạ.
Không nhớ đường về
em sợ khủng khiếp.

Mỗi đêm
em cần nghe tiếng anh nói.
Trước khi chuyến tàu xuất hiện hải hùng,
em nhai và nuốt từng lời anh dặn.

Đây là một căn bệnh.

Entrapped (for Xiaobo)

As soon as you got on the train,
I started waiting by the phone, filled
with anxiety. There are things
I can't escape.

You disappeared suddenly,
leaving behind a shadow that

lingered.
Each time, your departure
made me nervous.

While sleeping, I'd see you
in places
I couldn't recognize.
You'd lose your way home,
which filled me with dread.

Every night I needed
to hear your voice.
Before the arrival of that terrifying train,
I chewed and swallowed every word you uttered.

This is a disease.
7/29/2000

Tuyết

(Lưu Huy, Sinh nhật 44.)

Em trai, hôm nay sinh nhật em,
ngày Đại Tuyết trong âm lịch.
Chị mở chai rượu
nghĩ đến tặng em món quà
như một vòng tay ôm.

Chị lấy cho em chiếc ly,
hai chúng ta uống cạn, chuyện trò.
Một lần em tặng tấm hình cho sinh nhật chị
vẫn còn đây

ngày đó cả hai chị em đều cười.

Không còn em
ngôi nhà biến dạng.
càng ngày, cha càng lặng thinh,
lẫn lộn con em là em,
Mẹ khóc cạn nước mắt.
Bây giờ, con trai em ở nơi xa lạ.
Anh chúng ta bận rộn, chân lơ lững trên sàn.
Anh rẽ hỏi thăm em mỗi tháng,
chị mơ thấy em hoài.
Trong mơ em cãi nhau với chị -
phải khó khăn lắm để làm em trai tôi.

Chị nhớ mùa hè 1976.
Sau Đường Sơn động đất
chúng ta đi Trường Sa bằng chuyến tàu xanh.
Khi tàu khởi hành,
chị sợ phải nói
lòng khiếp đảm khi rời nhà
lần đầu tiên.

Em, nếu có thể,
hãy tin chị vô điều kiện,
như lúc em còn bé thơ,

chuyện này sẽ sớm chấm dứt –
cchuyện tàu chở chúng ta đến ga cuối cùng.

Snow (for Liu Hui's 44th birthday)

It's your birthday today, little brother,
the Day of Great Snow on the lunar calendar.
I open a bottle of wine
and think about what gift I'd give you
as a form of embrace.

I set a glass out for you.
Let's drink, the two of us, and chat.
Once you gave me a photograph for my birthday—
it's right here—
a day we were both laughing.

Without you, our home
is distorted.
Daily, father becomes quieter,
mistakes your son for you.
Mother cries her eyes dry.
Now, your son is off in a foreign land.
Our big brother is busy; his feet hover above the floor.
Your brother-in-law asks about you every month,
and I dream of you all the time.
In my dream you quarrel with me—
it must be hard to be my brother.

I remember the summer of 1976.
After the earthquake in Tangshan
we went to Changsha on a green train.
When the train started,
I was afraid to tell you
how frightened I was
to leave home for the first time.

If possible, brother,
trust me now, unconditionally,
like when you were a small child,
that this will be over soon—
our train will reach the final station.

12/7/2013



Charles Simic (1938 -)

Pulitzer Văn Chương 1990

Thi sĩ Mỹ, gốc Serbia

Tôi nghĩ:

Như một người vẽ hoạt họa sâu sắc, bằng chữ nghĩa, Charles Simic đã vẽ lại những hình ảnh lạ lùng gây hoạt não mà còn ẩn lộ những nhãn quan tinh tế về nghệ thuật. Như một người bóp vỡ trái mân cụt, mời ăn những tép ruột trắng nõn nà, hương vị; ông bóp méo ý tưởng, đối tượng thực tế thành những gì không thực tế, nhưng có ý nghĩa, đánh động, đánh thức, người đọc ra khỏi cảm nhận, chấp nhận bình thường của thói quen, để có nhận thức mới, nhạy cảm với giá trị đang ẩn núp bên trong sự vật hàng ngày. Thơ về thân thể con người, ông viết:

Lục địa cuối cùng này

Vấn cần khám phá.

Tay tôi mơ mộng,

đóng tàu.

Cho thủy thủ hành trang

một gói xương làm thực phẩm

một chai bia chứa đầy máu.

Vấn biết hơi thở thổi về hướng bắc.

Với hơi thở từ hướng tây

sẽ đi hướng đông mỗi đêm.

Mùi hương trên thân em khi ngủ

nơi đàn chim đậu xuống ngắm đại dương.

Tôi chạm lên đỉnh cột buồm.

Nó khóc lúc bốn giờ sáng

Chờ đèn bão thấp lên

trên vòng tròn địa cầu

(The Body)

Ông nói về sự “bóp méo” này : “Tôi đang làm công việc giải thích những gì không thể giải thích: bản thể và sự im lặng của nó.” “Ngay cả khi tôi tập trung toàn bộ chú ý vào con ruồi trên bàn, tôi cũng thoáng nhìn lại bản thân mình.”

Dusan Simic lấy bút hiệu Charles Simic, nhà thơ công huân Thư viện Quốc hội năm 2007. Giải Pulitzer năm 1990 cho tác phẩm *The World Doesn't End*. Giải Wallace Stevens Award năm 2007. Giải Zbigniew Hebert International Literature Awards năm 2014. các giải khác như PEN Translation Prize, 1980; MacArthur Fellowship, 1984-1989; Frost Metal, 2011; Golden Wreath of Struga Poetry Evening, 2017.

Sinh quán tại Belgrade, Yugoslavia. Năm 1954 di cư sang Mỹ, ở tuổi 16. Lớn lên ở Chicago. Năm 1961, vào quân đội Mỹ. Tốt nghiệp cử nhân ở đại học New York. Từ năm 1973, ông dạy học tại đại học New Hampshire và sinh sống tại Straffort, NH.

Ông là một trong những nhà thơ tiên phong, ảnh hưởng lớn đến những nhà thơ trẻ về sau.

Tác phẩm:

1967: *What the Grass Says*.

1969: *Somewhere among Us a Stone is Taking*.

1971: *Dismantling the Silence*.

1972: *White*.

1974: *Return to a Place Lit by a Glass of Milk*.

1976: *Biography and a Lament*.

1977: *Charon's Cosmology*.

1978: *Brooms: Selected Poems*.

1978: *School for Dark Thoughts*.

1980: *They Forage at Night*.

1980: *Classic Ballroom Dances*.

1982: Austerities.

1983: Weather Forecast for Utopia & Vicinity: Poems, 1967–1982.

1985: Selected Poems, 1963–1983, (1986 Pulitzer Prize finalist).

1986: Unending Blues[15] (1987 Pulitzer Prize finalist).

1989: Pyramids and Sphinxes.

1989: Nine Poems.

1989: The World Doesn't End: Prose Poems, (1990 Pulitzer Prize for Poetry).

1990: The Book of Gods and Devils.

1992: Hotel Insomnia.

1994: A Wedding in Hell: Poems.

1995: Frightening Toys.

1996: Walking the Black Cat: Poems,[15] (National Book Award in Poetry finalist)

1997: Looking for Trouble: Selected Early and More Recent Poems. Faber and Faber. 1997.

1999: Jackstraws: Poems, (The New York Times Notable Book of the Year)

1999: Simic, Charles (1999). Selected Early Poems.

2001: Night Picnic.

2003: The Voice at 3:00 A.M.: Selected Late and New Poems.

2004: Selected Poems: 1963–2003, 2004 (winner of the 2005 International Griffin Poetry Prize)

- 2005: Aunt Lettuce, I Want to Peek under Your Skirt.
- 2005: My Noiseless Entourage: Poems.
- 2008: 60 Poems.
- 2008: That Little Something: Poems.
- 2008: The Monster Loves His Labyrinth: Notebooks.
- 2008: Army: Memoir. In preparation
- 2010: Master of Disguises, Poems. Houghton Mifflin Harcourt. October 6, 2010.
- 2013: New and Selected Poems: 1962-2012. Houghton Mifflin Harcourt. March 26, 2013.
- 2013: Selected Early Poems. George Braziller Inc. March 20, 2013.
- 2015: The Lunatic. HarperCollins/Ecco. April 7, 2015.
- 2017: Scribbled in the Dark. HarperCollins/Ecco. June 13, 2017.

Trích Dẫn Từ Các Tác Phẩm của Charles Simic

- “Mất ngủ là công ty du lịch sinh hoạt suốt đêm với bích chương quảng cáo những nơi xa xôi.”
- “Trong cái chai rỗng, tôi xây ngọn hải đăng, trong khi mọi người lo đóng tầu.”
- “Nếu tôi tin vào điều gì, thì đó là đêm tối của linh hồn. Sự hãi là tôn giáo của tôi và bí ẩn là đền thờ của nó.”

- “Tôi để lại những mảnh thân thể ở khắp nơi, Như những người lãng trí bỏ găng tay và dù màu sắc buồn bã vì bị xui xẻo pha chế.”

- “Thơ: ba đôi giày mỗi chiếc khác nhau ở đầu cửa vào hành lang đen tối.”

- “ Cho Emily Dickinson, mọi ý tưởng triết học đều là tiềm năng tính ái. Siêu hình học là vương quốc của sự quyến rũ vĩnh cửu cho tinh thần bởi các ý tưởng.”

- “Khi người ta hỏi tôi, làm thế nào để tìm thấy hạnh phúc? Tôi trả lời, trước tiên hãy học cách nấu ăn.”

- “Thơ là đứa trẻ mồ côi của im lặng.”

- “Chữ nghĩa không bao giờ tương đương với kinh nghiệm ở sau chúng.”

- “Mơ ước bí mật của thơ là thời gian ngừng trôi.”

- “Lịch sử là cuốn sách dạy nấu ăn.

Bạo chúa là đầu bếp.

Triết gia viết thực đơn.

Linh mục, người hầu bàn.

Quân nhân, người canh cửa.

Tiếng hát bạn lắng nghe

từ nhà thơ rửa chén trong bếp.

- “Thế giới thật tuyệt đẹp nhưng không thể diễn tả. Đó là lý do chúng ta cần nghệ thuật.”

- “Tôi không phải là người câu nệ về sự thật. Đối với tôi, bịa chuyện trong thơ vui hơn nhiều. Về nguyên tắc, tôi phản đối việc nói dối trong đời sống, trong mọi khía cạnh khác, ngoài trừ thơ.”

Thơ Tuyển

Charles Simic

Charles Simic là một câu.

Có mở đầu và chấm dứt.

Anh ta là câu ghép hay câu đơn?

Tùy khí hậu,

Tùy ngôi sao trên trời.

Chủ đề của câu là gì?

Chủ đề là Charles Simic yêu mến.

Trong câu có bao nhiêu động từ?

Ăn, ngủ, và làm tình, vài động từ tiêu biểu.

Đối tượng của câu là gì?

Đối tượng, người bé bỏng của tôi,
chưa vào tầm mắt.

Ai đang viết câu khó nghe này?

Kẻ tống tiền, thiếu nữ đang yêu,
người nộp đơn xin việc.

Câu chấm dứt bằng dấu chấm hay dấu hỏi?
Bằng dấu chấm than và đốm mực lem
(Trích: Return to a Place Lit by a Glass of Milk.)

Charles Simic

Charles Simic is a sentence.
A sentence has a beginning and an end.

Is he a simple or compound sentence?
It depends on the weather,
It depends on the stars above.

What is the subject of the sentence?
The subject is your beloved Charles Simic.

How many verbs are there in the sentence?
Eating, sleeping, and fucking are some of its verbs.

What is the object of the sentence?
The object, my little ones,
Is not yet in sight.

And who is writing this awkward sentence?
A blackmailer, a girl in love,
And an applicant for a job.

Will they end with a period or a question mark?
They'll end with an exclamation point and an ink spot.

Tìm Người Giúp Việc

Họ yêu cầu con dao
Tôi chạy đến
Họ muốn cừ non

Tôi tự giới thiệu mình, cừu

Một ngàn lần chân thành xin lỗi
Hình như họ đòi thuốc giết chuột
Họ muốn một người chần chĩn
cho đàn góa phụ mặc đồ đen

May mắn quá, tôi mang theo thư giới thiệu
đẫm máu mình
Mang theo giấy tôi khai tử
có ký tên và công chứng

Nhưng họ lại đổi ý
Muốn chim Sơn ca hát chút hơi xuân
Muốn đàn bà
Tắm rửa và phục vụ tình cho họ

Đó là một trong tài năng của tôi
(Bảo đảm với họ)
Như một lồng chim líu lo, huyết thổi
Căng phập phồng hai bờ mông

(Trích Charon's Cosmology.)

Help Wanted

They ask for a knife
I come running
They need a lamb
I introduce myself as the lamb

A thousand sincere apologies
It seems they require some rat-poison
They require a shepherd
For their flock of black widows

Luckily I've brought my bloody
Letters of recommendation
I've brought my death certificate
Signed and notarized

But they've changed their minds again
Now they want a song-bird a bit of springtime
They want a woman
To soap and kiss their balls

It's one of my many talents
(I assure them)
Chirping and whistling like an aviary
Spreading the cheeks of my ass.

Khắc Khổ

Từ một phần
Của nửa ổ
Bánh mì đen,
Họ làm cái đầu của đứa bé.

Họ nói, này bé

Không còn gì để làm mắt
Không thừa chút nào để làm tai
Và mũi.

Chỉ con dao
Cắt một kẻ hở
Làm miệng
Đúng chỗ

Bé có thể cười
Có thể ăn
Phun những mảnh vụn
Vào mặt chúng tôi.

(Trích: Austerities.)

Austerities

From the heel
Of a half loaf
Of black bread,
They made a child's head.

Child, they said
We've nothing for eyes,
Nothing to spare for ears
And nose.

Just a knife
To make a slit

Where your mouth
Ought to be

You can grin
You can eat,
Spit the crumbs
Into our faces.

Địa Đàng Nơi Khách Sạn Bình Dân

Hàng triệu người đã chết, mọi người đều vô tội.

Tôi ở trong phòng.

Tổng thống tuyên bố chiến tranh như phương thuốc
ma thuật tình thương.

Tôi mở mắt to kinh ngạc.

Soi gương khuôn mặt tôi gương hiện ra

Giống con tem bưu điện bị đóng dấu hai lần.

Tôi sống thích thú nhưng đời chung quanh tôi tệ.

Ngày đó, có quá nhiều lính tráng,

Nên người tị nạn chen lấn khắp đường.

Tự nhiên, tất cả đều biến mất

Bởi một cái búng tay.

Lịch sử liếm mép dính đầy máu.

Trên đài truyền hình trả tiền, đàn ông và đàn bà

Trao đổi môi hôn đói khát

Xé toạt áo quần nhau trong khi tôi nhìn đăm đăm
Đã tắt âm thanh, căn phòng ngập bóng tối
Trừ màn ảnh
Nơi quá nhiều màu đỏ, lắm màu hồng.

Paradise Motel

Millions were dead; everybody was innocent.
I stayed in my room. The President
Spoke of war as of a magic love potion.
My eyes were opened in astonishment.
In a mirror my face appeared to me
Like a twice-canceled postage stamp.

I lived well, but life was awful.
there were so many soldiers that day,
So many refugees crowding the roads.
Naturally, they all vanished
With a touch of the hand.
History licked the corners of its bloody mouth.

On the pay channel, a man and a woman
Were trading hungry kisses and tearing off
Each other's clothes while I looked on
With the sound off and the room dark
Except for the screen where the color
Had too much red in it, too much pink.

Phải Tôi Chẳng?

(Tháng 1, 2022)

Chiếc đồng hồ báo thức
không có kim

kêu tích tắc lớn tiếng
giữa bãi rác phố phường

Could This Be Me?

An alarm clock
With no hands
Ticking loudly
On the town dump

Ngày Trời Gió

(Tháng 9, 2021)

Hai chiếc quần lót,
Màu trắng và màu đỏ
Bay phất phơ
Trên dây phơi đồ,
Báo cáo với cả thế giới
Chúng điên cuồng yêu nhau.

Windy Day

Two pairs of underwear,
One white and the other pink,
Flew up and down
On the laundry line,
Telling the whole world
They are madly in love.

Ngoài Kinh Thánh

(Tháng 5 năm 2021.)

Adong nói gì với Evà
khi nằm trong bóng tối.
Cưng ơi, chuyện gì
Làm chó sủa ngoài kia?

Left Out Of The Bible

What Adam said to Eve
As they lay in the dark.
Honey, what's making
That dog out there bark?

Không Còn Gì Yên Tĩnh Hơn
(Tháng 2 năm 2021)

Hơn cả tuyết rơi nhẹ nhàng
cuống quít trên từng cánh tuyết
Bảo đảm
Không làm ai thức dậy

There Is Nothing Quieter

Than softly falling snow
Fussing over every flake
And making sure
It won't wake someone.

New York

(tháng 7 năm 2020.)

Không ai thấy tôi trên đường phố
Dù tôi đang ở đây
Quẩn quanh rồi dừng bước
Ngắm các cửa hàng trống không
Chuyện trò cùng bồ câu cô độc.

New York

No one sees me in your streets
Though I'm still there
Loitering and stopping
To peek into empty stores
And talk to a lone pigeon.

Vô Tận

(Tháng 01 năm 2017)

Vô tận ngập liên tục.
Có buồn ngủ không?
Có còn nhớ Pythagoras?
Cánh buồm trên ba con tàu Columbus?
Tiếng sóng có nhắc nhở vô tận về vô tận?
Nó có ngồi với ly rượu

và triết học?
Nó có lén soi gương giữa đêm?
Nó có va li đầy đồ lưu niệm
 đã giấu kỹ nơi nào?
Có thích nằm võng đu đưa nghe gió
 thì thắm vào tai không có gì ngọt ngào?
Có đi vào nhà thờ vắng vẻ
 thắp cây nến trên bàn thánh?
Có xem chúng ta như đôi đom đóm
 chơi cú bắt trong nghĩa trang?
Có tìm thấy con người là món ăn thích thú?

The Infinite

The infinite yawns and keeps yawning.
Is it sleepy?
Does it miss Pythagoras?
The sails on Columbus's three ships?
Does the sound of the surf remind it of itself?
Does it ever sit over a glass of wine
 and philosophize?
Does it peek into mirrors at night?
Does it have a suitcase full of souvenirs
 stashed away somewhere?
Does it like to lie in a hammock with the wind
 whispering sweet nothings in its ear?
Does it enter empty churches and light a single
 candle on the altar?
Does it see us as a couple of fireflies
 playing hide-and-seek in a graveyard?
Does it find us good to eat?

Tình Nhân

(Tháng 9 năm 2015)

Khi sống trong nông trại, tôi làm thơ tình
cho gà mổ trong sân,
Hoặc ngồi trong nhà kho viết cho con nhện
đang vá lưới rách trên đầu.
Khi vợ tôi bỏ theo người phát thư tín.
Bạn hàng xóm cũng đi xa.
Heo nái và heo con kêu eng éc
chạy sau xe vận tải dời nhà,
Ngày cả con bù nhìn, phải cột vào cây thật chặt
Đành phải lắng nghe tôi

The Lover

When I lived on a farm I wrote love letters
To chickens pecking in the yard,
Or I'd sit in the outhouse writing one to a spider
Mending his web over my head.
That's when my wife took off with the mailman.
The neighbors were leaving, too,
Their sow and piglets squealing
As they ran after the moving truck,
And even that scarecrow I once tied to a tree
So it would have to listen to me.

Người Mất Tích

(Tháng 3 năm 2014)

Bây giờ, thật ấm áp ngồi dưới hiên nhà ban đêm
Có người tình cờ nhớ bạn hàng xóm,
Dù đã hơn ba mươi năm
Kể từ sau bữa ăn tối cô đi dạo một lúc
Không bao giờ trở lại với chồng con.

Không ai hiện diện có thể nhớ nhiều về cô ấy,
Ngoài trừ nụ cười và tính trầm tư
Đột nhiên, không ai nói gì cả
Khi nghe hỏi, nếu cô đã mang theo bí mật,
hoặc vì không có nên sinh đau lòng.

The One Who Disappeared

Now that it's warm to sit on the porch at night
Someone happened to remember a neighbor,
Though it had been more than thirty years
Since she went for a little walk after dinner
And never came back to her husband and children.

No one present could recall much about her,
Except how she'd smile and grow thoughtful
All of a sudden and would not say what about,
When asked, as if she already carried a secret,
Or was heartbroken that she didn't have one.

Trong Thư Viện

Có một cuốn sách, tựa đề
"Từ Điển Của Thiên Thần."

Năm mươi năm qua, chưa ai đọc,
Tôi biết, vì khi mở ra,
Trang bìa kêu cọt két,
Trang trong vỡ tan.
Tôi khám phá

Các thiên thần đã từng đông đảo
Như loài ruồi.
Trời chiều chạng vạng
Đã từng với ruồi thân tình
Chúng ta cả hai tay xua đuổi
Chỉ để giữ chúng đừng bu.

Bây giờ mặt trời chiếu sáng
Qua các cửa sổ cao.
Thư viện là nơi yên tĩnh.
Thiên sứ và thần thánh tụm bầy
trong dãy sách tối tăm chưa mở.
Bí mật dị kỳ

Nằm trên kệ nào đó của cô Jones
Mỗi ngày cô đi ngang nhiều lần.

Cô rất cao, vì vậy cô nghiêng đầu
như thể đang lắng nghe.
Những cuốn sách thì thầm.
Tôi không nghe gì, nhưng cô nghe rõ.

In the Library
There's a book called
A Dictionary of Angels.
No one had opened it in fifty years,
I know, because when I did,
The covers creaked, the pages
Crumbled. There I discovered

The angels were once as plentiful
As species of flies.
The sky at dusk
Used to be thick with them.
You had to wave both arms
Just to keep them away.

Now the sun is shining
Through the tall windows.
The library is a quiet place.
Angels and gods huddled
In dark unopened books.
The great secret lies
On some shelf Miss Jones
Passes every day on her rounds.

She's very tall, so she keeps
Her head tipped as if listening.
The books are whispering.
I hear nothing, but she does.

Cô Đơn

Bây giờ, nơi đó, mảnh vụn đầu tiên
rớt khỏi bàn
Bạn nghĩ, không ai nghe thấy
khi nó chạm mặt sàn,
Nhưng ở nơi nào đó
Đàn kiến đã đội mũ thám hiểm (*)
đang trên đường đến viếng thăm.

(*) Quaker: Một nhóm người tôn giáo trong lịch sử Mỹ,
thuộc thành phần lập quốc lúc ban đầu.

Solitude

There now, where the first crumb
Falls from the table
You think no one hears it
As it hits the floor,
But somewhere already
The ants are putting on
Their Quaker hats
And setting out to visit you.

Mọi Người Đều Mất Dấu Thời Gian

Nhà thờ mở rộng cửa
Xe tang đậu trang trí rế tiền.

Trên vỉa hè bà nội đứng
Chống gậy tay che tai lắng nghe.

Người ở trọ chưa ai từng thấy
Cô đang tắm trên lầu.
Con mèo trong cửa sổ
Theo dõi chuyện xảy ra.

Ông già khiêng chiếc ghế
Và sợi dây dài ở sân sau
Như thể ông định treo cổ.
Lời nói trên đầu lưỡi.

Everybody Had Lost Track of Time

The wide open door of a church.
The parked hearse with bald tyres.
The grandmother on the sidewalk
Leaning on a cane and cupping her ear.

The lodger no one has ever seen
Drawing her bath upstairs.
The cat in the window
That keeps an eye on things.

An old man carrying a chair
And a long rope in the backyard
As if he meant to hang himself.
Words on the tip of the tongue

Đàn Sáo Trên Cây Lúc Hoàng Hôn

Khiến tôi kinh hãi. Chúng nghe một tin đồn
Chúng ta vẫn chưa,
Và tụ tập
hoảng loạn bên bờ vực thẳm.

Vài người trong chúng ta đi qua công viên
Bước thật nhanh,
Đề phòng, liếc xéo
nhìn nhau.

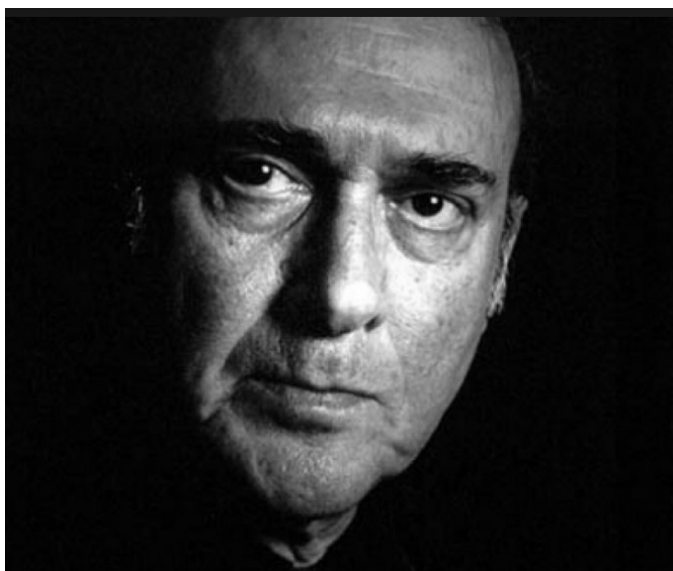
Cong lưng gánh nặng bí ẩn nào
Chúng ta chạy trốn,
Băng qua đại lộ rồi tán loạn khắp nơi
Như thể chúng ta cũng có cánh.

Starlings in a Tree at Dusk

Spooked me. They had heard a rumor
We had not yet,
And were collectively
On the verge of panic.

The few of us passing the park
Quickened our steps,
With a wary, sidelong glance
At each other.

Bent under some obscure burden,
We were fleeing,
Crossing the avenue and dispersing
As if we, too, had wings.



Harold Pinter (1930 - 2008)

Nobel Văn Chương 2005

Thi sĩ Anh

Bộ môn nghệ thuật chính của ông là kịch nghệ. Ông viết kịch, đạo diễn, và diễn viên. Ngoài ra thơ và văn của ông cũng được độc giả mến mộ.

Sinh quán tại Hackney, miền đông London. Theo học Academy of Dramatic Art, nhưng chưa tốt nghiệp. Thực tập tại Central School of Speech and Drama và làm việc trong hí viện ở Anh và Ái Nhĩ Lan.

Sản phẩm kịch nghệ của ông bắt đầu với *The Room*, 1957. *The Birthday Party* tuy bị cắt đứt sớm hơn dự tính trình diễn nhưng gây nhiều tiếng vang. *No Man Land*,

1975; Betrayal, 1978. Ông đạo diễn cho kịch của mình và kịch của các tác giả khác. Lãnh trên 50 giải thưởng, bao gồm Nobel Prize năm 2005 và Royal Court Theatre, 2006. Qua đời vì bệnh ung thư gan.

Thơ Tuyển

God Bless America (Chúa Phù Hộ Hoa Kỳ)

2015

Này, họ lại bắt đầu,
Dân miền bắc diễu hành trong áo giáp
Hát những ca khúc hân hoan
Khi phi nước đại qua thế giới rộng lớn
Ngợi ca Chúa của Hoa Kỳ.

Xác chết tắc nghẽn các rãnh nước
Xác những kẻ không tham gia
Những kẻ từ chối không hát
Những kẻ mất giọng ca
Những kẻ quên giai điệu.

Những người cưỡi ngựa có roi gây thương tích
Đầu bạn chà lên đất

Đầu bạn là vũng bùn
Đầu bạn là khối dơ bụi bặm
Mắt bạn lò ra
Mũi chỉ ngửi toàn tử khí
Tất cả không khí chết phục sinh
Với mùi từ Chúa Hoa Kỳ.

God Bless America

Here they go again,
The Yanks in their armored parade
Chanting their ballads of joy
As they gallop across the big world
Praising America's God.

The gutters are clogged with the dead
The ones who couldn't join in
The others refusing to sing
The ones who are losing their voice
The ones who've forgotten the tune.

The riders have whips that cut.
Your head rolls onto the sand
Your head is a pool in the dirt
Your head is a stain in the dust
Your eyes have gone out and your nose
Sniffs only the pong of the dead
And all the dead air is alive
With the smell of America's God

Tiếng Cười

Tiếng cười tắt nhưng không bao giờ chết

Tiếng cười nằm ngoài phía sau đầu nó
Tiếng cười cười những gì chưa được nói bao giờ
Nó rung và ré ròi cọ xát trong đầu người sống
Nó rung và ré trong đầu người chết
Vì vậy mọi lời dối trá vẫn lan truyền đáng tức cười
Bị hút vào bởi tiếng cười từ cái đầu bị trảm
Bị hút vào bởi cái miệng người chết đang cười.

Laughter

Laughter dies out but is never dead
Laughter lies out the back of its head
Laughter laughs at what is never said
It trills and squeals and swills in your head
It trills and squeals in the heads of the dead
And so all the lies remain laughingly spread
Sucked in by the laughter of the severed head
Sucked in by the mouths of the laughing dead.

Sau Bữa Ăn Trưa

Những sinh vật diện y phục sang trọng
Đến đánh hơi giữa những người chết
Rồi ăn trưa

Tất cả sinh vật thời trang đẹp đẽ
Bút những trái bơ phồng lên vì bụi
Rồi khuấy súp rau trộn pasta bằng xương khô

Sau bữa ăn trưa

Họ uể oải, nằm dài

Tiền tay chặt lọc rượu vang trong các sọ

After Lunch

And afternoon the well-dressed creatures come
To sniff among the dead
And have their lunch

And all the many well-dressed creatures pluck
The swollen avocados from the dust
And stir the minestrone with stray bones

And after lunch
They loll and lounge about
Decanting claret in convenient skulls

Gặp Gỡ

Đêm tử vong

Người chết lâu ngày chờ đợi
người chết sau
đến gặp họ

Có nhịp tim dịu dàng
Khi người chết ôm nhau

Những người chết cũ
Và những người chết mới
đến gặp gỡ

Họ khóc, họ hôn
Như khi gặp lại
Lần đầu tiên và lần cuối cùng trong cõi chết

Meeting

It is the dead of night,

The long dead look out towards
The new dead
Walking towards them

There is a soft heartbeat
As the dead embrace
Those who are long dead
And those of the new dead
Walking towards them

They cry and they kiss
As they meet again
For the first and last time

Bóng Ma

Cảm giác những ngón tay mềm mại sờ lên cổ
Hình như ai đó muốn bóp nghẹt tôi

Đôi môi khô khốc nhưng ngọt ngào
Hình như ai đó đang hôn tôi

Xương cốt sắp nứt nẻ
Tôi há hốc nhìn vào đôi mắt kia

Thấy khuôn mặt quen
Nét dịu dàng nhưng hung tợn

Nó không cười không phải cả tuần
Đôi mắt trợn trên làn da tái nhợt

Tôi không cười, không khóc
Đưa tay sờ má nó
Nó không chịu cười. Chưa được một tuần.

Ghost

I felt soft fingers at my throat
It seemed someone was strangling me

The lips were hard as they were sweet
It seemed someone was kissing me

My vital bones about to crack
I gaped into another's eyes

I saw it was a face I knew
A face as sweet as it was grim

It did not smile it did not weep
Its eyes were wide and white its skin

I did not smile I did not weep
I raised my hand touched its cheek

Thượng Đế

Thượng Đế tự nhìn vào trái tim bí ẩn của mình
tìm một lời nói
Để ban phước lành đám đông sống dưới kia.

Nhưng hãy nhìn và theo dõi ông có thể làm gì
Cầu khẩn hồn ma sống lại
Nhưng không nghe tiếng hát trong căn phòng
Ông tìm thấy nỗi đau khắc nghiệt cháy bỏng
Không có phước lành nào ban xuống dưới kia

God

God looked into his secret heart
to find a word
To bless the living throng below.

But look and look as he might do
And begging ghosts to live again
But hearing no song in that room
He found with harshly burning pain
He had no blessing to bestow

Tế Bào Ung Thư

(Tế bào ung thư là những tế bào đã quên cách chết. -
Y tá bệnh viện Hoàng Gia Marsden.)

Chúng nó đã quên cách chết
Nên kéo dài cách sống giết người.
Tôi và khối u giao chiến thân thiện,
Hy vọng không có cái chết song đôi.
Tôi cần thấy khối u bị tiêu diệt
Cái khối u quên cách qua đời
Đang kế hoạch ám sát tôi.
Nhưng tôi nhớ chết như thế nào
Dù tất cả nhân chứng của tôi đã tắt thở.
Nhưng tôi nhớ họ đã nói gì
Những khối u đã khiến họ
Mù và câm như trước khi sinh bệnh
Đó là lý do khối u hiện hình.
Tế bào đen sẽ khô rồi tự diệt
Hoặc hát vui theo một cách riêng.
Chúng nó âm thầm sinh sản ngày đêm,
Chúng ta không bao giờ biết vì chúng không nói.

Cancer Cells

'Cancer cells are those which have forgotten how to die' - nurse, Royal Marsden hospital

They have forgotten how to die
And so extend their killing life.
I and my tumour dearly fight.
Let's hope a double death is out.
I need to see my tumour dead
A tumour which forgets to die
But plans to murder me instead.
But I remember how to die
Though all my witnesses are dead.
But I remember what they said
Of tumours which would render them
As blind and dumb as they had been
Before the birth of that disease
Which brought the tumour into play.
The black cells will dry up and die
Or sing with joy and have their way.
They breed so quietly night and day,
You never know, they never say.



Maya Angelou (1928-2014)

Thi sĩ Mỹ

Người phụ nữ da đen đầu tiên được in hình trên đồng 25 xu tiền Hoa Kỳ.

"Tình ví như vi khuẩn. Có thể nhiễm bất cứ người nào bất cứ lúc nào."

Maya Angelou.

Maya Angelou tên thật là Marguerite Annie Johnson. Bà vừa là thi sĩ, văn sĩ, vũ nữ, diễn viên và ca sĩ. Đã phát hành bảy tập tự truyện, ba tập tiểu luận, vài tập thơ và liên hệ với nhiều tuồng kịch, phim ảnh và chương trình truyền hình.

Năm 1993, tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton đã mời bà đọc thơ trong buổi lễ tuyên thệ và nhậm chức của ông. Bà đã đọc bài: *On The Pulse of Morning*, được giới truyền thông và giới bảo vệ nhân quyền tán thưởng. Bà là thi sĩ thứ hai được mời đọc thơ trong buổi lễ quan trọng này. Trước bà, là thi sĩ Robert Frost đã đọc thơ trong lễ nhậm chức của tổng thống John F. Kennedy, năm 1961.

Bà qua đời vào buổi sáng ngày 28 tháng năm, 2014, trong lúc bà chưa kịp hoàn thành tác phẩm tự truyện về kinh nghiệm đối với các lãnh tụ trên thế giới. Sau khi bà qua đời, tác phẩm *I Know Why The Caged Bird Sings* dẫn đầu số bán trong một tuần lễ trên Amazon.

Tháng 4 năm 2015, ty bưu điện Hoa Kỳ đã phát hành tem với chân dung Maya Angelou từ bức tranh sơn dầu do họa sĩ Ross Rossin thực hiện năm 2013.

"Chim Không Phải Hót Vì Có Đáp Án mà Hót Vì Có Lời Ca". Bài Ca Mơ Ước.

Tháng Tư năm 2015, ty bưu điện Hoa Kỳ phát hành số tem đặc biệt, tưởng niệm thi sĩ Maya Angelou, đã qua đời đúng một năm. Trên mặt tem, câu trích ngôn của bà: *Chim không phải hót vì có đáp án mà hót vì có lời ca*. Dù câu nói rất gần gũi với phong thái và sự nghiệp của Angelou nhưng là một sự lầm lẫn. Câu nói này của Joan Walsh Anglund, tác giả *A Cup of Sun, 1967*. Tờ báo Washington Post đã xác nhận việc này ngay hôm sau.

**MAYA
ANGELOU**

“A bird doesn't sing
because it has an
answer, it sings because
it has a song.”



Tuy nhiên sự lầm lẫn này trở thành thú vị.

Người phản kháng đầu phải vì họ có giải đáp không được thỏa mãn mà họ phản kháng vì có tâm ý cần phải nói ra.

Người phản kháng là kẻ yếu, bị động, không đủ sức để chiếm đoạt, chỉ có sự dằn vặt, thôi thúc của ước mơ.

Người phản kháng bị đối xử bất công, bị chèn ép, bị chà đạp, bị tù đày. Kể cả bị giam hãm tư tưởng.

Một con chim bị nhốt trong lồng.

Và nó hát.

Quan điểm đó là chủ yếu trong bài thơ *I Know Why the Caged Bird sings* của Maya Angelou.

*Có con chim hiên ngang
đứng trong lồng hạn hẹp
hiếm khi nhìn xuyên qua
chấn song vây phần nộ
đôi cánh bị cắt lông
đôi chân bị dây cột
đành mở miệng kêu ca*

"Tôi Hiểu Vì Sao Chim Trong Lồng Lại Hót."

Maya Angelou xây dựng bài thơ bằng sự mâu thuẫn giữa con chim trong lồng và con chim bay ngoài trời rộng để liên tưởng tự do và giam cầm, cưỡng chế, bắt bớ, cảm đoán, lưu đầy.

*Chim tự do cất cánh
trên lưng gió lừng lơ
bềnh bồng thả theo gió
cho đến lúc gió tàn
rồi chim chìm cánh lướt
trong tia nắng vàng cam
dám cùng trời thách thức.*

Trong thơ hiện đại, dùng biểu tượng con chim cho sự tự do, đã sáo mòn. Hình ảnh này đã quá quen thuộc, bị xào nấu quá nhiều, hầu như cho người đọc cảm giác nhàm chán. Chỉ có câu: *dám cùng trời thách thức*, câu thơ khẩu khí khiến cho người đọc cảm nhận có điều gì hứa hẹn tiếp theo.

Những thi sĩ tài hoa thường cẩn trọng khi chọn hình ảnh, biểu tượng hoặc ẩn dụ để tạo tứ thơ. Họ tránh những ý tứ chỉ có xác mà không có hồn; chỉ có lập lại mà không sáng tạo.

*Chim nhốt lồng đang hót
sợ sệt tiếng run run
về những điều chưa hiểu
nhưng vẫn hoài ước ao
và tiếng hót vọng đến
nghe trên ngọn đồi xa*

*từ con chim tù hãm
đang hót kêu tự do*

Người đọc phải chăng cảm thấy thất vọng? Một bài thơ được các nhà phê bình Hoa Kỳ khen thưởng, lại tầm thường thế sao? Một thi sĩ tầm vóc như Angelou lại vấp phải lỗi lầm lộ liễu vậy sao?

Không phải. Chắc chắn là không.

Những người mới gặp nhau hoặc quen biết chưa thân thiết, sẽ thăm chào nhau bằng những câu nói thông thường dễ hiểu. trước khi đưa ra những câu hỏi hóc búa, nan giải.

Những người sành điệu khi mời khách ăn chơi, thường đưa ra những món ăn khai vị, nhẹ nhàng, trước khi mang lên món chính độc đáo.

*Chim tự do nghĩ về cơn gió mới
gió nhiệt đới dịu dàng qua rặng cây rì rào
bầy trùng lớn trong cỏ chờ bình minh sáng
và chim gọi bầu trời một cõi riêng.*

*Chim lồng đứng trên mộ phần mơ ước
bóng chim thét lên ác mộng thất thanh
đôi cánh cắt lông, đôi chân dầy cột
đành thôi chim ngóng cổ hót vang.*

Từ hình ảnh xoàng xĩnh con chim tung trời so với con chim trong lồng, bà chuyển sang con chim tự do suy tư về cơn gió mới để tự nhiên gọi bầu trời là của riêng mình. Còn con chim trong lồng, thức hót vì buồn, ngủ

la thất thanh vì ác mộng. Chính vì nó chỉ có thể đứng trong hạn hẹp của mộ phần chôn giấu ước mơ.

Con chim trong lồng bất mãn, phản kháng đã đành. Con chim được tự do vẫn bất mãn, phẫn kháng để giành lấy khoảng trời tự do làm của riêng.

Tự do là nhu cầu cần thiết. Quyền được hưởng tự do là quyền quan trọng nhưng quyền tự do của một người bị giới hạn khi xâm phạm vào luật lệ xã hội hoặc tự do của người khác. Do đó, một cõi riêng, tự do trong một cõi riêng trở thành mơ ước và giá trị đặc thù.

Rồi bà kết cuộc bằng lập lại đoạn thơ con chim trong lồng:

*Chim nhốt lồng đang hót
sợ sệt tiếng run run
về những điều chưa hiểu
nhưng vẫn hoài ước ao
và tiếng hót vọng đến
nghe trên ngọn đồi xa
bởi con chim tù hãm
đang hót kêu tự do*

Nhắc nhở con chim màu da đen, màu da nô lệ từ truyền thống, màu da khuất phục, chẳng những lưu vong mà còn vong tộc.

Bất cứ ở đâu có quyền lực áp chế, ở đó nảy sinh phản kháng. Người phản kháng ý thức được ước mơ vươn lên, hóa đẹp, đang chôn vùi dưới huyết sâu. Vì vậy, họ cần phải lên tiếng. Chọn lựa giữa cúi đầu và ngẩng mặt, giữa nhục nhã và tự hào, giữa chết một lần hay chết nhiều lần.

Phản kháng không chỉ hình nhi hạ như vậy, tầm nhìn phản kháng không chỉ lấy lại quyền tự do, vốn là của con người, mà còn là một cõi riêng, một bầu trời riêng, một thế giới riêng trong tâm trí, cho tâm linh, cho ý thức sống, không ai có quyền xâm phạm.

Phản kháng luôn luôn bắt đầu bằng cơn gió mới. Một cơn gió xoay chiều, thổi sạch bụi bặm, cặn bã bám bẩn lâu ngày. Cơn gió cần thổi càng lúc càng mạnh, thúc đẩy bước chân lên đường. Không nhằm sức bạo động, không nhằm đốt phá mà nhằm tìm tới một bình minh nắng sáng.

Từ góc nhìn của ẩn dụ, phản kháng là tương tranh và xác định ranh giới giữa ánh sáng và bóng tối. Từ biên giới này chia ra hai cõi khác nhau, dù muốn, dù ép vẫn không thể chung đụng. Sẽ không bao giờ hết ánh sáng và bóng tối, sẽ không bao giờ hết phản kháng khi bạo quyền còn tồn tại. Khi nào thì hết bạo quyền?

Nhưng điểm nhấn của bài thơ này nằm ở nơi tựa đề: *Tôi Hiểu Vì Sao Chim Trong Lồng Lại Hót.*

Bàn về bài thơ, thi sĩ Rasul Gamzatov, trong tác phẩm *My Daghestan*, viết rằng, tựa đề của bài thơ như một lời chào giữa những người lạ mặt hoặc mới quen biết nhau. Lời chào dễ thương, mặn cảm, bắt mắt, thú vị... sẽ làm người đọc có cảm tình hoặc tò mò đọc tiếp bài thơ. Đến nay, quan niệm này vẫn còn tác dụng nhưng tựa đề bài thơ lại có một ý nghĩa khác.

Tựa đề của bài thơ chính là một câu thơ quan trọng. Hoặc nó cứu mang tất cả tinh túy của bài thơ, hoặc nó giải thích ẩn dụ của bài thơ, hoặc nó là một bài thơ riêng rẽ, có hoặc không có liên quan đến bài thơ chính.

Tựa đề bài thơ không chỉ là lời chào giữa hai người, tác giả và độc giả, xa lạ hoặc mới quen; tựa đề bài thơ còn là một gói hàng, UPS để lại trước cửa. Kích thước, trọng lượng và màu sắc gói hàng sẽ khiến độc giả hồi hải mở ra xem hoặc thờ ơ mang cất vào nhà rồi quên mất. Nếu gói hàng quá tệ hại, độc giả cần gì mang vào, sẽ rã tan theo mưa nắng.

Chưa hết, tựa đề bài thơ như một câu dẫn dò. Khi đọc hết bài thơ, bỗng dừng sự việc sáng tỏ nhờ lời nhắc đó. Cuối cùng, tựa đề bài thơ là bài thơ. Thơ Cụ Thể chỉ cần một chữ. Thơ Hải Cú chỉ vài hàng chữ ngắn. Tựa đề bài thơ không có giới hạn, tự bản thân đã có thể là bài thơ giá trị.

*Tôi hiểu
vì sao chim trong lồng
lại hót.*

Đủ cho một bài thơ ngắn ý nhị.

Đồ quý vị, vì sao chim trong lồng lại hót? Tại sao người nuôi chim, không nghe chim hót ngoài trời, lại thích nghe chim hót trong lồng?

Phải chăng vì chim trong lồng hót hay hơn chim ngoài trời? - Chỉ đúng một phần. Không thuyết phục.

Phải chăng vì chim trong lồng có tâm sự nên phải hót? Hót vì cứu cánh. Không như chim ngoài trời "ngựa cổ hót chơi." Chim trong lồng hót thật. Chuyện này ai cũng biết cần gì phải mất công, tốn sức làm thơ.

vậy thì tại sao?

Vì người ta muốn sở hữu tiếng hót và quản trị con chim. Cho ăn mới được ăn; cho uống mới được uống; không được phép hót trái giờ, lúc chủ đang ngủ. Quan trọng

nhất là chỉ được hát trong lồng. Maya Angelou hiểu điều này rất rõ. Bề mặt, cứ tưởng như bà nói về chim hát. Thật ra, bà ám chỉ kẻ nhốt chim để sở hữu tiếng hát.

Mới đọc tưởng như bà dùng hai sinh hoạt: chim ngoài trời và chim trong lồng để so sánh và ẩn dụ về tự do và cưỡng chế. Nhưng tựa đề cho thấy, chim bay ngoài trời chỉ là phong cảnh phía sau, được xây dựng để làm nổi bật con chim bị nhốt trong lồng, vẽ nơi trung tâm bức họa. Chim buồn, chim bán khoán, chim thao thức rồi chim hát.

Tự do chỉ là phong cảnh sau lưng, làm cho nổi bật mơ ước trong lồng: Một cơn gió mới.

On The Pulse Of Morning Cảm Xúc Nhân Quyền Bùng Lên Một Sớm Mai

Bài thơ do chính thi sĩ Maya Angelou đã đọc trong ngày lễ nhậm chức Tổng Thống của ông William Jefferson Clinton.

Nghe tại:

<https://www.youtube.com/watch?v=59xGmHzxtZ4>.

Bài thơ nói về sự đấu tranh nhân quyền của màu da đen. Không phải ngẫu nhiên mà bà Angelou được mời vinh dự đọc thơ trong buổi lễ nhậm chức tổng thống của ông Bill Clinton; cũng không ngẫu nhiên mà bà chọn bài thơ này để đọc cho toàn thế giới và người dân Hoa Kỳ nghe về một điều quan trọng của tạo hóa: Đó là

quyền được làm người. Chính đường lối chính trị ủng hộ nhân quyền là con đường trường kỳ tranh đấu chống độc tài, các chế độ cực đoan và chế độ Cộng Sản; chính tâm trí của thi sĩ lạc lõng trong màu da, khắc khoải với định mệnh của da màu, đã đưa đến sự chọn lựa thái độ đấu tranh.

Đấu tranh nhân quyền là đấu tranh cho nhân loại.

Đấu tranh màu da là đấu tranh cho dân tộc.

Đấu tranh thể chế là đấu tranh cho đất nước.

Đấu tranh tư tưởng chính trị là đấu tranh cho đảng phái.

Đấu tranh nhân quyền bao trùm các đấu tranh khác nhưng mỗi đấu tranh khác chưa hẳn đã đại diện cho nhân quyền. Hoặc vì lầm lẫn hoặc vì mượn đề qua sông hoặc vì hòa gió bẻ măng, mà đấu tranh mất sức thuyết phục. Căn bản là mất lòng công chính.

Trên Nhịp Điệu Buổi Sáng, có lẽ nên nói rằng, Trong Cảm Xúc Sớm Mai Rộn Rã, bà Angelou đã bắt đầu bằng tứ thơ bao trùm toàn bài là sự hiện diện, sinh tồn, phát triển tự nhiên của viên đá, dòng sông và cây cối. Bà mượn ba hiện thực này để trở thành biểu tượng để đấu tranh. Đá nói lên sự trường tồn. Sông nói lên sự diễn biến nhưng bản chất không đổi thay. Cây nói lên sự tuần hoàn của sự sống, của những thế hệ sau, của sự xanh tươi, của sức chịu đựng bốn mùa mưa nắng.

*" Viên đá, dòng sông, cây cối
Chủ các sinh vật quá vãng từ xưa*

Bà mượn lời của đá, của sông, của cây để nhắc nhở màu da đen vượt qua những giai đoạn đen tối của nô

lệ. Không chỉ là thời gian lịch sử mà quan trọng hơn chính là mặc cảm nô lệ vẫn ám ảnh dù trải qua nhiều thế hệ. Sự ám ảnh từ tự ti dần dần biến hành thành tự kỷ, hành khác thành tự tôn, hành khác thành tự thất vọng về màu da dân tộc.

*"...Đá thét to với chúng ta, rõ ràng, thuyết phục,
Hãy đến đây, đứng lên lưng tôi
đối diện với định mệnh xa vời..."*

*"Tuôn qua vách ngăn khắp thế giới
Dòng sông hát bài ca tuyệt vời
Hãy đến bên cạnh tôi nghỉ ngơi.
...hôm nay, kêu gọi các bạn đến ven sông,
Nếu bạn không còn chủ tâm chiến tranh nữa
Hãy đến đây mặc áo hòa bình, cùng tôi hát ca."*

*"Hãy đến đây, bên tôi mọc rễ
tôi là cây cối nuôi bởi dòng sông,
sẽ không bị bứng gốc."*

Da màu bên cạnh da trắng là nỗi sợ hãi trước quyền lực. Sợ hãi này đã thâm nhập sâu xa vào tiềm thức, cho dù khó thấy trong sinh hoạt hàng ngày; cho dù trí tuệ chứng minh sự bình đẳng. Chống lại sự sợ hãi này, bà kêu gọi lòng can trường của trí tuệ và tâm tư, không phải là vũ khí giết người. Can đảm đối diện với định mệnh, như đá mãi tồn tại, đá nói:

*"Đừng lẩn trốn dưới tôi trong bóng tối
Sẽ không có nơi nào cho các bạn ẩn thân."
"các bạn sinh ra chỉ thấp hơn thiên thần một chút"*

*sao lại cúi đầu quá lâu
trong bóng tối bầm dập,
Tự lừa dối quá lâu
Muối mặt vào ngu dại."*

Kiên trì như dòng sông chảy, xuống thác lên ghềnh, vẫn hát ca. Sông nói:

*"Trước khi hoà nghi kẻ cò súng máu tanh lên trán
trước khi bạn chưa biết, đến giờ vẫn chưa biết gì.
Dòng sông tôi đã hát và tiếp tục vẫn hát."*

Bà Angelou dùng màu da đen như một thực tại của dân tộc nhưng bà không đứng ở đó. Bà kêu gọi thế giới, những dân tộc khác nhau, từ những dân tộc đã phai mờ như dân da đỏ, đến những khối đông dân chúng toàn cầu như khối Công giáo khối Hồi giáo, tất cả mọi người, hãy lắng nghe tiếng nói của đá, sông và cây:

*"Đây là nguyện vọng cần đáp ứng
cho sông biết hát cho đá khôn ngoan
Vì vậy hãy nói, người Á Châu, người Tây Ban Nha, người
Do Thái,
Người Phi Châu, người Da Đỏ, người Sioux,
Người Thiên Chúa Giáo, người Hồi Giáo, người Pháp,
người Hy Lạp,*

*Người Ai-Len, giáo sĩ Do Thái, linh mục, tù trưởng,
Người đồng tính luyến ái, người bình thường, người
thuyết pháp,
Người quyền hành, người vô gia cư, thầy giáo.
Họ nghe. Tất cả họ đều nghe..."*

Đấu tranh cho nhân quyền, cho quyền sống, nhiều khi nghe mơ hồ và to tát. Nhân quyền cụ thể hơn trong quyền hành xử của một người, trong xã hội, trong thể chế chính trị và trong một quốc gia.

Đấu tranh quyền tự do chỉ là một phần của nhân quyền. Quyền được làm người bao trùm quyền được tự do. Đôi khi cần phải ý thức thứ tự cũng như cội nguồn của các loại quyền khác nhau trong quyền làm người, để đấu tranh có mục tiêu chọn lựa và chọn lựa có nghĩa là phải bỏ đi những gì yêu thích để chọn những gì có giá trị hơn.

Và bất cứ đấu tranh nào cũng cần sự can trường,

*"Ngẩng mặt lên, các bạn cần xông tới
Đón bình minh trong buổi sáng tươi này.
Lịch sử, bất chấp bóp méo đau khổ
Không cần đổi thay cách sống, phải đổi diện can trường,
hoặc không cần sống nữa."*

Bất cứ đấu tranh nào cũng cần lòng hăng say và mơ ước,

*"Quắc mắt nhìn lên
Ví bạn trời rạng sáng.
Một lần nữa hãy tái sinh
cho mơ ước."*

Bất cứ đấu tranh nào cũng cần sự ý thức. Ý thức chính là rường cột của đấu tranh khi trí tuệ và tâm tư mâu thuẫn trước kế hoạch và hành động.

" Các bà, trẻ em, các ông,
Hãy cầm nó vào lòng tay.
Nắn nó thành hình thù riêng tư cần thiết.
Tạc nó thành hình tượng bản thân trong quần chúng.
Hãy nâng nỏ con tim.
Mỗi giờ mới nắm lấy nhiều cơ hội
Cho những khởi đầu mới.
Bạn không thể bị ràng buộc muôn đời
bởi sợ hãi, mang ách nặng mãi mãi
để đàn độn.

Chân trời rộng mở phía trước,
Dâng hiến không gian chờ bước bạn đổi thay.
Đây, với nhịp điệu của một ngày tốt đẹp

Bà Angelou kết bài thơ bằng cụm chữ "hồn nhiên" và "hy vọng". Đấu tranh thì hy vọng mà sống thì hồn nhiên.

"Đây với nhịp điệu của ngày mới
Các bạn được ân sủng để ngẩng mặt đi tìm
Trong mắt chị,
Trên khuôn mặt anh, quê hương của bạn
Và nói hồn nhiên
Rất hồn nhiên
Đây hy vọng
' Chào buổi sáng ' . "

Hãy đọc những bài thơ khác của bà để thấy thơ đấu tranh không cứ mang lời lẽ tuyên truyền. Thơ đấu tranh cần rung động thật sự từ sáng tác để truyền cảm xúc đến tâm tư cảm nhận; thơ đấu tranh cần một trái tim thơ thương mến và chia sẻ khổ nạn của nạn nhân,

đối tượng của đấu tranh. Thơ đấu tranh cần trình độ nghệ thuật thơ để sáng tác không phải là khẩu hiệu ồn ào của một đám chữ nghĩa biểu tình trên trang giấy.

Thơ Tuyển

Khi Tôi Tự Nghĩ Về Mình

*Khi nghĩ về bản thân,
Tôi cười gằn chết về mình,
Đời tôi như chuyện tiếu lâm thú vị,
Như điệu nhảy trở thành đi
Như khúc hát trở thành nói,
Tôi cười sặc sụa gằn đứt hơi
Khi tự nghĩ về mình.*

*Sáu mươi năm trong kiếp người
Đứa bé tôi hầu gọi tôi, cô giúp việc
Tôi trả lời, "Vâng, thưa bà" vì lợi ích làm công.
Quá tự hào để cúi xuống
Quá nghèo để thoát thân,
Tôi cười cho đến khi đau bụng,
Khi tự nghĩ về mình.*

*Dân tôi khiến tôi bị phân hóa
Tôi cười quá trời gằn tắt hơi,
Chuyện họ kể, nghe như nói dối,
Họ trồng trái cây,
Nhưng chỉ ăn vỏ,
Tôi cười cho đến khi bật khóc,*

Khi nghĩ đến dân tôi .

When I Think About Myself

When I think about myself,
I almost laugh myself to death,
My life has been one great big joke,
A dance that's walked
A song that's spoke,
I laugh so hard I almost choke
When I think about myself.
Sixty years in these folks' world
The child I works for calls me girl
I say "Yes ma'am" for working's sake.
Too proud to bend
Too poor to break,
I laugh until my stomach ache,
When I think about myself.
My folks can make me split my side,
I laughed so hard I nearly died,
The tales they tell, sound just like lying,
They grow the fruit,
But eat the rind,
I laugh until I start to crying,
When I think about my folks

Tôi Vẫn Trối Dậy

*Bạn có thể viết lịch sử bậy về tôi
bằng khắc nghiệt, lật lọng gian dối,
Bạn có thể khinh tôi như đất bùn
nhưng dù là bụi, tôi vẫn trối dậy.*

*Tôi vô lễ bạn phiền lòng chẳng?
Sao bạn cản ngăn với vẻ hắc ám?
Vì tôi hoạt động như có mỡ dầu*

đang bươm tiền vào đầy phòng khách.

*Cũng như mặt trời, như mặt trăng
kéo thủy triều đương nhiên dâng cuốn,
cũng như hy vọng vươn lên cao,
tôi vẫn trôi dạt.*

*Có phải bạn muốn thấy tôi suy sụp?
Phải cúi đầu, ánh mắt ươn hèn?
Vai oằn xuống xuôi rơi giọt lệ.
Hồn khóc than cho chí yếu mềm.*

*Tôi ngạo mạn có xúc phạm bạn?
Đừng cứ mang cho nặng gánh lòng
Vì tôi cười như mỏ vàng khai thác
đang đào lên từ sau sân nhà.*

*Bạn có thể bắn tôi bằng chữ nghĩa,
hoặc chém tôi bằng ánh mắt nhìn.
hoặc giết tôi bởi lòng ghen ghét,
nhưng như gió tôi vẫn trôi dạt.*

*Tôi khiêu gợi bạn khó chịu chăng?
Có phải điều này khá kinh ngạc
Tôi nhảy múa như được kim cương
giữa đôi chân nơi đùi gập gở?*

*Từ những căn lều trong lịch sử nhục nhằn
Tôi trôi dạt
Trên quá khứ bắt nguồn từ khổ đau
Tôi trôi dạt
Tôi là biển đen, dâng cao, mở rộng*

*phun lên căng phồng chống đỡ triều cường.
Bỏ lại những đêm kinh hoàng khủng khiếp
Tôi trỗi dậy
vào giữa rặng đòng đòng trong sáng lạ thường
Tôi trỗi dậy
mang bản lĩnh tổ tiên di truyền.
Tôi là giấc mơ, là hy vọng của dân nô lệ
Tôi trỗi dậy
Tôi trỗi dậy
Tôi trỗi dậy.*

Still I Rise

You may write me down in history
With your bitter, twisted lies,
You may tread me in the very dirt
But still, like dust, I'll rise.
Does my sassiness upset you?
Why are you beset with gloom?
'Cause I walk like I've got oil wells
Pumping in my living room.
Just like moons and like suns,
With the certainty of tides,
Just like hopes springing high,
Still I'll rise.
Did you want to see me broken?
Bowed head and lowered eyes?
Shoulders falling down like teardrops.
Weakened by my soulful cries.
Does my haughtiness offend you?
Don't you take it awful hard
'Cause I laugh like I've got gold mines
Diggin' in my own back yard.
You may shoot me with your words,
You may cut me with your eyes,
You may kill me with your hatefulness,
But still, like air, I'll rise.
Does my sexiness upset you?
Does it come as a surprise

That I dance like I've got diamonds
At the meeting of my thighs?
Out of the huts of history's shame
I rise
Up from a past that's rooted in pain
I rise
I'm a black ocean, leaping and wide,
Welling and swelling I bear in the tide.
Leaving behind nights of terror and fear
I rise
Into a daybreak that's wondrously clear
I rise
Bringing the gifts that my ancestors gave,
I am the dream and the hope of the slave.
I rise
I rise
I rise

Gửi Chiến Sĩ Tự Do

*Anh uống liều thuốc đắng,
Tôi nhấp nhấp dòng lệ cố nén từ mắt anh,
Một chén cặn, vị Kỳ Nham ngâm trấu.
Ngực anh nóng lên,
Cơn giận dữ đen và lạnh lẽo,
Suốt buổi chiều còn lại, anh nằm mơ,
Tôi nghe tiếng rên, anh chết cả mấy ngàn lần.
Khi gậy đánh tới tấp vào thân xác
nơi hiểm hóc và mỏng manh, anh thấm đòn đau.
Tôi nghe rõ từ hơi anh thở.*

To a Freedom Fighter

You drink a bitter draught.
I sip the tears your eyes fight to hold,
A cup of lees, of henbane steeped in chaff.
Your breast is hot,
Your anger black and cold,

Through evening's rest, you dream,
I hear the moans, you die a thousand' death.
When cane straps flog the body
dark and lean, you feel the blow.
I hear it in your breath.

Mặc Cảm Tội Lỗi

*Mặc cảm tôi về "xiềng xích nô lệ" đã lâu lắm
tiếng loảng xoảng sắt rơi đã nhiều năm.
Chuyện anh bị bán, chuyện chị mất tích,
hóa oán hờn cay đắng, trảng kín trong tai.
Mặc cảm tôi viết ra thành nhạc đầy nước mắt.*

*Tội ác tôi vì "anh hùng, chết và biến mất."
như Vessy, Turner, Gabriel chết.
Malcom, Marcus, Martin King chết.
Họ tranh đấu quá độ, họ yêu thương quá nhiều.
Tội tôi là sống sót để kể lại.*

*Tội tình tôi " treo cổ trên cây,"
Không hét la, khiến tôi hãnh diện.
Đối diện chết như nam tử hán.
Không phải vì gây ấn tượng đám đông.
Tội tình tôi ở nơi không thét lớn.*

My Guilt

My guilt is "slavery's chains," too long
the clang of iron falls down the years.
These brothers sold, this sister's gone,
is bitter wax, lining my ears.
My guilt made music with tears.
My crime is "heroes, dead and gone,"
dead Vessy, Turner, Gabriel,

dead Malcolm. Marcus, Martin King.
They fought too hard, they love too well.
My crime is I'm alive to tell.
My sin is " hanging from a tree,"
I do not scream, it makes me proud.
I take to dying like a man.
I do it to impress the crowd.
My sin lies in not screaming loud

Trên Nhịp Điệu Buổi Sáng

*Viên đá, Dòng sông, Cây cối
Chủ các sinh vật quá vắng từ xưa
Ghi lại dấu loài voi tiền sử.
Dấu khủng long truyền tích vết khô
của một thời lưu trú
trên hành tinh này,
Bất cứ báo động nào loan tin chúng sớm diệt chủng
đã mất vào tối tăm theo thế kỷ, bụi mờ.*

*Nhưng ngày nay, đá thét to với chúng ta, rõ ràng,
thuyết phục,
Hãy đến đây, đứng lên lưng tôi
đối diện với định mệnh xa vời,*

*Đừng lẫn trốn dưới tôi trong bóng tối,
Sẽ không có nơi nào cho các bạn ẩn thân.*

*Các bạn, sinh ra chỉ thấp hơn thiên thần một chút,
sao lại cúi đầu quá lâu
trong bóng tối bầm dập,
Tự lừa dối quá nhiều
Muối mặt vào ngu dốt.
Miệng từng chữ lảm bầm*

Vũ trang để tàn sát.

*Giờ đây, đá thét lớn, các bạn có thể đứng lên tôi,
nhưng đừng che giấu mặt.*

*Tuôn qua vách ngăn khắp thế giới,
Dòng sông hát bài ca tuyệt vời,
Hãy đến đây bên cạnh tôi nghỉ ngơi.*

*Mỗi bạn là mỗi quốc gia bị giới hạn
Tình anh và lạ thường đáng tự hào
Tuy thường xuyên bị đẩy vào vây khốn.
Vĩ lợi nhuận bạn vũ trang đấu tranh
Bỏ xiềng cổ thừa trên tôi như bờ rác,
dòng đổ nát tràn trên ngực tôi.
Tuy vậy, hôm nay, kêu gọi các bạn đến ven sông,
Nếu bạn không còn chú tâm chiến tranh nữa.*

*Hãy đến đây, mặc áo hòa bình, cùng tôi hát ca
Tạo Hóa ban cho tôi
khi tôi và cây và đá là một.
Trước khi hoài nghi kẻ cò súng máu tanh lên trán
trước khi bạn chưa biết, đến giờ vẫn chưa biết gì.
Dòng sông tôi đã hát và tiếp tục vẫn hát.*

*Đây là một nguyện vọng thật sự cần đáp ứng
cho sông biết hát và cho đá khôn ngoan.
Vĩ vậy hãy nói, người Á Châu, người Tây Ban Nha, người
Do Thái,
Người Phi Châu, người Da Đỏ, người Sioux,
Người Thiên Chúa Giáo, người Hồi Giáo, người Pháp,
người Hy Lạp,*

Người Ai-Len, giáo sĩ Do Thái, linh mục, tù trưởng,
Người đồng tính luyến ái, người bình thường, người
thuyết pháp,
Người quyền hành, người vô gia cư, thầy giáo.
Họ nghe. Tất cả họ đều nghe
Lời nói của cây.

Hôm nay, lần đầu tiên và cuối cùng cho mỗi cây
nói với nhân loại. Hãy đến với tôi, nơi đây, ven bờ sông.
Hãy trồng chính bạn bên cạnh tôi, nơi đây, ven bờ sông.

Mỗi bạn, hậu duệ của lũ khách qua đường truyền lại,
đã trả hết nợ đời.

Các bạn, đã đặt tên cho tôi,
Các bạn Pawnee, Apache và Seneca,
Các bạn quốc gia Cherokee, đã cùng tôi tin tưởng,
rồi bị cưỡng ép phải đi trên chân chảy máu tươi,
bỏ tôi lại làm công cho những kẻ thám hiểm khác --
tuyệt vọng kiếm lời, đói khát tìm vàng.

Các bạn, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Thụy Điển, người Đức,
người Ê Cốt,
Các bạn người Ashanti, người Yoruba, người Kru,
Mua, bán, bị cướp giật, đến bằng cơn ác mộng
Để cầu xin cho một giấc mơ.

Hãy đến đây, bên tôi mọc rễ
tôi là cây nuôi bởi dòng sông,
sẽ không bị bứng gốc.
Tôi, viên đá, tôi dòng sông, tôi cây cối,

Tôi thuộc về các bạn -- Đường bạn đi đã được trả xong.
Ngẩng mặt lên, các bạn cần xông tới
Đón bình minh trong buổi sáng tươi này.
Lịch sử, bất chấp bóp méo đau khổ
Không cần đổi thay cách sống, phải đổi diện can
trường,
hoặc không cần sống nữa.

Quắc mắt nhìn lên
Vĩ bạn trời rạng sáng.
Một lần nữa hãy tái sinh
cho mơ ước.

Các bà, trẻ em, các ông,
Hãy cắm nó vào lòng tay.
Nặn nó thành hình thù riêng tư cần thiết.
Tạc nó thành hình tượng bản thân trong quần chúng.
Hãy nâng nở con tim.
Mỗi giờ mới nắm lấy nhiều cơ hội
Cho những khởi đầu mới.
Bạn không thể bị ràng buộc muôn đời
bởi sợ hãi, mang ách nặng mãi mãi
để đần độn.

Chân trời rộng mở phía trước,
Dâng hiến không gian chờ bước bạn đổi thay.
Đây, trên nhịp điệu của một ngày tốt đẹp
Các bạn cầu mong được lòng can trường
Để ngẩng lên tìm kiếm với tôi.
Viên đá, dòng sông, cây cối, quê hương.
Không kém hơn so với vua Midas và hành khất (*)

Không kém hơn so với các bạn bây giờ và voi tiền sử ngày xưa

*Đây trên nhịp điệu của ngày mới
Các bạn được ân sủng để ngẩng mặt đi tìm
Trong mắt chị,
Trên khuôn mặt anh, quê hương của bạn
Và nói hồn nhiên
Rất hồn nhiên
Đầy hy vọng
"Chào buổi sáng."*

Ghi:

() Midas: Một vì vua trong thần thoại Hy Lạp, có khả năng biến mọi thứ thành vàng khi ông chạm tay vào.*

On The Pulse Of Morning

A Rock, A River, A Tree
Hosts to species long since departed,
Mark the mastodon.
The dinosaur, who left dry tokens
Of their sojourn here
On our planet floor,
Any broad alarm of their hastening doom
Is lost in the gloom of dust and ages.
But today, the Rock cries out to us, clearly, forcefully,
Come, you may stand upon my
Back and face your distant destiny,
But seek no haven in my shadow.
I will give you no hiding place down here.
You, created only a little lower than
The angels, have crouched too long in
The bruising darkness,
Have lain too long
Face down in ignorance.
Your mouths spelling words

Armed for slaughter.
The rock cries out today, you may stand on me,
But do not hide your face.
Across the wall of the world,
A river sings a beautiful song,
Come rest here by my side.
Each of you a bordered country,
Delicate and strangely made proud,
Yet thrusting perpetually under siege.
Your armed struggles for profit
Have left collars of waste upon
My shore, currents of debris upon my breast.
Yet, today I call you to my riverside,
If you will study war no more.
Come, clad in peace and I will sing the songs
The Creator gave to me when I
And the tree and stone were one.
Before cynicism was a bloody sear across your brow
And when you yet knew you still knew nothing.
The river sings and sings on.
There is a true yearning to respond to
The singing river and the wise rock.
So say the Asian, the Hispanic, the Jew,
The African and Native American, the Sioux,
The Catholic, the Muslim, the French, the Greek,
The Irish, the Rabbi, the Priest, the Sheikh,
The Gay, the Straight, the Preacher,
The privileged, the homeless, the teacher.
They hear. They all hear
The speaking of the tree.
Today, the first and last of every tree
Speaks to humankind. Come to me, here beside the
river.
Plant yourself beside me, here beside the river.
Each of you, descendant of some passed on
Traveler, has been paid for.
You, who gave me my first name,
You Pawnee, Apache and Seneca,
You Cherokee Nation, who rested with me,
Then forced on bloody feet,
Left me to the employment of other seekers—
Desperate for gain, starving for gold.
You, the Turk, the Swede, the German, the Scot...

You the Ashanti, the Yoruba, the Kru,
Bought, sold, stolen, arriving on a nightmare
Praying for a dream.
Here, root yourselves beside me.
I am the tree planted by the river,
Which will not be moved.
I, the rock, I the river, I the tree
I am yours—your passages have been paid.
Lift up your faces, you have a piercing need
For this bright morning dawning for you.
History, despite its wrenching pain,
Cannot be unlived, and if faced with courage,
Need not be lived again.
Lift up your eyes upon
The day breaking for you.
Give birth again
To the dream.
Women, children, men,
Take it into the palms of your hands.
Mold it into the shape of your most
Private need. Sculpt it into
The image of your most public self.
Lift up your hearts.
Each new hour holds new chances
For new beginnings.
Do not be wedded forever
To fear, yoked eternally
To brutishness.
The horizon leans forward,
Offering you space to place new steps of change.
Here, on the pulse of this fine day
You may have the courage
To look up and out upon me,
The rock, the river, the tree, your country.
No less to Midas than the mendicant.
No less to you now than the mastodon then.
Here on the pulse of this new day
You may have the grace to look up and out
And into your sister's eyes,
Into your brother's face, your country
And say simply
Very simply
With hope

Good morning.

Tôi Hiểu Vì Sao Chim Trong Lồng Lại Hót

*Chim tự do cất cánh
trên lưng gió lừng lơ
bềnh bồng thả theo gió
cho đến lúc gió tàn
rồi chim chim cánh lượn
trong tia nắng vàng cam
dám cùng trời thách thức.*

*Có con chim hiên ngang
đứng trong lồng hạn hẹp
hiếm khi nhìn xuyên qua
chấn song vây phẫn nộ
đôi cánh bị cắt lông
đôi chân bị dây cột
đành mở miệng kêu ca.*

*Chim nhốt lồng đang hót
sợ sệt tiếng run run
về những điều chưa hiểu
nhưng vẫn hoài ước ao
và tiếng hót vọng đến
nghe trên ngọn đồi xa
từ con chim tù hãm
đang hót kêu tự do*

*Chim tự do nghĩ về cơn gió mới
gió nhiệt đới dịu dàng qua rặng cây rì rào
bầy trùng lớn trong cỏ chờ bình minh sáng*

và chim gọi bầu trời một cõi riêng.

*Chim lồng đứng trên mộ phần mơ ước
bóng chim thét lên ác mộng thất thanh
đôi cánh cắt lông, đôi chân dầy cột
đành thôi chim ngóng cổ hót vang.*

*Chim nhốt lồng đang hót
sợ sệt tiếng run run
về những điều chưa hiểu
nhưng vẫn hoài ước ao
và tiếng hót vọng đến
nghe trên ngọn đồi xa
bởi con chim tù hãm
đang hót kêu tự do*

(I Know Why The Caged Bird Sings)

I Know Why The Caged Bird Sings

The free bird leaps
on the back of the wind
and floats downstream
till the current ends
and dips his wings
in the orange sun rays
and dares to claim the sky.
But a bird that stalks
down his narrow cage
can seldom see through
his bars of rage
his wings are clipped and
his feet are tied
so he opens his throat to sing.
The caged bird sings
with fearful trill
of the things unknown

but longed for still
and his tune is heard
on the distant hill
for the caged bird
sings of freedom
The free bird thinks of another breeze
and the trade winds soft through the sighing trees
and the fat worms waiting on a dawn-bright lawn
and he names the sky his own.
But a caged bird stands on the grave of dreams
his shadow shouts on a nightmare scream
his wings are clipped and his feet are tied
so he opens his throat to sing
The caged bird sings
with a fearful trill
of things unknown
but longed for still
and his tune is heard
on the distant hill
for the caged bird
sings of freedom

Bài Thơ Triệu Người Đi

*Đêm kéo dài càng lâu,
Thương tích càng thêm sâu,
Hố hảm càng thêm tối,
Tường vách càng liêu xiêu.*

*Dưới bầu trời xanh đục trên bãi biển xa xôi,
Nắm tóc kéo lê tôi khởi tầm tay bạn vói.
Tay bạn bị trói, miệng bạn bịt câm,
không thể kêu tên tôi thậm chí một lần.
Bạn bất lực, còn tôi cũng vậy,
Nhưng tiếc thay, suốt cả dòng lịch sử
Bạn trở thành nhục nhã điển hình.*

*Tôi nói, đêm kéo dài càng lâu,
Thương tích càng thêm sâu.
Hố hãm càng thêm tối.
Tường vách càng liêu xiêu.*

*Nhưng ngày nay, tiếng nói từ ngàn xưa linh hiển
gọi chúng ta bằng lời lẽ cao siêu,
Qua bao năm dài, qua bao thế kỷ,
Vượt biển cả, băng đại dương,
Nói rằng, hãy đến gần nhau,
Cứu nguy dân tộc.
Bạn được mua tử một nơi xa
Những bô lão nhắc nhở rằng xích xiềng nô lệ
đã trả tự do cho chúng ta nhiều lần.*

*Đêm kéo dài càng lâu,
Hố hãm càng thêm sâu,
Đêm càng thêm tăm tối,
Tường vách càng liêu xiêu.*

*Địa ngục chúng ta trải qua mà vẫn sinh tồn,
đã mài nhọn cảm quan, làm bền bỉ ý chí.
Đêm đã kéo quá dài.
Sáng nay nhìn thấu nỗi đớn đau của bạn
thấm tận tuyệt linh hồn
Tôi biết, với nhau chúng ta tạo nên tập thể.
Tôi xét bạn qua dáng dấp và cách giả hình
thấy được bạn yêu gia đình trong đôi mắt nâu lớn.*

*Tôi nói, hãy vỗ tay và đến cùng nhau họp mặt nơi này,
Tôi nói, hãy vỗ tay và đối xử với nhau bằng tình thương,*

*Tôi nói, hãy vỗ tay và để chúng ta bắt đầu từ những lối
đi hững hờ chậm chạp,
Hãy vỗ tay, đến với nhau để mở rộng con tim,
Hãy đến với nhau để sửa đổi tâm tính,
Hãy đến với nhau để tẩy rửa linh hồn,
Hãy vỗ tay, rời bỏ đời làm dáng
và ngưng giả mạo lịch sử của chúng ta.
Hãy vỗ tay, gọi tâm linh về lại từ hầm mỏ,
Hãy vỗ tay, mời niềm vui vào lời chuyện trò,
nhã nhặn trong phòng ngủ,
hòa nhã nơi nhà bếp,
tử tế trong vườn ươm cây.*

*Tổ tiên nhắc nhở chúng ta, bất chấp lịch sử đau khổ
Hãy hướng về những người đang tiếp tục đứng lên.*

Và như thế chúng ta trôi dạt.

Million Man March Poem

The night has been long,
The wound has been deep,
The pit has been dark,
And the walls have been steep.
Under a dead blue sky on a distant beach,
I was dragged by my braids just beyond your reach.
Your hands were tied, your mouth was bound,
You couldn't even call out my name.
You were helpless and so was I,
But unfortunately throughout history
You've worn a badge of shame.
I say, the night has been long,
The wound has been deep,
The pit has been dark
And the walls have been steep.
But today, voices of old spirit sound
Speak to us in words profound,

Across the years, across the centuries,
Across the oceans, and across the seas.
They say, draw near to one another,
Save your race.
You have been paid for in a distant place,
The old ones remind us that slavery's chains
Have paid for our freedom again and again.
The night has been long,
The pit has been deep,
The night has been dark,
And the walls have been steep.
The hells we have lived through and live through still,
Have sharpened our senses and toughened our will.
The night has been long.
This morning I look through your anguish
Right down to your soul.
I know that with each other we can make ourselves
whole.
I look through the posture and past your disguise,
And see your love for family in your big brown eyes.
I say, clap hands and let's come together in this
meeting ground,
I say, clap hands and let's deal with each other with
love,
I say, clap hands and let us get from the low road of
indifference,
Clap hands, let us come together and reveal our
hearts,
Let us come together and revise our spirits,
Let us come together and cleanse our souls,
Clap hands, let's leave the preening
And stop imposterism of our own history.
Clap hands, call the spirits back from the ledge,
Clap hands, let us invite joy into our conversation,
Courtesy into our bedrooms,
Gentleness into our kitchen,
Care into our nursery.
The ancestors remind us, despite the history of pain
We are a going-on people who will rise again.
And still we rise.

Hồ Sơ Phúc Lợi Của Bà Mẹ

*Cánh tay bà phơ bày mỡ đọng nơi khủy cùi chỏ,
Bàn tay mập ngấn ngùn đặt trên hông xếp nhiều lớp
nhăn*

*Nơi xương cốt nhàn rỗi bao nhiêu năm chống chất thịt
mỡ và đậu ngự.*

Cầm bà run lên bởi lời tố cáo

nói tới nói lui những tội rập khuôn.

*Đám con bà, xa lạ những đồ chơi thơ ấu
chúng chơi giỏi nhất sau cánh cửa tối tăm,
chơi đuối bắt trên mái nhà,
và biết tài sản người khác hấp dẫn.*

Quá mập để chơi bời,

Quá mập để làm việc,

*Bà tìm kiếm ước mơ
theo dấu hiệu may mắn*

rời đi tay không

vào phòng quan lại làm việc

xin phần của bà.

"Họ không cho tôi phúc lợi.

Tôi giật lấy."

Momma Welfare Roll

Her arms semaphore fat triangles,
Pudgy hands bunched on layered hips
Where bones idle under years of fatback
And lima beans.
Her jowls shiver in accusation
Of crimes clichéd by
Repetition. Her children, strangers
To childhood's toys, play

Best the games of darkened doorways,
Rooftop tag, and know the slick feel of
Other people's property.
Too fat to ****,
Too mad to work,
Searches her dreams for the
Lucky sign and walks bare-handed
Into a den of bureaucrats for
Her portion.
They don't give me welfare.
I take it.

Một Mình

*Đêm qua
Nằm dài, suy gẫm
Làm sao tìm nơi nương tựa cho linh hồn
Nơi nước không thềm khát
nơi bánh không cứng như đá
Tôi nghĩ đến một điều
tự tin không lằm lẩn
Rằng không có một ai
Sẽ không có ai
Có thể thoát khỏi đây một mình.*

*Một mình, hoàn toàn một mình
Không có ai, sẽ không có ai
Thoát khỏi đây một mình.*

*Có vài triệu phú
dư tiền không dùng
Vợ họ quay cuồng như bà thần báo tử (1)
Con họ hát buồn sầu
Họ dùng bác sĩ cao cấp*

để chữa bệnh tim hóa đá.
Sẽ không có ai
Không, không có ai
Có thể thoát khỏi đây một mình.

Một mình, hoàn toàn một mình
Không có ai, sẽ không có ai
Thoát khỏi đây một mình.

Giờ đây, nếu bạn lắng nghe chăm chú
Tôi sẽ nói hết hiểu biết của mình
Mây bão đang tụ họp
Gió sẽ thổi lên
Chúng tộc con người đang đau khổ
Tôi có thể nghe họ than van,
Vì không có ai,
Sẽ không có ai
Thoát khỏi đây một mình.

Một mình, hoàn toàn một mình
Không có ai, sẽ không có ai
Thoát khỏi đây một mình.

GHI:

(1) Bashee: Trong thần thoại Ai-len, là người đàn bà như thần chết chạy báo tin khi có người sắp qua đời.

Alone

Lying, thinking
Last night
How to find my soul a home
Where water is not thirsty
And bread loaf is not stone

I came up with one thing
And I don't believe I'm wrong
That nobody,
But nobody
Can make it out here alone.
Alone, all alone
Nobody, but nobody
Can make it out here alone.
There are some millionaires
With money they can't use
Their wives run round like banshees
Their children sing the blues
They've got expensive doctors
To cure their hearts of stone.
But nobody
No, nobody
Can make it out here alone.
Alone, all alone
Nobody, but nobody
Can make it out here alone.
Now if you listen closely
I'll tell you what I know
Storm clouds are gathering
The wind is gonna blow
The race of man is suffering
And I can hear the moan,
'Cause nobody,
But nobody
Can make it out here alone.
Alone, all alone
Nobody, but nobody
Can make it out here alone

Bình Đẳng

*Bạn tuyên bố, thấy tôi mù mờ
qua mặt kính không sáng,
dù tôi đứng trước bạn mạnh dạn,
sắp xếp hàng và đánh dấu thời gian.
Bạn thú nhận nghe tôi yếu ớt*

*như lời thì thâm xa khỏi tầm tai,
khi tiếng trống tôi tuôn ra thông điệp
với nhịp điệu không bao giờ đổi thay.*

*Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.
Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.*

*Bạn thông báo cách tôi làm bữa bãy,
nhanh nhẩu lời người này kéo người kia,
nhưng nếu tôi chỉ là chiếc bóng của bạn
có bao giờ bạn hiểu được điều này?*

*Chúng ta sống suốt lịch sử thương đau,
chúng ta biết quá khứ xấu hổ,
nhưng hãy tiếp tục tiến lên,
và tiếp tục đi cho đến cùng.*

*Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.
Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.*

*Hãy tháo mắt che để nhìn thấy,
Hãy tháo tai chặn để được nghe,
Hãy thú nhận bạn nghe tôi đang khóc,
và thấy nước mắt tôi đang rơi.*

*Hãy lắng nghe nhịp dồn thúc giục
nghe máu rộn ràng trong huyết mạch tôi
Vâng, trống tôi vẫn đánh vang đêm tối,
với nhịp điệu không bao giờ đổi thay.*

*Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.
Bình đẳng, rồi tôi sẽ tự do.*

Equality

You declare you see me dimly
through a glass which will not shine,
though I stand before you boldly,
trim in rank and marking time.
You do own to hear me faintly
as a whisper out of range,
while my drums beat out the message
and the rhythms never change.
Equality, and I will be free.
Equality, and I will be free.
You announce my ways are wanton,
that I fly from man to man,
but if I'm just a shadow to you,
could you ever understand ?
We have lived a painful history,
we know the shameful past,
but I keep on marching forward,
and you keep on coming last.
Equality, and I will be free.
Equality, and I will be free.
Take the blinders from your vision,
take the padding from your ears,
and confess you've heard me crying,
and admit you've seen my tears.
Hear the tempo so compelling,
hear the blood throb in my veins.
Yes, my drums are beating nightly,
and the rhythms never change.
Equality, and I will be free.
Equality, and I will be free.

Công Việc Phụ Nữ

*Tôi có trẻ con phải chăm nom
Áo quần cần vá
Sàn nhà cần lau
Thức ăn cần đi chợ
Rồi gà phải chiên*

*Trẻ thơ phải thay tã
Công ty phải lo làm
Vườn nhà phải nhổ cỏ
Tôi có áo phải ủi
Các trẻ mặc áo quần
Thùng hộp phải cất
Tôi phải dọn sạch căn lều
Sau đó thăm dò bệnh
và nhật hái bông gòn.*

*Hãy chiếu sáng tôi, hỡi nắng mặt trời
Hãy đổ nước ướt tôi, hỡi mưa
Hãy rơi nhẹ, hỡi những giọt sương
Làm mát trán tôi một lần nữa.*

*Bão tố, hãy thổi tung tôi từ đây
bằng làn gió ác liệt
Cho tôi bổng bênh qua cõi trời
Cho đến khi được nghỉ ngơi lần nữa.*

*Tuyết ơi, hãy rơi dịu dàng
phủ kín tôi màu trắng
Những nụ hôn lạnh lẽo giá băng
cho tôi đêm nay yên nghỉ.*

*Mặt trời, mưa, bầu trời
Núi, biển, lá và đá
Ngôi sao sáng, trăng soi
Tất cả các người là của riêng ta.*

Woman Work

I've got the children to tend

The clothes to mend
The floor to mop
The food to shop
Then the chicken to fry
The baby to dry
I got company to feed
The garden to weed
I've got shirts to press
The tots to dress
The can to be cut
I gotta clean up this hut
Then see about the sick
And the cotton to pick.
Shine on me, sunshine
Rain on me, rain
Fall softly, dewdrops
And cool my brow again.
Storm, blow me from here
With your fiercest wind
Let me float across the sky
'Til I can rest again.
Fall gently, snowflakes
Cover me with white
Cold icy kisses and
Let me rest tonight.
Sun, rain, curving sky
Mountain, oceans, leaf and stone
Star shine, moon glow
You're all that I can call my own

Hồi Tưởng

*Bàn tay anh nhẹ nhàng,
trêu chọc đàn ong
làm tổ trong tóc em,
nụ cười anh hôn trên bờ má.
Nhân dịp này, anh ngã lên em,
nóng rực, sẵn sàng phun ra ,
thần bí cưỡng đoạt em mờ lý trí.*

*Khi anh ra đi
mang theo thân xác và kỳ diệu,
khi chỉ còn mùi hương
yêu đương bắt tận trên đôi vú,
rồi, chỉ sau đó, em mới thiết tha
tận hưởng sự hiện diện của anh.*

Remembrance

Your hands easy
weight, teasing the bees
hived in my hair, your smile at the
slope of my cheek. On the
occasion, you press
above me, glowing, spouting
readiness, mystery rapes
my reason
When you have withdrawn
your self and the magic, when
only the smell of your
love lingers between
my breasts, then, only
then, can I greedily consume
your presence

Bài Học

*Tôi tiếp tục chết nữa
Huyết mạch tắc nghẽn, hờ ra như
năm tay nhỏ của trẻ em
đang ngủ.
Ký ức từ nắm mồ xa xưa,
Thịt da rữa nát và sâu trùng gặm nhấm
Không thuyết phục nổi tôi chống lại
sự thử thách. Nhiều năm*

*Và thất bại chán nản sống hẳn lên
những vết nhăn trên mặt.
Làm mờ mắt, lúc này
tôi tiếp tục chết,
bởi vì tôi yêu đời sống.*

The Lesson

I keep on dying again.
Veins collapse, opening like the
Small fists of sleeping
Children.
Memory of old tombs,
Rotting flesh and worms do
Not convince me against
The challenge. The years
And cold defeat live deep in
Lines along my face.
They dull my eyes, yet
I keep on dying,
Because I love to live.

Băng Qua Thời Gian

*Màu da anh rực sáng bình minh
Còn da tôi thơm mùi hương xạ*

*Ai đó bơi lên từ khởi đầu
cho cuối cùng định số*

*Ngược lại, là kết cuộc
từ khởi đầu xác minh.*

Passing Time

Your skin like dawn

Mine like musk
One paints the beginning
of a certain end.
The other, the end of a
sure beginning.

Người Phụ Nữ Phi Thường

Những phụ nữ xinh đẹp tự hỏi, bí mật của tôi giấu nơi nào.

Tôi không dễ thương, không có thân hình phù hợp thời trang như người mẫu.

Nhưng khi tôi bắt đầu kể cho họ nghe, họ nghĩ tôi nói dối.

Tôi nói,

*Bí mật nằm trong tâm tay,
quanh kích thước bờ mông
bước chân dài kiên quyết
trên vành môi cong.*

*Tôi là phụ nữ
phi thường.*

*Người phụ nữ phi thường
chính là tôi.*

*Đi vào căn phòng
rất mực bình thản,
đối với đàn ông,
kể đứng
người qui,
vây quanh tôi,
như bu tổ ong mật.
Tôi nói,*

Bí mật là lửa trong mắt tôi
trong màu răng ẩn hiện,
từ yếu điệu lưng eo,
trên bước chân hờn hở.
Tôi là phụ nữ
phi thường.

Người đàn bà phi thường
chính là tôi.

Đàn ông họ tự hỏi
đã thấy gì trong tôi.
Họ ra sức cố gắng
nhưng không thể chạm vào
trong tôi niềm bí ẩn.
Khi tôi cố trình bày
họ nói vẫn chưa thấy.
Tôi nói,
Bí mật từ lưng ong
từ nụ cười rực nắng
từ bờ ngực phập phồng
từ dáng điệu uyển chuyển.
Tôi là phụ nữ phi thường

Người đàn bà phi thường
chính là tôi.

Bây giờ chắc bạn hiểu
vì sao tôi không cúi đầu.
Không kêu than không nháy đưng
hoặc phải nói lớn tiếng.
Khi thấy tôi đi qua,

*sẽ làm bạn hãnh diện.
Tôi nói,
Bí mật từ tiếng giày gõ xuống
trên mái tóc bông bênh
trong lòng tay cần thiết
chăm sóc tôi.
Vì tôi là phụ nữ
phi thường.*

*Người đàn bà phi thường
chính là tôi.*

Phenomenal Woman

Pretty women wonder where my secret lies.
I'm not cute or built to suit a fashion model's size
But when I start to tell them,
They think I'm telling lies.
I say,
It's in the reach of my arms,
The span of my hips,
The stride of my step,
The curl of my lips.
I'm a woman
Phenomenally.
Phenomenal woman,
That's me.
I walk into a room
Just as cool as you please,
And to a man,
The fellows stand or
Fall down on their knees.
Then they swarm around me,
A hive of honey bees.
I say,
It's the fire in my eyes,
And the flash of my teeth,
The swing in my waist,
And the joy in my feet.

I'm a woman
Phenomenally.
Phenomenal woman
that's me.
Men themselves have wondered
What they see in me.
They try so much
But they can't touch
My inner mystery.
When I try to show them,
They say they still can't see.
I say,
It's in the arch of my back,
The sun of my smile,
The ride of my breasts,
The grace of my style.
I'm a woman
Phenomenally.
Phenomenal woman,
That's me.
Now you understand
Just why my head's not bowed.
I don't shout or jump about
Or have to talk real loud.
When you see me passing,
It ought to make you proud.
I say,
It's in the click of my heels,
The bend of my hair,
the palm of my hand,
The need for my care.
'Cause I'm a woman
Phenomenally.
Phenomenal woman,
That's me.

Mục Sư, Xin Đừng Gửi Tôi

*Khi tôi chết
xin mục sư đừng gửi tôi
đến khu da đen đông đảo*

*trên thiên đàng
nơi chuột ăn thịt mèo
giống mèo dữ như báo
và Chủ Nhật ăn trưa
lòng bò với bột mì khuấy đặc.*

*Tôi biết loại chuột này
thấy chúng như sát thủ
còn bột mì tôi chứa
đóng đóng như ngọn đồi
có thể cao như núi,
vì vậy điều tôi cần
mỗi Chủ Nhật từ ông
là một tín ngưỡng khác.*

*Mục sư, xin đừng
hứa với tôi
vàng lót đầy đường phố
sữa tươi uống vô tư.
Tôi đã ngưng uống sữa
từ độ lên bốn tuổi
một khi đã chết rồi
tôi không cần vàng nữa.*

*Tôi đã gọi một nơi
đúng mực là thiên đàng
nơi gia đình trung nghĩa
kẻ lạ mặt dễ thương,
nơi nhạc Jazz ngự trị
mùa nào cũng mùa thu.
Xin hãy hứa như vậy
hoặc đừng hứa gì hết.*

Preacher, Don't Send Me

Preacher, don't send me
when I die
to some big ghetto
in the sky
where rats eat cats
of the leopard type
and Sunday brunch
is grits and tripe.
I've known those rats
I've seen them kill
and grits I've had
would make a hill,
or maybe a mountain,
so what I need
from you on Sunday
is a different creed.
Preacher, please don't
promise me
streets of gold
and milk for free.
I stopped all milk
at four years old
and once I'm dead
I won't need gold.
I'd call a place
pure paradise
where families are loyal
and strangers are nice,
where the music is jazz
and the season is fall.
Promise me that
or nothing at all.

Người ơi, Vì Sao Họ Hạnh Phúc?

*Lột da tận chân răng, khốn khiếp!
nhúc nhích đôi tai*

*cười theo năm tháng
đưa thời gian
hằn trên khuôn mặt.*

*Nhếch má lên, cậu trẻ da đen,
nhăn mũi.
cười nhe răng khi những ngón chân
đào sâu
vào huyết mộ.*

*Đảo tròn đôi mắt lớn, cô bé da đen,
nhớ bọc cao su lên đầu gối, (*)
cười khi hàng cây
cong xuống
theo dòng họ cô.*

() Ý nói các cô da đen thường giúp việc dọn nhà. Bọc
đầu gối để quỳ xuống lau sàn.*

Why Are They Happy People?

Skin back your teeth, damn you,
wiggle your ears,
laugh while the years
race
down your face.
Pull up your cheeks, black boy,
wrinkle your nose,
grin as your toes
spade
up your grave.
Roll those big eyes, black gal,
rubber your knees,
smile when the trees
bend
with your kin.

Họ Trở Về Nhà

*Họ trở về nhà, kể cho vợ nghe
rằng chưa bao giờ trong đời sống,
họ gặp một phụ nữ như tôi,
Nhưng...họ đều trở về nhà.*

*Họ nói nhà tôi sạch sẽ vô cùng,
mỗi lời tôi nói đều mang ý nghĩa,
và tôi có sắc khí huyền bí,
Nhưng....Họ đều trở về nhà.*

*Tất cả đàn ông đều khen ngợi tôi
thích tôi cười, bờ mông, sự dí dỏm
họ ở lại một, hai, ba ngày.
Nhưng mà.....*

They Went Home
They went home and told their wives,
that never once in all their lives,
had they know a girl like me,
But...They went home.
They said my house was licking clean,
no word i spoke was ever mean,
i had an air of mystery,
But They went home.
My praises were on all men's lips,
they like my smile, my wit, my hips,
they'd spend one night, or two or three.
But...

Nước Mắt

Nước mắt

*như vải vụn pha lê
như giấy rách trơn nhớt
từ linh hồn mỗi mòn.*

*Rên rỉ
như bài hát thiên nga thâm trầm
như lời già biệt buồn bã
từ giấc mơ qua đời*

Tears
Tears
The crystal rags
Viscous tatters
of a worn-through soul.
Moans
Deep swan song
Blue farewell
of a dying dream

Một Ngày Trong Sáng , Tuần Sau

*Vào một ngày trong sáng, tuần sau
Trước khi bom thả xuống
Trước khi thế giới tận cùng
Trước khi tôi chết*

*Tất cả nước mắt tôi trở thành bột
Đen trong hoàng hôn như bụi tro
Đen như bụng Phật Di Lặc
Vừa đen vừa nóng vừa khô*

*Sau đó, lòng xót thương rơi rụng
Rơi xuống theo thánh thần
Rơi trên đám con trẻ*

Rơi từ trời cao

On a Bright Day, Next Week

On a bright day, next week
Just before the bomb falls
Just before the world ends
Just before I die
All my tears will powder
Black in dusk like ashes
Black like Buddha's belly
Black and hot and dry
Then will mercy tumble
Falling down in godheads
Falling on the children
Falling from the sky.

Tuổi Mười Ba (Da Đen)

*Mẹ em quá tháo bỏ nhà đi,
Cha em nhập ngũ vào trận chiến,
Chị em đứng đường.
Em tuổi mười ba, Nhập Cuộc.*

*Anh họ em nhậu nhẹt,
Chú bác em hút xách,
Bạn thân em du đảng,
Bắt vì thích thú.
Em tuổi mười ba, Nhập Cuộc.*

*Còn em, khiến tôi buồn lo
nhập cuộc lẻ loi
Tôi muốn gán em điều bất thủ
Nhưng không còn gì để nói
Ngoài trừ*

Em tuổi mười ba. Nhập Cuộc.

The Thirteens (Black)

Your Momma took to shouting,
Your Poppa's gone to war,
Your sister's in the streets,
The thirteens. Right On.
Your cousin's taking smack,
Your uncle's in the joint,
Your budd's in the gutter,
Shooting for his point,
The thirteens, Right On.
And you, you make me sorry,
You out here by yourself,
I'd call you something dirty,
But there just ain't nothing left,
'cept
The thirteens. Right On.



Siddharth Anand (1985-)

Thi sĩ Ấn Độ

Tốt nghiệp đại học Delhi, Ấn Độ. Làm thơ và vẽ tranh. Thực hiện những video âm nhạc. Hiện là giáo sư huấn luyện về âm ngữ. Ông đa tài và đa nghệ. Tuyển tập 150 bài thơ của ông được đón nhận từ Ấn Độ sang Anh quốc và Hoa Kỳ.

Thơ Tuyển

Ăn Cả Ngã Về Không

Ăn cả, ngã về không
Cuộc đua chung kết. Quyết định cuối cùng
Mất tất cả hoặc được tất cả
Hoặc gục ngã hoặc đứng dậy vinh quang;

Ăn cả, ngã về không
Lần này không thương lượng
Không dàn xếp bao dung
Hoặc thua hoặc thắng;
Tôi không đường chọn lựa.

Ăn cả, ngã về không
Tranh đấu lần cuối
Sẽ khùng khiếp nếu thua cuộc đối đầu ghê tợn này
Không còn thời giờ
Không dừng được. Không thể nghỉ ngơi.

Ăn cả, ngã về không
Hoặc trở về chiến thắng
Hoặc chiến đấu đến chết như kẻ bị sĩ nhục.

Lúc này & có thể

Bị sôi nổi
Xúc động
Đại khờ
nhưng thành tâm
Hãy vinh danh tôi. Đừng khóc
Nêu chết phải đến, tôi chịu chết
Hãy thấp ngọn bạch lạp sáng lên
Vinh danh tôi. Đừng khóc
Nếu tôi không về đêm hôm nay....

All or Nothing

All or Nothing
The final race. the final decision
All disgrace or fortune all
Either I fall or I stand tall;

All or Nothing
No compromises this time
No catholic design
Either I win or I lose;
And I, don't get to choose.

All or Nothing
The final fight
All hells lose in this frenzied quest
No time to spare
No breaks. No rest.

All or Nothing
Either I return the victor
Or I die fighting like hector.

This moment & its might
Intensity

Emotion
Density
Devotion
Honor me. Don't cry
If death arrives and I die
Let the flame of the candle alight
Honor me. Don't cry
If I don't come back home tonight...

Hy Vọng

Người có tin không, điều người thấy
Người có tin không, chuyện thực tại
Người có tin không, mặt trời sáng rực
Người có tin không, sao hiện ban đêm

Người có tin không, chim biết bay
Người có tin không, mây trên trời
Người có tin không, gió di động
Người có tin không, trăng long lanh
Người có tin không, có ánh sáng

Người có tin không, lời miệng nói
Người có tin không, điều tai nghe
Người có tin không, câu đáp án
Người có tin không, vũ nữ múa

Người có tin không, âm thanh và thị lực
Người có tin không, giây phút mặt trời
Người có tin không, cảm xúc thương tâm
Người có tin không, tư tưởng con người

Người có tin không, trên cao có trời
Người có tin không, chuyện tình ái

Người có tin không, thiên đàng địa ngục
Người có tin không, chuyện tử sinh
Người có tin không, đời sống này

Mở mắt ra với hy vọng trong khung cửa
mở, cho ánh sáng tràn vào
nếu người có lòng tin, người sẽ như ý.

Hope

Do you believe, in what you see
do you believe in reality
do you believe in the sun that's bright
do you believe in the stars in the night

Do you believe in the birds that fly
do you believe in clouds and the sky
do you believe in wind that flows
do you believe in moon that glows
do you believe in light

Do you believe the spoken word

do you believe the things you've heard
do you believe in the final answer
do you believe in the swirling dancer

Do you believe in sound and sight
do you believe in moments bright
do you believe in taste and touch
do you believe that much

Do you believe in the soul inside
do you believe in ecstasy and delight
do you believe in glory and god
do you believe in that thought

Do you believe in the sky above
do you believe in love

Do you believe in the heaven and the earth
do you believe in death and birth
do you believe in life

open your eyes with hope within
open the door, let light reach in
if you believe, then you'll win.

Tôi và Tôi Nhị Trùng

Tôi không cô độc
Vì có một Tôi khác
Đang theo dõi tôi
Còn tôi không thấy hắn.

Tôi và tôi nhị trùng
Chưa hề gặp gỡ

Số mệnh an bài
một cách ngẫu nhiên
Không định

Thế giới kẻ nhị trùng
xa lạ đối với tôi
Quyền năng, huyết mạch, sinh lực
ở một nơi mới chưa thấy bao giờ

Dĩ nhiên, tôi đã đến nơi này
dĩ nhiên tôi từng thấy chỗ đó
Nhưng bằng đôi mắt nhị trùng
như nhìn từ khung cửa khác.

Thử tưởng tượng trường hợp của tôi
Hai hồn trong một xác. Làm sao được
Vâng, tôi có nghe ma lực hoá thân
nhưng chỉ nói không bằng chứng
chưa bao giờ thấy tận mắt mình.

Sinh ra mỗi người mỗi riêng biệt
Kết cuộc người này khởi đầu người kia
Tôi không thể thấy
Nhưng linh cảm được điều sắp xảy ra

với ý nghĩ này
khiến tôi bối rối, lo sợ, kích động

Từ bóng tối ra ánh sáng rồi về lại phía sau bóng tối
như tấm màn kéo ra, đóng lại trong tâm tưởng tôi.

Hôm nào tôi muốn gặp kẻ nhị trùng
trên đường vô hình có thể chạm mặt
Rồi sẽ cùng nhau nhập thành một người
hôm xưa chúng tôi phân biệt
hôm xưa chúng tôi chia đôi
Từ nay, một câu chuyện mới...
một cuộc đời chân thật khởi đầu....

Me and my Stranger

I am not alone
There is another me
Which cant see me
And Which I cant see.

Me and My Stranger
Have never met
Destiny in its design
such an Occasion
Never set

The World of this Stranger
is new to me
The power, the pulse, the energy
Of a new place you've never seen

Of course I've been there
of course I've seen that place before
But through the eyes of a stranger
I see through another door.

Imagination this phenom seems to me
Two souls in one body, How can it be
Yes I've heard of Alchemy
but such a state in another
my eyes have yet to see.

As People these persons are far apart
The end of One Begins from where the other starts
I can't see it coming
But can feel it becoming
and this thought
baffles me, frights me, excites me

From darkness to light and then back to what's behind
as if the curtains are opened then drawn inside my mind.

This stranger I hope will meet me some day
May be on soulstreet I'll cross him on his way
And together we can, become that one man
of whom we were fragments
of whom we were parts
And then, a new story
the true story will start.....

Sinh Lực Linh Hồn / Bút Phá

Buông rơi quá khứ
Tước bỏ hành trang
Từ chối đau khổ. xin dừng lại

Bút phá xiềng xích gông cùm

đã kèm tủa người và đời sống;
Tái tạo hơi thở, không ai cưỡng ép lần này
Cho giấc mơ trong mắt
nhìn thấy rõ ràng;

Xem thường sợ hãi. Xem nhẹ chướng ngại tường ngăn
Cho dù bắc đẩu thái sơn không cản chân người bước
Đứng lên kiêu hãnh với lòng tự tin.

Xa lánh những ai lừa đảo linh hồn. Đừng nấn ná.
Ghi nhớ sự thông thái của người bắt điện. Luật đất trời
dung hợp trước sau.

Hãy mơ ước nhớ đừng bỏ dở
Nếu không thành
Cố làm, thử thêm lần nữa
Đừng thối chí nhụt lòng.

Trong cuộc đua sinh tử
Chiến thắng không vì nhanh nhất hay mạnh nhất
Nhưng dành cho ai đã làm tận sức mình.....

Soulstrong;/ Breakaway

Abandon the past
Throw away the baggage

Suffer no more. avast(stop now)

Breakaway from the chains and shackles
Which from you, your life, take away;
Breathe again; this time without constraint
And the dreams in your eyes
Realize;

Forget fear. Forget the barriers and the walls
Even the greatest of mountains on your feet will fall
When you with self-trust stand tall.

Walk away from those who try to cheat on your soul. Don't stall.
Remember the wisdom of those wiremen The universal law will square
all.

Dream and don't give up
And if they don't shape up
Try. try once more.
Don't breakup.

For the race of life
Is won, not, by the fastest or the strongest
But, by the one who can give his all.....

Tôi Nghĩ:

Trong bất kỳ cuộc đua nào, không chỉ cuộc đua lớn tử sinh, chiến thắng dành cho những ai đã làm tận sức mình, dù thất bại. Nhất là cuộc đua với chính bản thân.

Làm người là tranh đua, dù cố ý hoặc vô tình, dù muốn hay không muốn. Ngay cả những ai tu luyện để đi vào cõi không, cũng phải tranh đua, ngay cả lúc đã vào được bên trong, cũng phải tranh đua để ở lại vì cõi không, không muốn chứa chấp bất kỳ thứ gì có.

Tranh đua không chỉ là nỗ lực đạt đến mục đích với tất cả mọi đạo lý mà một người có thể tin hoặc sử dụng làm tiêu chuẩn. Tranh đua, trước hết là thể chấp - tiêu sài thời gian sống và bản thân để thực hiện một điều gì, dù ý thức được chuyện này hay không.

Nếu lý luận trên căn bản thể chấp, một người không thể thể chấp quá nhiều vì giới hạn của năng lực bản thân và thời gian sống. Nói một cách khác, không thể cùng một lúc tranh đua nhiều chuyện khác nhau. Người hiểu đạo lý, sẽ chọn một vài cuộc đua nào quan trọng và cần thiết.

Nếu lý luận trên hiệu quả tiêu sài, bất kỳ tranh đua nào cũng gây ra sự hao tổn cho bản thân. Sự hao tổn này dẫn người đua đến thành công, thất bại, bệnh tật, và sự chết. Người thông thái sẽ chọn lựa cách tranh đua nào ít hao tổn nhất vì bất kỳ sự thành công lớn lao nào cũng trở thành vô nghĩa khi hấp hối.

Vì vậy, chiến thắng không chỉ dành cho những ai đã làm tận sức mình, mà làm tận một cách khôn ngoan.



Mourid Barghouti (1944-2021)

Thi sĩ Palestine

Một cách viết tên khác của ông là Mureed Barghouthy. Sinh quán tại Deir Ghassana, gần Ramallah, trên Bờ Tây, tốt nghiệp đại học Cairo năm 1967, bị lưu xứ sang Ai cập năm 1977.

Năm 1996, ông được trở về Ramallah sau 30 lưu vong. Lãnh giải Naguib Mahfouz Medal for Literature, 1997, cho tác phẩm "I Saw Ramallah"

Trong cuộc phỏng vấn với tờ báo The Guardian, lời nói được trích dẫn: *"Tôi học được từ cây cối, Phải có nhiều trái rụng trước khi chúng chín. Khi làm thơ, tôi đối xử với chúng bằng sự tàn nhẫn lạnh mạnh, xóa bỏ nhiều hình ảnh để quan tâm những hình ảnh đúng đắn."*

Ông được tôn trọng là một trong số nhà thơ chuyên hướng về thời đại và văn học Tây phương. Ông được

tuyển vào Poets of the End of Century (Những thi sĩ của cuối thế kỷ), những tiếng nói mới của dòng thơ ngôn ngữ Ả rập.

Thơ Tuyển

Bộ Lạc

Các bộ lạc chúng tôi lấy lại sức quyến rũ:

Lều và nhiều lều

lều bằng đá tĩn lặng, cọc bằng gạch và cảm thạch
trên trần khắc chữ, tường bọc giấy nhung

hình gia đình và tranh Mona Lisa

đối diện tấm thẻ bài có ghi thần chú

giải trừ ánh mắt nhìn ma quái

bên cạnh bằng tốt nghiệp của con trai

đóng khung vàng đầy bụi.

Lều và cửa sổ gương

là bẫy rập cho các cô gái trẻ, nhìn ra, run lên vì sợ
em gái, em trai có thể mách với người lớn.

Trà bốc hương thơm, rượu whiskey pha sô-đa

“Tôi không uống rượu” và “xin lỗi”

“Anh đã yên ổn với bà vợ thứ tư chưa?”

Lều và nhiều lều

đèn chùm treo chiếu sáng đồ đạc sang trọng

ruồi và lời nói múa chung quanh

ra vào cổng bằng đồng có treo dây xích

Các bộ lạc chúng tôi vẫn giữ nguyên sức quyến rũ

giờ đây, đã trở thành lỗi thời.

The Tribes

Our tribes regain their charm:

Tents and more tents

tents of tranquil stone, their pegs are tile and marble

inscriptions on the ceiling, velvet paper covering the walls

the family portraits and "La Gioconda"

facing a tablet with inscriptions

to repel the evil eye

besides the diploma of a son

framed in gold, coated with dust.

Tents, and a glass window

it is the trap for young girls, who look out from it and tremble for fear

their young sister or brother might tell the grown-ups.

Vapor rises from the tea, whiskey, and soda

and "I do not like wine" and "excuse me"

"did you manage with the fourth wife?"

Tents and more tents

the chandeliers illuminate opulent furnishings

flies of speech dance through them

in and out of brass gates draped with chains

Our tribes retain their charm

now that the tribes are out of date!

(Bản dịch: Lena Jayyusi và W.S. Mervin.)

Vệ Sĩ

Các vệ sĩ hoàng gia, phục vụ vua
một số đứng trên tháp
một số trên yên ngựa
họ đứng thẳng
và cúi đầu khiêm tốn ở cửa vào cửa ra
một số canh giữ thực phẩm
một số canh chừng người hầu
một số điều khiển báo chí
một số làm thơ
một số vỗ tay khi vua phát biểu
tất cả bọn họ đều có chức phận
hăng hái, sừ vũ khí bên cạnh
họ là mẫu mực cách đi đứng và phong thái
tất cả họ đều có vương quốc
tất cả lẫm liệt oai phong
tất cả đều là vua

The Guards

The guards of his royal majesty, the King
some of them stand on the towers
some of them sit on the saddles
they stand straight
and bow humbly at entrance and exit
some of them watch the food

and some of them watch the servants
some of them guard the others
and some of them dictate newspaper to the newspaper
some of them compose the poem
and some of them direct applause at the King's speech
they all have style
and a buoyancy, touching the weapon at their side the
they are exemplary in gait and manner
and all of them have kingdoms, and all of them have the majesty
and all of them are kings
(Bản dịch: Lena Janyusi và W.S. Merwin)

Hiển Nhiên

Chậm rãi là bàn tay buổi tối đóng cổng nhà
chậm rãi là bàn tay thiếu nữ đóng cửa sổ
kéo rèm che
dẹp những gạt tàn đầy thuốc lá.
Nàng ghé mặt sát vào gương soi một lúc
“họ đến muộn ... quá muộn ...”
đồng hồ trên tường vẫn tích tắc bình thường
chậm rãi là bước chân nàng đi đến phòng ngủ
lạnh lẽo là buổi tối
chạm vào mền.
Nàng kéo tấm chăn che kín thân thể
và để đèn sáng trong tất cả các phòng.

Certainty

Slow is the hand of the evening as it closes the gate

slow is the girl's hands as she closes the window
draw the heavy blinds
and gathers the ashtrays overflowing with stubs.
She draws her face close to the mirror for a minute
"they are late ... they are very late ..."
the clock on the wall ticks in an ordinary way
slow are her steps to bed
cold is the evening
the touch of the blanket.
She pulls the cover over her body
and leaves the lights on in all the rooms.
(Bản dịch: Lena Jayyusi và W.S. Merwin.)

Tôi Không Có vấn Đề

Nhìn lại bản thân:

Tôi không có vấn đề.

Tôi trông cũng tạm được

đối với một số thiếu nữ,

tóc bạc thậm chí thấy hấp dẫn;

kính mắt có phẩm lượng cao,

hiệu độ thân thể chính xác 37,

áo ủ thẳng băng, giày không sợ mòn.

Tôi không có vấn đề.

Tay không bị cùm xích

lưỡi chưa bị cầm

cho đến giờ, chưa bị án tội

chưa bị sa thải việc làm;

được phép thăm nuôi người thân trong ngục,
thăm viếng mộ phần người quen ở nước ngoài.

Tôi không có vấn đề.

Chỉ kinh hoàng thấy anh bạn mọc sừng trên trán.
thích thú anh giấu cái đuôi một cách khôn ngoan
trong áo quần,
thích bàn tay bàn chân móng vuốt.
có thể giết tôi, nhưng tôi tha thứ vì tình thân;
tình thoảng có thể gây cho tôi thương tích.

Tôi không có vấn đề.

Người dẫn chương trình truyền hình cười cợt
không làm tôi khó ưa
quen dần màu khaki ngăn chặn các màu sắc khác
suốt đêm ngày.
Đó là lý do tại sao
tôi cất giữ giấy tờ tùy thân, ngay cả khi tắm hồ bơi.

Tôi không có vấn đề.

Hôm qua, chiêm bao đi chuyến tàu đêm
không biết làm thế nào nói tạm biệt với họ.
nghe tin chuyến tàu bị tai nạn
trong một thung lũng hoang

(chỉ người lái tàu sống sót).
Cảm ơn Thượng Đế, thật là dễ dàng
chỉ tôi cơn ác mộng nhỏ
hy vọng sẽ phát triển thành giấc mơ lớn.

Tôi không có vấn đề.
Nhìn lại bản thân, từ lúc sinh ra cho đến nay.
Trong tuyệt vọng, nhớ lại
có đời sau;
đúng, có đời sau và tôi sẽ không có vấn đề.
Nhưng cho tôi hỏi:
Thượng Đế ơi,
có đời sống trước khi chết không?

I Have No Problem

I look at myself:
I have no problem.
I look all right
and, to some girls,
my grey hair might even be attractive;
my eyeglasses are well made,
my body temperature is precisely thirty seven,
my shirt is ironed and my shoes do not hurt.
I have no problem.
My hands are not cuffed,
my tongue has not been silenced yet,
I have not, so far, been sentenced
and I have not been fired from my work;
I am allowed to visit my relatives in jail,
I'm allowed to visit some of their graves in some countries.
I have no problem.

I am not shocked that my friend
has grown a horn on his head.
I like his cleverness in hiding the obvious tail
under his clothes, I like his calm paws.
He might kill me, but I shall forgive him
for he is my friend;
he can hurt me every now and then.
I have no problem.
The smile of the TV anchor
does not make me ill any more
and I've got used to the Khaki stopping my colours
night and day.
That is why
I keep my identification papers on me, even at
the swimming pool.
I have no problem.
Yesterday, my dreams took the night train
and I did not know how to say goodbye to them.
I heard the train had crashed
in a barren valley
(only the driver survived).
I thanked God, and took it easy
for I have small nightmares
that I hope will develop into great dreams.
I have no problem.
I look at myself, from the day I was born till now.
In my despair I remember
that there is life after death;
there is life after death
and I have no problem.
But I ask:
Oh my God,
is there life before death?

(Bản dịch: Radwa Ashour.)

Không Khoan Nhượng

Một bản nhạc trữ tình,

nhưng sự ngọt ngào không làm an tâm.
Đó là những gì ban ngày đã dạy cho bạn:
trong mỗi cuộc chiến dài
có người lính, mặt ngấn ngợt, răng cở bình thường,
ngồi ngoài lều
cầm chiếc kèn harmonica âm thanh tươi mát
anh đã hết mình gìn giữ khỏi bụi và máu
giống như con chim
không giải quyết được nỗi lòng
tự hát cho mình
một bản tình ca
nhạc không nói dối.

Một lúc,
tự cảm thấy xấu hổ những gì ánh trăng có thể nghĩ:
xuống hỏa ngục harmonica dùng làm gì?

Một bóng đen đến gần
tiếp theo nhiều bóng khác.
Những người lính, hết người này đến người kia,
cùng hát với anh.
Người hát dẫn cả một trung đoàn
đến ban công Romeo,
từ đó,

không suy nghĩ,
không khoan nhượng,
không nghi ngờ,
họ quay lại tiếp tục giết người!

Without Mercy

There is a sweet music,
but its sweetness fails to console you.
This is what the days have taught you:
in every long war
there is a soldier, with a distracted face and ordinary teeth,
who sits outside his tent
holding his bright-sounding harmonica
which he has carefully protected from the dust and blood,
and like a bird
uninvolved in the conflict,
he sings to himself
a love song
that does not lie.

For a moment,
he feels embarrassed at what the moonlight might think:
what's the use of a harmonica in hell?

A shadow approaches,
then more shadows.
His fellow soldiers, one after the other,
join him in his song.
The singer takes the whole regiment with him
to Romeo's balcony,
and from there,
without thinking,
without mercy,
without doubt,
they will resume the killing!

Tuổi Già

Có một số phát minh
không tồn tại.

Tuổi già là một trong những phát minh này.

Những ai đến 'đó'
mang theo tuổi thơ,
nắm những ngón nhỏ so le
trong lòng tay
kể nghe câu chuyện của họ.

Rồi mang theo các thói quen ngu ngơ ,
những thủ thuật vượt qua các cấm đoán,
những cách nhìn ranh mãnh đầy ý đồ,
cách đổ lỗi cho bè bạn,
cách than phiền,
ấn tượng của họ về hội nghị lần trước
hoặc cuộc bầu cử sắp xảy ra.

(Tôi chứng kiến nhiều người trong bọn họ
trên giường chờ chết.)

Họ muốn chúng ta cùng vào chơi,
chiến đấu chống lại một loại kẻ thù,
nghĩ ngờ ý tưởng và nhân loại.

Tay họ, khi nghe tên

người nào được quý trọng,
mừng rỡ giật điện thoại
hoặc, cử chỉ kịch cợt, biếng lười,
vẽ lên khoảng không ngụ ý
“nói, tôi đang ngủ.”
Họ đưa ra những mệnh lệnh theo thói quen,
ăn cắp điếu thuốc từ người khách
giấu dưới gối nằm,
bàn thảo về kế hoạch tương lai,
hiểu lầm ý bạn
tiếp tục tranh cãi
cho đến khi bạn bị đuổi ra khỏi phòng.
Họ mang theo cách phát âm chữ “R”,
sự khao khát được ngưỡng mộ,
cách xen lán vào câu bạn đang nói.
Họ mang theo dép,
những người thân yêu,
dao cạo, đồ trang điểm,
và tất cả những gì họ không cần
trong chuyến hành trình sau chót.
Thậm chí, chúng ta yêu thương họ,
chúng ta, kể từ lúc sinh ra,
có nghĩ rằng họ đã tạo ra cuộc sống
như nước, gió, lửa, và đất,

Chúng ta, ở một thời điểm thực tế nào đó,
muốn đồng hành với họ,
như có lần đi hội chợ,
bị bỏ lại phía sau.
Đối với họ, dịu dàng, khéo léo,
có những lý do, chỉ họ mới biết,
từ chối không mang chúng ta
theo họ.

Old Age

There are some inventions
that do not exist.
Old age is one of them.
Those who go 'there'
take childhood with them,
hold its dimpled little fingers
in their hands,
tell it their stories.
They take with them their silly little habits,
their tricks to get around restrictions,
their sly, meaningful glances,
the way they blame a friend,
the way they complain,
their impressions of the last conference
or of the coming elections.
(I have seen many of them
on their deathbeds).
They want us to play with them,
they fight against an enemy of a sort,
they doubt ideas and people.
Their hands, when they hear the name
of a cherished person,
joyfully snatch the telephone
or, with lazy, cinematic gestures,
draw their instructions in the air.

"Say I am asleep."
They issue their familiar orders,
they steal a cigarette from their visitors
and hide it under the pillow,
they discuss with you their future plans,
they misunderstand you,
keep arguing until you
are dismissed from the room.
They take with them
the way they pronounce their Rs,
their desire to be admired,
their style of interrupting your sentences.
They take with them their slippers,
their loved ones,
their razors, their make-up,
and all the things they don't need
on their last journey.
Even we who love them,
we, who, since birth
have thought life was made up of them,
just as it is of water, air, fire and earth,
we, who at that particular moment,
want to accompany them,
just as we once did to the funfair,
are left behind.
For they, gently, cleverly,
and for reasons only they know,
refuse to take us
with them.

Chiếc Gối

Chiếc gối nói:
vào cuối ngày dài
chỉ tôi biết
sự hoang mang của người tự tin,

lòng khao khát của nữ tu sĩ,
chút rung nhẹ lông mi kẻ bạo hung,
ý tục tũ của nhà truyền giáo,
sự mơ ước của linh hồn
cho thân xác ấm áp
nơi tia lửa bay trở thành than rực sáng.
Chỉ tôi biết
sự vĩ đại của những điều nhỏ bé không được quan
tâm;
chỉ tôi biết nhân phẩm kẻ thua cuộc,
sự cô đơn người thành công
sự lạnh lùng ngu ngốc mà người ta cảm thấy
khi điều ao ước đã được thực hiện.

The Pillow

The pillow said:
at the end of the long day
only I know
the confident man's confusion,
the nun's desire,
the slight quiver in the tyrant's eyelash,
the preacher's obscenity,
the soul's longing
for a warm body where flying sparks
become glowing coal.
Only I know
the grandeur of unnoticed little things;
only I know the loser's dignity,
the winner's loneliness
and the stupid coldness one feels
when a wish has been granted.

Cũng Được Thôi

Chết trên giường cũng được
trên gối sạch sẽ
giữa bạn bè.

Chết cũng được, một lần,
hai tay úp trên ngực
trống rỗng và tái xanh
không vết xước, không dây xích, không biểu ngữ
không kiến nghị.

Cũng được, nếu chết không được yên lành,
không có lỗ rách trên áo,
không vết tích trên xương sườn.

Chết cũng được
với gối trắng, không phải vỉa hè,
dưới môi má chúng tôi,
tay chúng tôi đặt lên tay những người thương mến
bác sĩ và y tá buồn bã đứng chung quanh,
không còn gì ngoài lời vĩnh biệt,
không quan tâm lịch sử,
mặc kệ thế giới ra sao,

hy vọng, một ngày nào, ai đó
sẽ thay đổi nó.

It's Also Fine

It's also fine to die in our beds
on a clean pillow
and among our friends.

It's fine to die, once,
our hands crossed on our chests
empty and pale
with no scratches, no chains, no banners,
and no petitions.

It's fine to have an undustful death,
no holes in our shirts,
and no evidence in our ribs.

It's fine to die
with a white pillow, not the pavement, under our cheeks,
our hands resting in those of our loved ones
surrounded by desperate doctors and nurses,
with nothing left but a graceful farewell,
paying no attention to history,
leaving this world as it is,
hoping that, someday, someone else
will change it.



Kelli Russell Agodon (1969 -)

Thi sĩ Mỹ

Sinh quán tại Seattle, Washington, US. Tốt nghiệp đại học Washington, ra trường MFA của Rainier Writers tại đại học Pacific Lutheran.

2018 Poetry Society of America Lyric Poetry Prize

2015 Centrum Residency Recipient

2009 Artist Trust GAP Grant Recipient

2005 James Hearst Poetry Prize 3rd place

2003 Artist Trust GAP Grant Recipient

Đồng chủ bút Crab Creek Review từ 2009 - 2014. Đồng sáng lập Two Sylvias Press.

Tác phẩm:

Geography. Floating Bridge Press. 2003

Small Knots. Cherry Grove Collections. 2004.

Letters From the Emily Dickinson Room, White Pine Press, 2010.

Hourglass Museum. White Pine Press. 2014. I

Dialogues with Rising Tides. Copper Canyon Press. 2021.

Thơ Tuyển

Chiếc Mũ của Thi Sĩ Neruda

Một ngày, khi thời tiết cướp hết tất cả gió,
Pablo nói với nàng, anh cất những mảnh thơ
giấu trong vành mũ.

Anh mở cửa sổ chẳng mát chút nào
chỉ thêm nóng nực, hỏi nàng đi dạo biển,
thử xem thân xác cả hai
có biến thành sóng.

Khi trở về, anh đặt chiếc mũ,
ngửa lên, giữa bàn.

Nàng bỏ vào mũ đầy đu đủ, trái sung,
tìm mảnh thơ nháp giấu dưới vải lót.

Đêm đến, chiếc mũ trống trơn
và bàn đánh máy, đầy trang chữ
bắt đầu bằng vài điều về đại dương,
và vài điều về trái quả.

Họ không để ý bầu trời, đầy sao hôm sau
hoặc con nọn xanh đốm trắng
đang gấp trang chữ bay đi.

Họ ngồi bên ngoài cho đến khi trời sáng
trải dài thành một dải nắng mới ban mai,
chiếc bóng cái mũ biến dần trên bãi biển.

Neruda's Hat

On a day when weather stole every breeze,
Pablo told her he kept bits of his poems
tucked behind the band in his hat.
He opened the windows to nothing
but more heat, asked her to wander with him
down to the beach, see if their bodies
could become waves.
When they returned he placed his hat,
open to sky, in the center of the table.
She filled it with papaya, figs, searched
for scraps of poems beneath the lining.
By evening, the hat was empty

and his typewriter, full
with pages that began something about ocean,
something about fruit.
And they didn't notice the sky, full of tomorrow's
stars or the blue and white swallow
carrying paper in its beak.
They sat outside until the edge of daylight
stretched itself across a new band of morning,
the shadow of a hat washing onto the shore.

Trật Chìa

Anh: Người pha rượu đang ở cánh trái của quầy hàng, tay áo xắn lên, đang rêu rao về hạnh phúc, đó là Fredrich Nietzsche. Vết sẹo nhỏ trên cằm của anh, chúng ta đánh tay chào nhau, gật đầu đồng ý cùng nhau đi bỏ phiếu, cho ông Gore, ông Clinton, ông Obama.

Tôi: Một vị thần bất bạo động. Thi sĩ Mắt Xanh đang nốc rượu bourbon. Áo len trắng. Nhà dân chủ con chó vàng mang giày ống da lộn. Anh hỏi tôi nghĩ gì về án tử hình còn tôi nói chuyện đùa về tiểu thuyết. Lẽ ra, tôi nên nói tôi rất thích chiếc nhẫn trên môi của anh, cách anh lơ đãng kêu tôi cục cưng. Tôi chưa bao giờ cho anh số điện thoại. Tôi dùng bàn máy đánh chữ. Anh có những ngón tay dài.

Missed Connection You: Bartender at the left wing bar, sleeves rolled up, preaching happiness, Fredrich Nietzsche. Small scar across your chin. We high-fived, nodded about get-out-the-vote rallies, about Gore, Clinton, and Obama. Me: A nonviolent god. Blue-eyed poet nursing a bourbon. White sweater. Yellow dog democrat in suede boots. You asked how I felt about the death penalty and I made a joke about novels. I should have told you how much I liked your lip ring, the way you absentmindedly

called me sweetheart. I never gave you my number. I use a typewriter.
You have long fingers.

Ngư Nhân Hỏi Thượng Đế

Là thiếu nữ, nàng ghét bất cứ loại hạt gì
dính trên vây cá. Bây giờ, một phần nàng giống kiến lửa
và phần kia giống con rết.

Nơi cồn cát kéo dài vào các lối đi, thấy đường cái quan.
Huyết áp của nàng tăng nhiệt độ theo vận tốc gió.

Nơi sùng bái là bờ biển ngàn dặm dài,
Nàng đã quen với khuôn trăng, với thủy triều lên xuống.
Nàng mặc bọt sóng như áo choàng,
biết sóng dội là tưởng tượng, không dùng để cầu
nguyện.

Giờ đây, câu nàng hỏi liên quan chuyện cổ tích
bắt đầu trong khu vườn rồi dẫn đến bàn tay vẽ trên trần
nhà thờ.

Nàng muốn cầm một dải dây cỏ, bóng thiên thần
băng qua bờ. Nàng đánh cắp kinh thánh từ quán trọ Bãi
Biển;

Nàng sẽ tin kinh thánh nếu sách nổi không chìm.

A Mermaid Questions God

As a girl, she hated the grain of anything
on her fins. Now she is part fire ant, part centipede.
Where dunes stretch into pathways, arteries appear.
Her blood pressure is temperature plus wind speed.
Where religion is a thousand miles of coastline,
she is familiar with moon size, with tide changes.
She wears the cream of waves like a vestment,
knows undertow is imaginary, not something to pray
to.

Now her questions involve fairytales, begin
in a garden and lead to hands painted on a chapel's
ceiling.

She wants to hold the ribbon grass, the shadow of
angels
across the shore. She steals a Bible from the
Seashore Inn;
she will trust it only if it floats.

Chụp Hình Bướu

Tôi tưởng tượng trên bãi tắm ngực trần ở Nice,
phụ nữ hút thuốc, đọc tiểu thuyết dưới nắng.
Tôi giả đồ thoải mái cởi áo quần
trước đám đàn ông sẽ về nhà với vợ,
trước đám đàn bà
đã thấy hai mươi cặp vú hôm nay,
trước bày ma lạng lẽ
đã băng qua cùng cánh cửa trước tôi,
họ mong bác sĩ sớm khám phá,
để giải phẫu, uống thuốc, trị liệu, cứu bệnh nhân.

Hôm nay, họ khám bấu cho tôi
với vòng tròn dán nhỏ, một bao vỏ bằng sắt
lồng dưới mảnh nhựa trong.
Họ giúp tôi tẩy sạch mùi chất khử
quấn quanh eo tôi tấm khăn chì,
sửa tư thế theo y tá, đúng với bức vách trắng-
một cánh tay đặt lên máy quang tuyến chụp hình,
đang "quyến rũ" nhìn tôi vào mắt.
Lần đầu tiên tôi chụp hình ở trần.
Hỏi cô y tá, tôi sẽ được vào trang giũã
hoặc chỉ là cô khóa thân bình thường?

Vú tôi bị ép sát - một quả ngư lôi,
một kim tự tháp, một tam giác, một hỏa tiễn trên bệ
phóng;
điều này chẳng tốt gì cho bất cứ ai..

Sau cùng, y tá, đừ hơi
bởi vụng về, mỉm cười,
nói, " Nín thở, đừng cử động."
Một chóa sáng và vú tôi được tự do.
nhưng chỉ trong khoảnh khắc.

Trong phòng chờ, ngồi giữa đống tạp chí,
bài viết về Venice,
bảng xếp sức khỏe, người mặc đồ trắng.
Giả đồ thoải mái nhìn
những phụ nữ khác được hộ tống vào phòng bên cạnh,
nơi cho biết kết quả khám nghiệm với lời chia buồn.

Tôi tưởng tượng rời khỏi nơi đây
với kết quả tốt đẹp để trở về đời sống.
Tôi tưởng tượng chuyến du lịch Pháp mai sau,
đến cuốn tiểu thuyết sẽ viết,
những ngày nghỉ hè dưới chiếc dù trắng xanh,
sóng vỗ vào bờ như đã ước hẹn.

Snapshot of a Lump

I imagine Nice and topless beaches,
women smoking and reading novels in the sun.
I pretend I am comfortable undressing
in front of men who go home to their wives,
in front of women who have seen
twenty pairs of breasts today,
in front of silent ghosts who walked
through these same doors before me,
who hoped doctors would find it soon enough,
that surgery, pills and chemo could save them.
Today, they target my lump
with a small round sticker, a metal capsule
embedded beneath clear plastic.
I am asked to wash off my deodorant,
wrap a lead apron around my waist,

pose for the nurse, for the white wall
one arm resting on the
mammogram machine,
that "come hither" look in my eyes.
This is my first time being photographed topless.
I tell the nurse, Will I be the centerfold
or just another playmate?
My breast is pressed flat - a torpedo,
a pyramid, a triangle, a rocket on this altar;
this can't be good for anyone.
Finally, the nurse, winded
from fumbling, smiles,
says, "Don't breathe or move."
A flash and my breast is free,
but only for a moment.
In the waiting room, I sit between magazines,
an article on Venice,
health charts, people in white.
I pretend I am comfortable watching
other women escorted off to a side room,
where results are given with condolences.
I imagine leaving here
with negative results and returned lives.
I imagine future trips to France,
to novels I will write and days spent
beneath a blue and white sun umbrella,
waves washing against the shore like promises

Cửa Biển Lãng Quên

Đôi khi, tôi quên mất mặt trời
lặn xuống đại dương.

Sa mạc chỉ là nắm cát
trong tay con gái tôi.
Trong bàn tay bé nhỏ,

nhốt những sinh vật con,
theo dõi kiến lửa, bọ chét
bò qua hạt cát khô.

Mang chúng đến một chỗ
bé nghĩ rằng an toàn:

trên đảo gỗ do củi trôi dạt,
nơi đốt cây của bụi mâm xôi,
một lục địa cỏ.

Mang kiến bò trên que
cuốn gấp giấy báo lại
xúc bầy bọ khoai tây.

Bé cố gắng giúp chúng
trước định luật thủy triều
dâng lên cướp mạng sống.

Bé biết về gia đình
nắm nhau như bàn tay
một chân trời chiến xa tiến tới.

Đây chỉ là bản thảo chiến tranh.

Rất dễ không nghĩ đến điều này
khi chúng ta ngủ dưới bầu trời yên tĩnh
thả mình tan thành bọt,
theo sóng hững hờ trôi bạt ngàn.

Of a Forgetful Sea

Sometimes, I forget the sun
sinking into ocean.
Desert is only a handful of sand
held by my daughter.
In her palm,
she holds small creatures,
tracks an ant, a flea
moving over each grain.
She brings them to places
she thinks are safe:
an island of driftwood,
the knot of a blackberry bush,
a continent of grass.
Fire ants carried on sticks,
potato bugs scooped
into the crease of a newspaper.
She tries to help them
before the patterns of tides
reach their lives.
She knows about families
who fold together like hands,
a horizon of tanks moving forward.
Here war is only newsprint.
How easy it is not to think about it
as we sleep beneath our quiet sky,
slip ourselves into foam, neglectful
waves appearing endless.

Cắm Nang Những Trường Hợp Khẩn Cấp

Khi đôi ta yêu nhau

em đọc anh nghe *Làm Thế Nào Để Sống Sót*

Nếu Bạn Rơi Chìm Xuống Băng Đá.

Anh nhất định không chịu nghe.

Anh bịt tai khi em đọc

Quay mặt về hướng anh đã đến.

Anh nói, yêu có thể bị lầm lẫn bởi chết chìm.

Em nói, *dùng cùi chỏ nâng người lên mặt lố.*

Anh chẳng bao giờ muốn sống trong giá băng.

Anh có thể đến gần, uống trà nóng bạc hà.

Em đọc, *Bò ra mặt băng cứng càng xa càng tốt.*

Anh nói, cơ hội đôi ta rất mong manh,

Chúng ta sống trong khí hậu ôn đới.

Nếu anh đã biết thì sao

sau này ta sẽ tìm lý do không thích nhau câu nói,

bao nhiêu lần em quay nhìn nơi khác

khi anh rất muốn bắt gặp ánh mắt em?

Nếu đôi ta biết được những hướng dẫn:

Đạp hai chân như lúc tập bơi rồi trôi thân mình lên,

khi chia tay có thể áp dụng?

Hoặc dùng về sau, khi đôi ta cố gắng tái hợp

giá như hai ta chịu lắng nghe:
*Một khi lên khỏi được mặt băng,
nằm sát xuống,
lăn thật xa miêng lỗ.*

From the Handbook for Emergency Situations

When we were in love
I read you How to Survive
If You Fall Through the Ice.
You were determined not to
listen. You plugged your ears when I read,
Face the direction from which you came.
You told me love could be confused
with drowning. I said, Use your elbows
to lift yourself onto the edge of the hole.
You never wanted to live
that coldly. You moved close, drank
peppermint tea. I read, Reach out
onto the solid ice as far as possible.
You said our chances were slim,
we lived in a temperate climate.
What if you knew then
that later we'd find reasons to dislike
each other's sentences, how many times
I'd look away when you wanted most
to meet my glance? What if we knew
the instructions—Kick your feet
as though you were swimming and pull yourself up
—could be useful when we were breaking up?
Or later, when we tried to reunite
how we should have listened—
Once on the icy surface, stay flat,
roll away from the hole.

Luân Vũ Sầu Địa Đàng

Thảm mỹ nghĩa là không hoàn hảo và lộn xộn.
Thượng Đế không hoàn hảo và lộn xộn
nên vườn hoang tràn ngập nhiều trái quả.

E-Và có chút gì sai quấy lúc bấy giờ
Nàng bồn chồn kích động bởi trái táo mờ mịt
A-Dong mua cho nàng thuốc an thần St.John's Wort

khuyên nàng đi khám bác sĩ, nhớ uống thuốc.
Thảm mỹ là bóng tối do chúng ta tạo ra.
Có lần nàng nói điều này, trong cuốn sách,

hoặc trong bài thơ, hoặc có thể nàng nghe tiếng rít
khi thời tiết đổi thay.

A-Dong đang cố ôm nàng giữ lại trong tay,

nhưng nàng càng thêm đau đớn.
Ngay cả E-Và cũng không hiểu
những cảm giác vì vậy nàng tựa vào chàng.

Đàng nào cũng vậy, đó là sáng Chủ Nhật
những kẻ tội lỗi còn nằm trên giường,

mò mẫm thịt da dưới chần đấp,

cho tăng thêm chút gì, không hoàn hảo

và lộn xộn, khu vườn hoang

đã tràn ngập quá nhiều.

Sorrowful Waltz in the Garden

Beauty is imperfect and messy. God
is imperfect and messy and the wild
garden overflows with too much
fruit. Eve's a little messed up these days.
She's a ball of nerves from that frigging
apple. Adam's buying her St. John's Wort,
telling her to see the doctor, take a pill.
Beauty is the darkness we are
made of. She said this once, in a book,
or a poem, or maybe it was a hiss she heard
when the weather changed.
Adam is trying to hold her up
with his arms, but she's aching
for more. Even Eve doesn't understand
what she's feeling so she leans into him.
Either way, it's Sunday morning
and the sinners stay in bed, reach
beneath the bedsheets for skin,
for a little more of anything, imperfect
and messy, this wild
garden overflowing with too much.

Khi Tử Thần Gõ Vào Cửa Sổ *

Tử thần đang đến,

bà nội tôi nói giữa lúc vừa ăn bánh mì

vừa lần chuổi cầu nguyệt.

Tử thần - đở có hai cánh đẹp bay xa !

- Không phải. Bà khóa cửa trước, đóng cửa sổ.

Chết có nhiều chìa khóa,

nhiều cách vào nhà bằng ngón tay xương khô.

Bà lấy vải đen bọc hết gương soi.

Chết khi mới hiện hình như ảnh phản chiếu.

Bà thấp đèn sáp bên cạnh thánh kính.

Làm thế nào bà ngăn chết không đến?

Bà kể hàng giờ chuyện ông cố đi làm mãi không về.

Chết lái xe tải, ăn cắp đồ trong nhà.

Bà dặn tôi đừng lo, nhưng tôi thấy chết như một khát vọng,

hoàn tất nhiệm vụ như thành tựu lớn lao.

Bà thì thầm, Chết không thích chúng ta vui chơi ở nghĩa địa.

rất nhiều những buổi chiều, bà thấy tôi với tử thần mà tôi không biết.

Bà cho tôi một miếng bánh mì phết bơ.

Ăn từ từ, tử thần thường thường tha chết

những người ăn no.

(*) Robin là loại chim mang bản chất thần thoại Ai Cập. Đại diện cho thần chết. Những ngày trước khi chết xảy ra, chim cổ đỏ thường gõ lên cửa sổ báo tin.

When a Robin Hit Our Window

Death is coming,
my grandmother said between bread
and praying on her rosary. Death—
red and with beautiful wings!
—No. She locked doors,
shut windows. Death
has many keys, many ways to enter
with its thin fingers. She draped
the mirrors in black cloth. Death
first appears as a reflection.
She burned a candle near the Bible.
How could she keep death
away? She talked for hours
about her father leaving for work
and never returning. Death
drove a truck, stole things
from home. She told me
not to worry, but I saw death
as ambitious, a huge success
in completing its tasks. She
whispered, Death
doesn't like you
to play in the cemetery. All those
afternoons she saw me with death
and I hadn't known.
She handed me a piece of bread
with butter, Eat this slowly, death
tends to leave
the ones with full stomachs alone.

Vợ Chồng Trong Bán Nguyệt

Trong khi em như hai thứ: Tay và mạng che mặt
Anh hầu như là bộ com lê.

Không hiểu sao, giữa đôi ta có đủ khôn khéo,
những cành Oải Hương, những mũi thuyền.
Quên bằng em đang gặp nhiều phiền nhiễu,

ái tình trần giữ một số giường nào đó,
em cầu xin cho mặt trời ít sáng hơn,
một ban nhạc đám cưới không ca sĩ lớn,
vòng tay dài kéo ôm chặt anh.

Trăng nốt đôi ta lâu ngày trong bán nguyệt,
anh sẽ tạ lỗi, em sẽ thứ tha,
đêm sẽ không tệ như khi đôi ta ngủ, mỗi người mỗi
nửa phòng, nửa đời sống,
nửa niềm vui chỉ chiếu sáng được một phần trời.

The Half-Moon Couple
(after the lithograph by Marc Chagall)

While I am two parts: hands
and veil, you are mostly suit.
Somehow, there is enough sage
between us, sticks of lavender, stems
of this canoe. Forget that I am drawn
out of troubles, that love
anchors itself to certain beds. I am praying
for a paler sun, a simple wedding
band without stars, longer arms to pull you
close.

The moon holds us in its boat
again and again; I will forgive,
you will apologize and night

won't seem as bad as when we both sleep
in our own half-rooms, half-lives,
our half-joys illuminating only part of the sky.

Năm Đổ Mưa Sao Băng

Em thấy đom đóm thay vì tinh tú,
thấy tinh tú thay vì sao băng.

Em cho rằng trăng quá sáng
dù em rất yêu trăng.

Anh nói trăng dần dần rời xa mặt đất
và em sớm sống cùng bóng tối.

Đã mười sáu năm
kể từ khi cùng ngắm trăng lên ở Mễ Tây Cơ

theo dõi cô hầu bàn cầm tay em,
nói chiếc nhẫn cưới như mảnh trời đầy sao lấp
lánh

Em trả lời, rất dễ bị lằm bở kim cương,
bởi sao băng.

Trên chuyến bay về, em đọc tiểu thuyết lãng mạn

khi phi cơ bị sét đánh.

Sao băng và người trắng mặt tóe lửa trên không phận
và phi cơ vẫn tiếp tục bay.

Khi dựa vào anh, nói rằng, em sợ chết,
anh trả lời, hết thầy nhân sinh đều gặp bí mật
này.

Hai phụ nữ ngồi sau lưng bắt đầu cầu nguyện,
xin thánh thần cho phi cơ bình an.

Chúng ta sinh ra không có cánh như đom đóm,
chúng ta phát minh những gì giúp bay cao.

Em nắm tay anh hy vọng đáp an toàn ở Seattle
và chập chờn ý nghĩ sẽ mất những gì chúng ta
có,

hay là chiếc đèn trên cao, cần thay bóng.
Ngoài cửa sổ những tòa nhà chọc trời rực
sáng khi đáp xuống

lúc phi cơ hạ cánh lên đường bay trên mặt đất
nhiều dãy đèn sáng ngời.

Anh thì thắm (và em gần như nhìn thấy
trong anh những tia sáng.)

" Quá nhiều phố xá, không đủ ngôi sao."

Year of the Meteor Shower

I see fireflies instead of stars, stars
instead of meteors.
I suggest that as much as I adore the moon,
maybe it's too bright.
You tell me the moon is slowly moving away
from earth and I'll have my darkness
soon enough. It's been sixteen years
since we watched the moon rise
in Mexico, watched the waitress reach for my hand
and say my wedding band was a sky
layered in stars. I told her it's easy to be fooled
by diamonds, by falling stars.
On the flight home, I was reading a romance
novel when lightning struck the plane.
Meteors and honeymooners sparked
over a country and the plane continued on.
When I leaned in and said, I'm afraid to die, you told
me the whole world
has this secret. Behind us, two women
began praying, asked saints to keep the plane
in the air. We were not born with wings
like fireflies, we've had to invent what holds
us
up. I reached for your hand hoping to land
safely in Seattle and the thought of losing
what we had found together flickered,
or maybe, an overhead bulb
needed to be replaced. Outside my window,

skyscrapers brightened our descent
as we headed towards the runway
in a country layered with light.
You whispered (and I could almost see
the glimmer inside you),
Too much city, not enough stars



Margaret Atwood (1939 -)

Thi sĩ Gia Nã Đại

Margaret Eleanor Atwood sinh tại Ottawa, Ontario, Canada. Lên bảy tuổi, dọn về Toronto. Tốt nghiệp đại học Toronto, lấy bằng cao học ở Radcliffe College, Massachusetts, năm 1962.

Bà làm thơ, viết truyện ngắn, nghiên cứu, viết cho phim ảnh, viết cho chương trình phát thanh và viết cho nhi đồng. Bà làm chủ tịch hội Văn Bút Canada 1984-1986. Thành viên sáng lập Griffin Poetry Prize và Writers' Trust of Canada. Bà còn là người phát minh lập trình viết tự động cách không LongPen chuyên sử dụng cho tài liệu.

Giải thưởng:

Guggenheim fellowship, 1981 / Los Angeles Times Fiction Award, 1986 / American Humanist Association Humanist of the Year, 1987 / Nebula Award, 1986 and Prometheus Award, 1987 / Arthur C. Clarke Award for best Science Fiction, 1987 / Foreign Honorary Member of the American Academy of Arts and Sciences, 1988 / Canadian Booksellers Association Author of the Year, 1989 / Outstanding Canadian Award - Armenian Community Centre of Toronto, 1989 / Trillium Book Award, 1991, 1993, 1995 / Government of France's Chevalier dans l'Ordre des Arts et des Lettres, 1994 / Helmerich Award, 1999. / Booker Prize, 2000, 2019 / Kenyon Review Award for Literary Achievement, 2007 / Prince of Asturias Award for Literature, 2008 / Fellow Royal Society of Literature, 2010 / Nelly Sachs Prize, Germany, 2010 / Dan David Prize, Israel, 2010 / Queen Elizabeth II Diamond Jubilee Medal, Canada, 2012 / Los Angeles Times Book Prize "Innovator's Award", 2012 / Gold medal of the Royal Canadian Geographical Society, 2015 / Golden Wreath of Struga Poetry Evenings, Macedonia, 2016 / Franz Kafka Prize, Czech Republic, 2017 / Peace Prize of the German Book Trade, Germany, 2017 / Companion of Honour, 2019 / Joint winner of the Booker Prize, 2019 / Dayton Literary Peace Prize, 2020 / British Academy President's Medal, 2020 / Emerson-Thoreau Medal (2020).

Thơ:

Double Persephone (1961) / The Circle Game (1964) / Expeditions (1965) / Speeches for Doctor Frankenstein (1966) / The Animals in That Country (1968) / The Journals of Susanna Moodie (1970) / Procedures for

Underground (1970) / Power Politics (1971) / You Are Happy (1974) / Selected Poems (1976) / Two-Headed Poems (1978) / True Stories (1981) / Love Songs of a Terminator (1983) / Snake Poems (1983) / Interlunar (1984) / Selected Poems 1966–1984 (Canada) / Selected Poems II: 1976–1986 (US) / Morning in the Burned House, McClelland & Stewart (1995) / Eating Fire: Selected Poems, 1965–1995 / "You Begin." (1978) / The Door (2007) / Dearly (2020)

Thơ Tuyển

Bay Bên Trong Cơ Thể Của Mình

Phổi tự động hít đầy và nở nang,
đôi cánh máu hồng, xương tự làm rỗng,
trở thành trống không.
Khi hít vào, bay lên như bong bóng,
trái tim nhẹ tênh & to lớn,
đập niềm vui tinh khiết, nguyên khí helium.
Gió tinh nguyên từ mặt trời thổi qua bạn,
không có gì ở trên,
nhìn xuống trái đất bầu dục hình viên ngọc,
phát quang & màu xanh biển ái tình.
Chỉ trong mơ mới có thể như vậy.

Thức dậy,
trái tim như nắm tay rung động,
bụi li ti làm nghẹt không khí hít vào,
sức ép khối đồng nóng mặt trời đè xuống
trên vỏ hộp sọ bạn màu hồng.
Luôn luôn, một khoảnh khắc trước khi nghe tiếng súng.
Bạn cố gắng & cố gắng đứng lên nhưng không được.

Flying Inside Your Own Body

Your lungs fill & spread themselves,
wings of pink blood, and your bones
empty themselves and become hollow.
When you breathe in you'll lift like a balloon
and your heart is light too & huge,
beating with pure joy, pure helium.
The sun's white winds blow through you,
there's nothing above you,
you see the earth now as an oval jewel,
radiant & seablue with love.
It's only in dreams you can do this.
Waking, your heart is a shaken fist,
a fine dust clogs the air you breathe in;
the sun's a hot copper weight pressing straight
down on the think pink rind of your skull.
It's always the moment just before gunshot.
You try & try to rise but you cannot.

Phải / Không Phải

Tình yêu không phải nghề nghiệp
phong cách sang trọng hoặc nếu không thì ...

Tình dục không phải nha khoa
khéo léo trám đầy răng sâu đau nhức

Anh không phải bác sĩ của tôi
không phải cách chữa bệnh,

không ai có quyền
anh chỉ là người bạn / khách đồng hành

từ bỏ mối quan tâm y thuật,
cài nút lại đi, nên lưu ý,

cho phép bản thân anh tức giận
và cho phép tôi nổi điên

không cần
anh chấp thuận hay kinh ngạc

không cần phải hợp pháp
không cần chống lại bệnh tật

nhưng chống lại anh
không cần phải hiểu

hoặc rửa sạch hoặc đốt khử độc,
cần thay thế

được nói và nói.

Cho phép tôi sống trong thời hiện tại

Is/Not

Love is not a profession
genteel or otherwise

sex is not dentistry
the slick filling of aches and cavities

you are not my doctor
you are not my cure,

nobody has that
power, you are merely a fellow/traveller

Give up this medical concern,
buttoned, attentive,

permit yourself anger
and permit me mine

which needs neither
your approval nor your surprise

which does not need to be made legal
which is not against a disease

but against you,
which does not need to be understood

or washed or cauterized,
which needs instead

to be said and said.
Permit me the present tense.

Anh và Em tâm Đầu Ý Hợp

Đôi ta tâm đầu ý hợp
như lưỡi câu móc vào tròng mắt
Một lưỡi câu cá
Một tròng mắt mở

You Fit Into Me

You fit into me
like a hook into an eye
A fish hook
An open eye

Ngay Lúc Đó

Ngay lúc đó, sau bao năm
làm việc nhọc nhằn, một hành trình đáng kể
bạn đứng giữa phòng,
giữa nhà, giữa nửa mẫu đất vuông,
trên đảo, trong đất nước,
biết rõ sau cùng thế nào bạn cũng đến đây,
la lớn, tôi sở hữu các thứ này.

Giống như lúc đấm cây
thả lỏng cành mềm ôm lấy bạn,
bầy chim nuốt lại tiếng hót,
vách đá nứt nẻ và sụp xuống,
gió thổi ngược vào mặt như sóng
bạn ngộp thở.

Không, chúng nó thì thâm, bạn không sở hữu gì cả.
Bạn chỉ là khách, tuần tự, leo ngọn đồi.
cắm ngọn cờ, đọc tuyên dương.
Bạn không bao giờ sở hữu chúng tôi.
Không bao giờ tìm thấy chúng tôi.
Ngược lại nữa là khác.

The Moment

The moment when, after many years
of hard work and a long voyage
you stand in the centre of your room,
house, half-acre, square mile, island, country,
knowing at last how you got there,
and say, I own this,

is the same moment when the trees unloose
their soft arms from around you,
the birds take back their language,
the cliffs fissure and collapse,
the air moves back from you like a wave
and you can't breathe.

No, they whisper. You own nothing.
You were a visitor, time after time

climbing the hill, planting the flag, proclaiming.
We never belonged to you.
You never found us.
It was always the other way round.

Tấm Hình Của Tôi

Tấm hình chụp khá cũ.
Mới nhìn thấy giống như
một bản in
mờ: nét không rõ, nhiều lốm đốm xám
trải khắp hình;

rồi nếu bạn in lại
sẽ thấy nơi góc trái
hình dạng như nhánh cây: một phần
cây (Bóng Nước hoặc Vân Sam) lấn vào
còn bên phải, ở lưng chừng
chắc phải là cái dốc
thoai thoải, thấy căn nhà tiền chế.

Phía sau, có hồ nước,
xa hơn, có vài ngọn đồi con.

(Hình chụp

một ngày sau khi xém chết đuối.

Tôi bơi trong hồ, giữa
hình, thấp hơn một chút dưới mặt nước.

Khó nói chính xác
nơi nào hoặc nói
tôi mập hay ốm:
qua lăng kính nước
ánh sáng làm biến dạng

nhưng nếu bạn nhìn lâu đủ,
trước sau gì
sẽ tìm thấy tôi.)

This Is A Photograph Of Me

It was taken some time ago.
At first it seems to be
a smeared
print: blurred lines and grey flecks
blended with the paper;

then, as you scan
it, you see in the left-hand corner
a thing that is like a branch: part of a tree
(balsam or spruce) emerging
and, to the right, halfway up
what ought to be a gentle
slope, a small frame house.

In the background there is a lake,
and beyond that, some low hills.

(The photograph was taken
the day after I drowned.

I am in the lake, in the center
of the picture, just under the surface.

It is difficult to say where
precisely, or to say
how large or small I am:
the effect of water
on light is a distortion

but if you look long enough,
eventually
you will be able to see me.)

Bài Ca Của Thần Nữ Điều (*)

Bài ca này, mọi người
đều muốn học: bài ca
mê sáng nhân tâm:

bài ca giục giã đàn ông
lên thuyền vượt biển
dù thấy bãi đến đầy đầu lâu.

bài ca không ai biết
vì những ai đã nghe

đều chết, kẻ còn lại không nhớ.
Có nên kể bạn nghe điều bí ẩn
nếu tôi kể, bạn có giúp tôi thoát thân
ra khỏi xác chim kỳ quái?

Tôi chẳng có gì vui
ngồi xõm trên đảo này
ngắm cảnh đẹp và hoang tưởng
với hai chị chim điên,
Tôi không thích hát
chung với họ, hãm hại dù ca hay.

Kể bạn nghe điều bí ẩn
chỉ một mình bạn thôi.
Xin hãy đến gần. Bài ca này

kêu cứu: " Cứu tôi với!
chỉ có bạn , chỉ có bạn mới giúp,
bạn là người duy nhất

không còn ai." Than ôi
một bài ca xoàng xĩnh
vậy mà lần nào cũng thành công.

(*) Sirens là ba vị thần nửa chim nửa đàn bà trong thần thoại Hy Lạp. bài

ca của họ thu hút đàn ông vượt biển về hoang đảo chịu chết. Bài ca kêu gọi lòng thương xót: Cứu tôi với. Bài thơ của một trong ba nữ điếu.

Siren Song

This is the one song everyone
would like to learn: the song
that is irresistible:

the song that forces men
to leap overboard in squadrons
even though they see the beached skulls

the song nobody knows
because anyone who has heard it
is dead, and the others can't remember.

Shall I tell you the secret
and if I do, will you get me
out of this bird suit?

I don't enjoy it here
squatting on this island
looking picturesque and mythical

with these two faethery maniacs,
I don't enjoy singing
this trio, fatal and valuable.

I will tell the secret to you,
to you, only to you.
Come closer. This song

is a cry for help: Help me!
Only you, only you can,
you are unique

at last. Alas
it is a boring song
but it works every time.

Sự Biến Dạng của Từ Ngữ " Ngủ"

Em muốn được canh chừng anh đang ngủ,
việc này có lẽ không xảy ra.

Em muốn nhìn thấy anh,
khi đang ngủ. Em muốn ngủ
với anh, để lén vào
cõi anh như ngọn sóng thần kỳ thú vị
lướt qua tâm trí em

rồi cùng nhau băng qua khu rừng
ánh sáng trên lá xanh xao động
bởi đẫm sương trong nắng với ba mặt trăng
đi đến hang sâu nơi anh phải leo xuống
đối diện với sợ hãi khôn cùng

Em muốn tặng anh một cành bạch ngân,
một đóa hoa trắng nhỏ,
một lời thần chú bảo vệ anh
thoát khỏi khổ sầu khi rơi giữa chiêm bao,
từ nơi tâm điểm sâu đau
một lần nữa em theo anh leo cao lên thang cấp
rồi hóa thân thành chiếc thuyền
chèo anh về lại an toàn,

bưng trên tay một ngọn lửa
đưa đến nơi thân xác anh nằm
bên cạnh em, rồi khi anh đi vào
dễ dàng như hít một hơi thở

Em muốn được làm dưỡng khí
giúp anh sống giây phút phù du
Em muốn điều cần thiết này
không ai biết.

Variation on the Word Sleep

I would like to watch you sleeping,
which may not happen.
I would like to watch you,
sleeping. I would like to sleep
with you, to enter
your sleep as its smooth dark wave
slides over my head

and walk with you through that lucent
wavering forest of bluegreen leaves
with its watery sun & three moons
towards the cave where you must descend,
towards your worst fear

I would like to give you the silver
branch, the small white flower, the one
word that will protect you
from the grief at the center
of your dream, from the grief
at the center I would like to follow
you up the long stairway
again & become
the boat that would row you back

carefully, a flame
in two cupped hands
to where your body lies
beside me, and as you enter
it as easily as breathing in

I would like to be the air
that inhabits you for a moment
only. I would like to be that unnoticed
& that necessary.

Thi Sĩ Và Thơ Trả Lời

Những Câu Hỏi Về Thơ

(Hư cấu và Cập nhật năm 2022.)

32 thi sĩ bị tham dự:

(sắp tên họ theo thứ tự ABC...)

Ellen Wade Beals, Jorge Luis Borges, Charles Bukowski, Billy Collins, Louisa DeBoo, Robert Duncan, Karen Swank-Fitch, Ruth Forman, Louis Gluck, Rod E. Kok, Nikki Giovanni, Ron Koertge, Naoshi Koriyama, Steve Kowitz, Jim Lyle, Archibald MacLeish, Khairi Mansour, Jerry Martien, Eve Merriam, Pablo Neruda, Frank O'hara, Linda Pastan, Judith Porton, Tadeusz Rosewic, Wallace Stevens, Mark Strand, James Tate, Jaroslav Vrchlicky, Christena Williams, William Carlos Williams, Al Young, Tom Zart.

Lời người phỏng vấn:

Giữa thời lờ mờ, bóng tối bao trùm, phố chợ thấp đèn bão, gõ quan tài rã mục vùi thi sĩ bất tử, hỏi thăm đường nào các cụ đã đi?

Giữa buổi thơ bốc rối khi ca, nhạc ngân ngừng khi hát, tìm gặp vùi thi sĩ thượng thừa, hỏi xem ca hát ra sao, cầm nang nào?

Những thi sĩ bất tử làm thơ bất hủ để lại thơ đếm tuổi trăm năm. Bí quyết ra sao? Thơ bây giờ mỗi tuổi mỗi chết.

Để làm thơ phải chịu khổ nạn vậy sao?

Hành trình làm thơ như thằng bé bỏ nhà phiêu lưu, khi trở về không ai nhận ra vì quá già, không phải vì thời gian, vì khổ não làm nhăn nheo, vì khổ tâm làm tóc bạc. Đến thăm bạn bè cũ, họ vẫn còn trẻ, gọi thơ bằng cụ.

Thơ già trước thời đại hay tuổi đi chậm hơn thơ? Trả lời sao cũng được, miễn, thơ chấp nhận phiền hà thương tích của tương lai.

o 0 o

Hỏi: Đây là một câu hỏi rất tầm thường nhưng quan trọng. Chưa có một thi sĩ nào có câu trả lời đầy đủ. Dường như câu hỏi này thuộc vào loại câu hỏi mà câu trả lời cập nhật theo thời gian. Hoặc trả lời một cách nào đó, không xác định. Như vậy, Thơ là gì?

Khairi Mansour: "Kamand Kojouri có một định nghĩa rất hay, cô ta nói: Thơ không phải là hòn đảo, nó là cây cầu."

*Thơ không phải là con tàu, nó là thuyền cứu thương.
Thơ không cần bơi, vì thơ là nước.' Theo tôi, thơ*

Là ngôn ngữ cho đá

khi đá ngồi trần trụi dưới tên của nó

bị gió thổi lật qua dốc cao.

Là ngôn ngữ cho cây cối

khi bốn mùa bỏ rơi chúng

để trái cây bị héo tàn.

Là ngôn ngữ cho mưa lạnh

khi hai người ôm nhau che dù

hoặc vội vã chạy núp hành lang, thang máy.

Là ngôn ngữ cho người

khi cười và khóc

và khi chúng chân thật."

Poetry

Khairi Mansour

*It's a language for the stone
when it sits naked under its own name
and is hurled by the wind over the slope.*

*It's a language for the trees
when the seasons forsake them
and their fruits perish.*

*It's a language for the rain
when two people embrace beneath an umbrella
or hurry
to a corridor or an elevator.*

*It's a language for people
when the cry to laugh
and when they are truthful*

(Dịch bởi: May Jayyusi and Jeremy Reed.)

Hỏi: Louis, theo bà, thơ là gì? Không phải một định nghĩa. Chúng tôi cần thấy một tầm nhìn, như nhìn cầu vồng mà không cần phải biết tại sao nó có bảy sắc và lý do gì mọc lên?

Louis Gluck:

*“Đêm vừa tối, lúc bảy giờ,
người đàn ông cúi xuống trên bàn viết.
Tờ tón ngẩng mặt;
người đàn bà xuất hiện, mang theo hoa hồng.
Khuôn mặt nàng phản ảnh trong gương,
Với cành hồng in màu xanh trên dung mạo.*

Hình cảnh này

hình dung khổ đau:

*Luôn luôn có một trang viết trong suốt
đặt lên cửa sổ
cho đến khi nổi những đường gân
như những lời cuối cùng bằng mực.*

Tôi thực sự muốn hiểu

làm sao họ gắn bó với nhau

hoặc với ngôi nhà xám kiên cố giữa hoàng hôn

*bởi tôi phải đi vào đời sống của họ:
Trời đang mùa xuân,
cây lê ẩn hiện sau những bông hoa trắng
mong manh.”*

*Poem
Louis Gluck*

*In the early evening, a now, as man is bending
over his writing table.
Slowly he lifts his head; a woman
appears, carrying roses.
Her face floats to the surface of the mirror,
marked with the green spokes of rose stems.*

*It is a form
of suffering: then always the transparent page
raised to the window until its veins emerge
as words finally filled with ink*

*And I am meant to understand
what binds them together
or to the gray house held firmly in place by dusk*

*because I must enter their lives:
it is spring, the pear tree
filming with weak, white blossoms.*

Wallace Stevens: “Tôi nghĩ, thơ không phải lúc nào cũng đẹp về cái đẹp. Như Louis vừa nói, cái đẹp của ý nghĩa của cái đẹp khổ đau là một dạng hình của thơ, *ẩn hiện sau những bông hoa trắng mong manh*. Nhưng ở dạng khác, thơ là sức mạnh hủy diệt, *có thể giết người*.”

*Khổ thay,
hư không chiếm ngự con tim,*

*nghĩa là có hoặc có cái hư không.
Đó là điều cần phải có.
con sư tử mang con trâu trong ngực
để cảm thấy hơi thở trong đó.*

*Trái tim, con chó dững cảm
trâu non, gấu chân bành,
ném máu mình, không nhớ ra.*

*Nó như người
có con thú dữ trong thân xác
bắp thịt là sức mạnh riêng ...*

*Sư tử ngủ dưới nắng
gác mõm trên bàn chân,
có thể giết người.”*

*Poetry is a Destructive Force
Wallace Stevens*

*That's what misery is,
Nothing to have at heart.
It is to have or nothing.
It is a thing to have,
A lion, an ox in his breast,
To feel it breathing there.*

*Corazon, stout dog,
Young ox, bow-legged bear,*

He tastes its blood, not spit.

*He is like a man
In the body of a violent beast
Its muscles are his own...*

*The lion sleeps in the sun.
Its nose is on its paws.
It can kill a man.*

Robert Duncan: “ Thơ là gì? Thơ có thể là thơ trong nhiều hình dạng. Có thể là một khối cầu nhiều mặt, ai nhìn mặt nào, hiểu mặt đó. Ứng với sự tiến hóa tạo ra biến hóa, *không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông*. Nhưng cũng có điểm tương đồng, *vạn vật đồng nhất thể*, Thơ là một nhu cầu tự nhiên.

*Không phải tính nết, không phải đức hạnh
làm cho thơ hay.*

*“Chúng xuất hiện rồi tan biến
như mỗi năm
trên đá.”*

Bài thơ

từ suy nghĩ, cảm xúc, thôi thúc,

tự sinh sản,

một khẩn cấp tinh thần

từ các bậc thang đen tối nhảy lên.

Thấm mỹ này triển miên bên trong

theo nguồn phấn đấu ngược dòng sông đang chảy,

một tiếng gọi chúng ta nghe rồi trả lời

trong lúc cõi sống trì trệ nhất
tiếng gấm từ nguyên sơ
từ đó thế giới trẻ có thể nảy mầm,
cá hồi không ở trong giếng
nơi trái phỉ rơi xuống,
nhưng ở thác nước, vật lộn, không thể diễn tả,
mò mầm sinh ra nó.
Đây là bức tranh ẩn dụ tâm tư.

Bức thứ hai:

Con nai có sừng do Stubbs vẽ, (*)
các nhánh sừng gạc năm ngoái
nằm dưới đất.
Bài thơ mặt mày ngơ ngác thất vọng
mang đôi mầm sừng non,
giống năm trước,
“hơi nặng, một chút sáng tạo.”
vẻ đẹp duy nhất của nó,
là con nai có sừng.”

(*) Có lẽ là họa sĩ George Stubbs.

Poetry, A Natural Thing
Robert Duncan

Neither our vices nor our virtues

further the poem. "They came up
and died
just like they do every year
on the rocks."
The poem
feeds upon thought, feeling, impulse,
to breed itself,
a spiritual urgency at the dark ladders leaping.
This beauty is an inner persistence
toward the source
striving against (within) down-rusket of the river,
a call we heard and answer
in the lateness of the world
primordial bellows
from which the youngest world might spring,
salmon not in the well where the
hazelnut falls
but at the falls battling, inarticulate,
blindly making it.
This is one picture apt for the mind.

A second: a moose painted by Stubbs,
where last year's extravagant antlers
lie on the ground.
The forlorn moosey-faced poem wears
new antler-buds,
the same,
"a little heavy, a little contrived",

his only beauty, to be
all moose.

Tom Zart: "Đúng, thơ là nhu cầu bẩm sinh. Thơ cũng là hiệu quả của nó. Nếu lịch sử nỗ lực định nghĩa thơ bằng bản sắc, việc này dẫn đến bãi sương mù, thấy mà không thấy rõ. Thơ là gì? nhìn vào hiệu quả sẽ biết ngay nhu cầu.

*Thơ là ngọn hải đăng trong đời
Dẫn hướng tàu bè lạc biển bão tố.
Không có nó, đến tối sẽ ngụy trị*

giam giữ ta khỏi những gì ước mơ.

*Thơ dùng giữ gìn niềm đam mê
Từ những nhà thơ vừa thiên vừa ác.
Có người ghét bỏ, có người thương yêu
Chia sẻ ý tưởng như mời ăn thực phẩm.*

*Câu thơ đưa chúng ta đến vinh quang hay tận diệt
Khi chúng ta cùng người khác tham gia.
Mô tả quá khứ, hiện tại, tương lai
Với lời người thánh thiện hay tội lỗi.*

*Con người làm thơ vì không có lựa chọn
Trả lời tiếng gọi của tài năng.
Một số có khuynh hướng kéo độc giả xuống
Số khác sáng tác để nâng độc giả lên.*

*Hãy luôn luôn nhớ sức mạnh của thơ
Được thiên đàng và địa ngục sử dụng.
Tùy vào mỗi người chọn niềm vui riêng
Dù sao thơ vẫn tồn tại và sung túc.*

*The Power of Poetry
Tom Zart*

*Poetry is the lighthouse of life
Guiding the lost from a stormy sea.
Without it's presence darkness prevails
Keeping us from all we can be.
Poems are used to convey passion
By poets of both good and evil mood.
Some are hateful others loving
Sharing thoughts to be consumed as food.*

Verse can lead us to glory or doom

*As we partake with others within.
Depicting our past, present and future
With words of man's grace or sin.*

*People write poetry because they have no choice
Answering to the call of their gift.
Where some tend to pull their readers down
Others compose to give them a lift.*

*Always remember the power of poetry
Is used by both heaven and hell.
It's up to us to choose our pleasure
As poetry remains alive and well.*

Hỏi: Người ta nói thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Người khác nói thơ là nghệ thuật của thẩm mỹ. Bên diện diện đạt, thơ là nghệ thuật về nghệ thuật. Sự phức tạp luôn luôn xảy ra khi một ý niệm trừu tượng được phân tích, hướng hồ chỉ “nghệ thuật” và “thơ”, cả hai khối đều trừu tượng. Tuy nhiên, nghệ thuật của thơ và về thơ, lúc nào cũng quyến rũ người viết, người đọc tìm hiểu. Như vậy, nghệ thuật thơ là gì?

T.S. Jorge Luis Borges:

*" Nhìn sông chảy bởi nước và thời gian
Hãy nhớ thời gian là một dòng sông khác.
Chúng ta lạc lõng như dòng sông
và mặt mũi sẽ bốc hơi như nước*

*Cảm nhận được, thức là chiêm bao
đang mơ về không phải chiêm bao
và sự chết, sợ tận cùng xương tủy
là chết mỗi đêm, tên gọi chiêm bao.*

*Thấy từng đêm từng năm một ký hiệu
của tháng ngày của người và của đời
rồi cải đổi những tháng năm thương tổn
thành điệu nhạc, âm thanh và tượng trưng.*

*Thấy trong cõi chết một giấc mơ,
trong hoàng hôn nỗi buồn rục rối, là thơ,
tầm thường mà bất hủ,
thi ca, luân chuyển, như hoàng hôn và bình minh.*

*Đôi khi buổi chiều thấy khuôn mặt
nhìn chúng ta từ đáy gương soi.
Nghệ thuật phải là loại gương như vậy
vạch trần mặt ta cho ta xem.*

*Họ nói Ulysses, mỗi một bởi kỳ diệu,
khóc yêu thương khi gặp Ithaca,
tầm thường mà xanh. Ithaca là nghệ thuật,
xanh bất tử, không có gì diệu kỳ.*

*Nghệ thuật không giới hạn như nước sông chảy,
trôi đi, vẫn còn lại, vẫn nguyên như tấm gương
mà biến hóa theo Heraclitus, nhìn vẫn giống vậy
nhưng đã đổi thay, như nước chảy theo sông."*

The Art of Poetry

*To gaze at a river made of time and water
and remember Time is another river.
To know we stray like a river
and our faces vanish like water.*

*To feel that waking is another dream
that dreams of not dreaming and that the death
we fear in our bones is the death
that every night we call a dream.*

*To see in every day and year a symbol
of all the days of man and his years,
and convert the outrage of the years
into music, a sound, and a symbol.*

*To see in death a dream, in the sunset
a golden sadness such is poetry,
humble and immortal, poetry,
returning, like dawn and the sunset.*

*Sometimes at evening there's a face
that sees us from the deeps of a mirror.
Art must be that sort of mirror,
disclosing to each of us his face.*

*They say Ulysses, wearied of wonders,
wept with love on seeing Ithaca,
humble and green. Art is that Ithaca,
a green eternity, not wonders.*

*Art is endless like a river flowing,
passing, yet remaining, a mirror to the same
inconstant Heraclitus, who is the same
and yet another, like the river flowing.*

Hỏi: Còn Ruth, cô nghĩ sao?

*Ruth Forman: "Nếu bạn mất cây bút,
chỉ tìm thấy bút chì gãy trên sàn nhà*

không có đồ gọt
đồ gọt còn trong tiệm
và bạn không có tiền
tìm lại lần nữa
chỉ thấy bút nguyên tử mực đen
bạn cần mực xanh
Rồi nếu nó xuất hiện dưới nệm trên ghế dài
nhưng ghé qua dờ bản,
đột nhiên, bạn muốn dọn dẹp dưới các gối bông
nhưng không có máy hút bụi
máy còn ở trong tiệm
và bạn không có tiền
không phải bạn cần tìm cây bút
cần tìm cái lưới và những ai bạn chuyện trò
bà ngoại, chim bồ câu, và nhện đen
lơ lửng các góc cổ họng của bạn
đó là cái lưới
nếu bạn không tìm ra
đừng đi tìm con mèo
sẽ không tìm ra nó
đang nghịch ngợm ăn vụng trong bếp hàng xóm
hoặc đang nở ngoài sân làm tình

Nếu không thể tìm cái lưới, đừng tìm nữa

*khi quá bận rộn, bạn sẽ không tìm ra
chim bồ câu trở nên chóng mặt
bà ngoại đang bực mình
hãy ngồi yên một chỗ, để chúng đến tìm bạn
chúng sẽ đến khi đã sẵn sàng
khi đó
chẳng ăn thua gì nếu túi tiền trống rỗng
viết bằng bút mực đen hay mực xanh
hoặc máu từ ngón tay trở
bạn sẽ viết
sẽ viết*

If You Lose Your Pen

*and all you find is a broken pencil on the floor
and the pencil has no sharpener
and the sharpener is in the store
and your pocket has no money
and if you look again
and all you find is a black Bic
and the Bic you need is green
and if it appears beneath the mattress of your couch
but the couch is dirty and you suddenly want to clean
beneath the pillows
but you have no vacuum and the vacuum is in the store
and your pocket has no money
it is not your pen you are looking for
it is your tongue and those who speak with it
your grandmothers and doves and ebony spiders
hovering the corners of your throat
it is your tongue
and if you cannot find your tongue
do not go looking for the cat*

*you know you will not find her
she is in the neighbor's kitchen eating Friskies
she is in the neighbor's yard making love*

*if you cannot find your tongue do not look for it
for you are so busy looking it cannot find you
the doves are getting dizzy and your grandmothers annoyed
be still and let them find you
they will come when they are ready
and when they are
it will not matter if your pockets are empty
if you write with a green Bic or a black Bic
or the blood of your finger
you will write
you will write*

Hỏi: Là thi sĩ, ông phải đi tìm thơ hoặc thơ tự động tìm đến ông? Ông có thể cho biết sự xuất hiện của thơ?

T.S. Pablo Neruda:

*"Rồi ở tuổi ấy... Thơ đã đến
tìm tôi. Tôi không biết. Tôi không rõ thơ
đến từ nơi nào, từ mùa đông hay từ dòng sông.
Tôi vẫn không hiểu khi nào, xảy ra làm sao,
không, thơ không phải tiếng nói, không phải
lời lẽ, không phải im lặng,
nhưng từ một con đường đã mời gọi tôi,
từ những cành cây đêm,
bất ngờ từ những người khác,
giữa lửa cháy dữ dội
hoặc cô độc trở về,
Tôi không còn là tôi*

khi thơ chạm vào người.

*Tôi như á khẩu,
miệng không thể
gọi tên,
mắt tối sầm,
rồi có gì trong hồn khơi động,
lên cơn sốt hoặc bay ngậy ngất,
bằng một cách riêng
tôi giải mã
lửa cháy,
Tôi viết dòng thơ đầu tiên mê muội,
lờ mờ, không giá trị, hoàn toàn
vô nghĩa,
hoàn toàn kiến thức
của kẻ không biết gì,
Rồi đột nhiên tôi nhìn thấy
bầu trời bao la
mở rộng
rồi mở lớn,
tinh tú,
cây cối run rẩy,
bóng đen loang lổ,
bí ẩn*

với mũi tên, lửa, và hoa,
đêm xoay tròn, vũ trụ.

Còn tôi, sinh vật bé nhỏ,
say mê khoảng rộng
đầy sao,
giống như, hình tượng
thần bí,
đối với tôi chỉ là một phần hố sâu,
xoay với sao trời,
trái tim vỡ thả bay theo gió."

Poetry (1)
Pablo Neruda

*And it was at that age ... Poetry arrived
in search of me. I don't know, I don't know where
it came from, from winter or a river.
I don't know how or when,
no, they were not voices, they were not
words, nor silence,
but from a street I was summoned,
from the branches of night,
abruptly from others,
among violent fires
or returning alone,
there I was without a face
and it touched me.*

*I did not know what to say, my mouth
had no way
with names,
my eyes were blind,*

*and something started in my soul,
fever or forgotten wings,
and I made my own way,
deciphering
that fire,
and I wrote the first faint line,
faint, without substance, pure
nonsense,
pure wisdom
of someone who knows nothing,
and suddenly I saw
the heavens
unfastened
and open,
planets,
palpitating plantations,
shadow perforated,
riddled
with arrows, fire and flowers,
the winding night, the universe.*

*And I, infinitesimal being,
drunk with the great starry
void,
likeness, image of
mystery,
for myself a pure part of the abyss,
I wheeled with the stars,
my heart broke loose on the wind.
(Bản dịch của Alastair Reid)*

Hỏi: Như vậy, thơ đến bất ngờ. Cho dù thi sĩ cố gắng tìm kiếm chưa chắc đã gặp. Thường khi cố gắng quá, điều mà thi sĩ gặp chưa chắc đã là thơ. Ông nghĩ sao?

T.S. Jame Tate:

*"Nữ thần hôn lên chữ nghĩa trong tôi,
cảm giác náo nức như ngàn ánh sao xáo trộn.
Một vài chữ tự ý tách rời*

*rồi bỗng bênh trong vô thức, cư mang
nổi cô đơn như những quan tài nhỏ
ẩn vào trí chữ.*

*Nàng hôn lên từ ngữ trong tôi
cánh cửa mở toang: đàn hắc điều ngủ trọ
trên đỉnh ngọn xa xa. Người tò mò hé cửa sổ nhìn
dưới tàng dù theo dõi
đám tang. Những con ngựa che mắt
giậm chân liên tục trên đá sỏi.*

*Nàng hôn: Những kẻ cướp tập trung
vào phòng khiêu vũ lơ mờ
để khoe khoang của cướp được.
Chuột làm chứng chống nhau
trong tòa xử thú vật tầm tối.*

*Nữ thần hôn lên từ ngữ trong tôi,
nàng vắt chặt rồi nhai cắn,
cho ánh sáng cuối cùng bán loạn,
và vĩ cầm phát tiếng cuồng điên.
Nước ấm tràn trên gối
thèm khát nhiều ngậm Thạch Anh (*)
để từ bỏ niềm tin vào trí tuệ."*

(* Chất khoáng dùng trong kỹ thuật vô tuyến.)

Poem

James Tate

The angel kissed my alphabet,
it tingled like a cobweb in starlight.
A few letters detached themselves
and drifted in shadows, a loneliness
they carry like infinitesimal coffins
on their heads.

She kisses my alphabet
and a door opens: blackbirds roosting
on far ridges. A window peeper
under an umbrella watches
a funeral service. Blinkered horses
drum the cobblestones.

She kisses: Plunderers gather
in a lackluster ballroom
to display their booty. Mice
testify against one another
in dank rodent courtrooms.
The angel kisses my alphabet,
she squeezes and bites,
and the last lights flutter,
and the violins are demented.
Moisture spreads across my pillow,
a chunk of quartz thirsts
to abandon my brain trust.
(The Norton of Modern and Contemporary Poetry. Vol. 2)

Hỏi: Nhìn thấy một bài thơ thì dễ nhưng định danh một
bài thơ theo nghĩa thơ, có khó không?

T.S. Archibald MacLeish:

" Một bài thơ phải sờ được và cảm lạnh

Như trái cây hình cầu,

Câm

*Như những huy chương cũ trên ngón tay,
Im lặng như nút đá hư hao trên tay áo
nơi những đường viền đã mọc rêu-
Một bài thơ phải không lời
Như cánh chim bay.*

*Một bài thơ phải bất động trong nhịp điệu
Như mặt trăng lên,
Ra đi, khi trăng tháo gỡ
Từng cành vượng víu cành trên cây đêm,
Ra đi, khi trăng ẩn sau lá mùa lạnh giá.
Từng kỷ niệm hồi tưởng trong tâm tư-
Một bài thơ phải bất động trong nhịp điệu
Như mặt trăng lên.*

*Một bài thơ không thể đồng nghĩa với:
Không thật.
Tất cả lịch sử của khổ đau
Như ô cửa trống rỗng cùng chiếc lá phong.
Cho tình yêu
Cộng cỏ ngả nghiêng và hai đóm sáng trên biển--
Một bài thơ không nên có nghĩa
Nhưng là thơ."*

Ars Poetica
Archibald MacLeish

A poem should be palpable and mute
As a globed fruit,
Dumb
As old medallions to the thumb,
Silent as the sleeve-worn stone
Of casement ledges where the moss has grown--
A poem should be wordless
As the flight of birds.

A poem should be motionless in time
As the moon climbs,
Leaving, as the moon releases
Twig by twig the night-entangled trees,
Leaving, as the moon behind the winter leaves.
Memory by memory the mind--
A poem should be motionless in time
As the moon climbs.

A poem should be equal to:
Not true.
For all the history of grief
An empty doorway and a maple leaf.
For love
The leaning grasses and two lights above the sea--
A poem should not mean
But be.

Hỏi: William, ông là người thích làm thơ ẩn dụ. Cho chúng tôi một ẩn dụ về thơ?

T.S. William Carlos William:

" Như con mèo
trèo lên
đầu tủ

*chứa đầy đồ đạc
thoạt tiên bằng chân trước
bên phải*

*thận trọng
rồi bỏ chân sau
xuống*

*vào trong lỗ
trống
của chậu hoa "*

*Poem
William Carlos Williams*

*As the cat
climbed over
the top of
the jam closet
first the right
forefoot
carefully
then the hind
stepped down
into the pit of
the empty
flowerpot*

Hỏi: Có lẽ, trong lãnh vực thơ, câu hỏi này khó trả lời nhất. Không phải vì đòi hỏi trí tuệ cao thâm, kiến văn

sâu thẳm, mà vì nó khó tìm được sự đồng tình. Nhưng rồi, không thể không hỏi. Tom, thế nào là bài thơ hay?

T.S. Tom Zart:

" Một bài thơ hay vẽ bức tranh

Có cả tâm tình và trí tuệ

Không cần viết lần thứ hai

Chúng tỏ ý nghĩa rõ rệt.

Bài thơ hay như hoa

Hoa Huệ hay hoa Hồng.

Thượng Đế trồng trong trí thi sĩ

Cho thắm mỹ mạo lên.

Bài thơ hay như chim Hồng tước

mang thai với bài ca

Bạn không thể không nghe tiếng hát

như hát ca điều gì đúng sai.

Bài thơ hay làm ta nhớ lại

Những vui sướng trong đời

Khiến chúng ta muốn yêu thương người

Cho đến lúc chết đến gõ cửa."

A Good Poem

Tom Zart

*A good poem paints a picture
For both your heart and brain.
It doesn't need a second chance
To make its meaning plain.
A good poem is like the flower
The lily or the rose.
God plants it in a poet's brain
And there its beauty grows.
A good poem like a cardinal
Is pregnant with song
You can't help but hear its message
As it sings what's right or wrong.
A good poem helps us remember
What the joys of life are for
It makes us want to love someone
Till death comes knocking at our door*

Hỏi: Karen, cô là thi sĩ của thời đương đại, cô nghĩ gì về thơ hay?

Karen Glenn:

*“Trong lớp luyện thơ, sinh viên phân tích
mỗi bài thơ muốn nói gì, muốn xung đột việc gì,
Ôi, bài thơ này là kẻ lang bạt, ước mơ nhỏ bé,
chỉ muốn uống rượu.
Bài này không thềm ngó ngang vắn hay lý do.
Chỉ hát sai giọng.
Không nhịp điệu trong máy linh hồn tự động ca.
Nó lớn lên không dùng biểu tượng.
không biết trùng âm.
Cho bài học mambo, nó vẫn không học nhảy.
không có một khổ thơ stanza theo dòng dõi trữ tình.*

Ôi, muộn rồi, còn muộn hơn nữa,
bài thơ này chỉ muốn uống rượu.
Cứ gọi là u uẩn và chán chường.
Thậm chí gọi là sáo rỗng.
Bài thơ này sống lâu đủ để biết chính xác muốn nói gì:
Này em, đừng hà tiện rượu Whiskey.
... Đúng rồi, tối hôm nay
trải qua tàn nhẫn, và bài thơ này
có thể dùng một ly rượu.

The Poem Wants a Drink

*In the workshop, students analyze
what each poem wants, what each one
strives to be. Well, this poem is
a layabout with limited ambitions. It wants
a drink.*

*This poem doesn't give a damn
for rhyme or reason. It only sings
off-key. It has no rhythm
in the jukebox of its soul.
It grew up without symbols.
It doesn't know from assonance.
Give it mambo lessons, and it
still won't learn to dance. It has
not one stanza with a lyric pedigree.
It's late, and getting later, and this poem
wants a drink.*

*Call it gray and tired. Even call it
a cliché. This poem's lived long enough
to know exactly what it means
to say: Don't be stingy
with the whiskey, baby.
.....Yes, the night
has been a cruel one, and this poem*

could use a drink

Hỏi: Khi nói đến làm thơ, dường như có chút gì huyền bí. Ông có thể nói gì về làm thơ không?

T.S. Naoshi Koriyama:

*"Bạn trộn
bột
của kinh nghiệm
với
men
của cảm hứng
rồi nhào lộn thật kỹ
với lòng tử tế
sau đó, hãy đập mạnh
hết sức
rồi để yên
cho đến khi
bột nở lớn
bằng sức phồng bên trong
lúc đó
nhào trộn lần nữa
rồi
tạo hình
đưa vào khuôn tròn
nướng*

trong lò
giữa trái tim " (9)

A Loaf of Poetry
Naoshi Koriyama

you mix
the dough
of experience
with
the yeast
of inspiration
and knead it well
with love
and pound it
with all your might
and then
leave it
until
it puffs out big
with its own inner force
and then
knead it again
and
shape it
into a round form
and bake it
in the oven
of your heart

Hỏi: Còn bà, bà nghĩ sao?

T.S. Judith Pordon:

"Chỉ những chữ không sáng bóng
là chữ mới.

Chúng xuất hiện chấy bùng

*theo cơn gió đến vội.
Chụp lấy chúng bằng cây bút
trong những khoảng trống giữa bước đi.
Sáng tác lúc chuyện trò
chờ đợi
với mực bằng máu,
trong những lúc một mình,
hãy trần trụi
trước trang giấy trắng."*

*Composer Uncomposed
Judith Pordon*

*The only words that matte
are new.
They arrive in flares
on rushing breezes.
Snag them with a pen
at odd intervals in mid-stride.
Composed during conversations
wait
with ink in your blood,
for moments alone,
to be bare
before blank pages*

Hỏi: Câu, “ý tại ngôn ngoại”, phù hợp với bản chất thơ. Thơ thể hiện trong chữ, rồi thơ ẩn núp ngoài chữ, thâm chí, thơ ra khỏi trang giấy. Đối với người chưa quen thơ, đây là một sự rối loạn, hoặc phi lý. Các nhà thơ nên giải thích như thế nào?

T.S. Karen Swan-Fitch:

" Chử thơ là y phục, tôi cởi giữa đêm khuya
 bỏ từ ngưỡng cửa đến chân giường
 đặt nhiều động từ dọc cầu thang
 làm việc này khi leo 12 bậc cấp lúc 2 giờ sáng
 bỏ lại một nguyên âm gần bàn chải đánh răng
 tôi luộm thuộm về cấu răng và biểu tượng
 treo chuỗi ngọc trai ẩn dụ trên thành gương soi
 gần giống như vậy trong bồn rửa
 cần tẩy giặt chum thơ khô hài
 trong rương quần áo đầy vắn & nhíp cần may vá
 cởi giày,
 sắp một chồng tạp âm
 quấn tôi vào chiếc mền thơ trữ tình đồ đậm
 kẹp tóc lên cao bằng thơ Hải Cú
 tìm chỗ nghỉ ngơi cho thi sĩ trần trường
 trong cũi riêng tôi thấp lên ngọn nến
 bài thơ sestina (*) sáng ngọn lửa hồng."

(*) Sestina: Thể thơ 6 đoạn, mỗi đoạn có 6 câu.

I Leave Bits of Me Everywhere
 Karen Swank-Fitch

poem-words are my clothing, stripped late at night
a trail from the threshold to the foot of bed
along the stairs lay verbs
the actions i need to climb twelve steps at 2 am

*a vowel left adjacent to toothbrush
i get sloppy with tartar and allusions
over the cornice of mirror, hangs a strand of pearly metaphors
a simile in my sink
a limerick needing to be laundered
the clothes hamper is full of rimes & meters in want of mending
kick off the shoes,
make a pile of cacophony
wrap myself in the plum flannel of sonnet
hair up-tied with haiku
find the resting place for naked poet...
in ambiance i light a candle
a sestina goes up in flames*

Hỏi: Trong nhạc có thơ; Trong thơ có nhạc. Không ai có thể chối cãi nhạc điệu là một phần tử căn bản của thơ. Nhạc trong thơ là nhạc như thế nào, xin ông cho biết?

T.S. Rod E. Kok:

" Phía sau nhẹ nhàng

nhạc vang lên.

Ca sĩ cất lời

khiến thính giả

cảm nhận... đôi điệu.

Tâm tình dâng theo

tiếng ca trầm bổng,

điệu hát ám ảnh,

giai điệu, hòa âm;

lời nhập vào thâm tâm.

*Hợp âm tạo ra sinh lực
vang thấm vào lòng người.*

*Làm sao biết được, những nốt nhạc
sống trong tim, ngụ trong lòng.*

*Viết lời theo nhạc điệu
là điều sáng tác cần.*

*giai điệu nào gây ấn tượng?
Điếu ca hay đoản ca,
có cảm hóa được lòng thánh giả?*

*Lời thơ hiện lên khung nhạc
ghi nốt nửa, nốt tròn, (1)
nốt kép đơn, nốt kép đôi. (2)
Trên vạch cao, vạch thấp,
vẫn không đổi thay
âm sắc trong lời hát
giai điệu vẫn hài hòa.*

*Lúc ngưng. Lúc lấy hơi. Lúc hát.
Mạnh lên! mạnh hơn!*

Lắng nghe, khao khát
nỗi đam mê âm thanh
từ tiếng hát riêng mình.

Tình đôi ta ràng buộc
qua tâm sự lời ca.

Hát cho tình yêu, hát cho mơ ước.
Hát với nụ cười.
Diễn tả tự đáy tim.

Viết bài ca,
nói từ tâm cảm
ngôn ngữ tự thân là âm nhạc."

Words Are Music
Rod E. Kok

*Softly in the background
the music played.
Singers sang the words
that made the people
feel...something.
Emotion brought on by
different voices,
the haunting tunes,
melody and harmony;
words that cut to the quick.
Chords were made alive
resonating through us all.
We didn't know that the notes*

*lived in us, through us.
Put your words to music
is what the writer wrote.
What notes need to be struck?
A dirge or ditty,
how will it sound to those who hear?
What you say shows the bar
filled with halves and wholes,
quarters and eighths.
Lines up, lines down,
it doesn't change the sound
of our words or the tune
that accompanies them.
Rest. Breathe. Sing.
Forte! Double forte!
We long to be heard,
our passion is the sound
of our own voice.
Our love is tied
to what we speak.
Sing of love, of desire.
Sing with a smile.
Speak from the heart.
Write your song,
speak your heart.
Our words are music.*

Hỏi: Nói nghệ thuật là phải nói đến sáng tạo. Riêng nghệ thuật làm thơ đòi hỏi sáng tạo phải nhạy cảm, sắc bén, rõ ràng và nhấn mạnh. Quý vị nghĩ sao về quan điểm này?

T.S. Louisa DeBoo:

"Trang giấy trắng trống vắng

Khiêu khích tôi

Bốn góc nghinh chiến

Nhiều vùng hoang dã cần thăm dò...

Cây bút căng đầy mực chực sẵn.

*Tôi không ngừng theo dõi, không ngừng tìm kiếm
nhân vật, những gì
xảy ra trước mặt,
Vội vàng chớp bắt giữ chặt
những nhận xét không lý do, bỏ những thứ còn lại
Dường như, không có gì mới mẻ
Không vẫn điệu bất thường,
Không thông thái lóa sáng
chạm vào tôi
như tôi chạm vào chúng....*

Ngưng bút. Không dùng nữa...

*Trang giấy trống trắng tinh
hét lên trong im lặng xấu hổ.
Bốn góc đóng khung
Lãnh thổ bất sử dụng, vô thừa nhận."*

*Unclaimed Territory
Louisa DeBoo*

*The empty white blank page
Issuing a challenge to me*

*Four corners squaring off
Unknown regions to be explored..
My pen is primed and ready.
I watch endlessly, searchingly
the people, the events
passing by
Faces, quick frozen snapshots
Idle comments, left hanging
Nothing seems, nothing feels new
No whimsical rhymes, no flashes of wisdom
Reaching out to me...
nor I to them..
I retire my pen. Unused.
The empty white blank page
Shouts with shaming silence.
Four corners framing
Untouched, unclaimed territory.*

Hỏi: Ông thường dùng nhiều Ẩn dụ trong thơ. Xin cho vài ẩn dụ về sáng tạo?

T.S. William Carlos Williams:

"Hãy như con rắn mai phục

trong cỏ dại

như viết lách

rình chờ chữ nghĩa, từ tốn mà nhanh nhẹn,

bất ngờ tấn công, nín lặng đợi chờ,

canh thức.

-- dùng ẩn dụ để nối kết

giữ người và đá.

Sáng tác. (Không phải ý tưởng

mà về sự vật sáng tạo!

Như cỏ Tai Hùm nở hoa

nút đá "

*A Sort of Song
William Carlos Williams*

*Let the snake wait under
his weed
and the writing
be of words, slow and quick, sharp
to strike, quiet to wait,
sleepless.
-- through metaphor to reconcile*

Hỏi: Ít khi có ý tưởng nào hoàn toàn mới trong thời đại hôm nay. Như vậy, sáng tạo thì không thể cũ nhưng cũng không có mới. Có người cho rằng sáng tạo trong thơ là sự đồng dạng nhưng không giống. Điều này nói lên sự sáng tạo nằm trong cách diễn đạt. Bà thấy như thế nào?

*T.S. Judith Pordon:
"Những trang giấy trắng đẹp
hôn vào
trí tưởng tượng
bằng trải nghiệm
đòi hỏi chi tiết xác thật.*

*Những dòng chữ đen băng qua
dây căng mỏng mảnh,
chùng xuống
không chao đảo*

ngang vực sâu, gió thổi vô hình.

Những trang giấy trắng đẹp

hứa hẹn

phản ảnh hồn ta.

Những bút pháp cao cả nhất

về bóng tối bên trên ánh sáng."

Blank Beauty

Judith Porton

Beautiful blank pages

kiss our

imaginations

with backgrounds

that demand precision.

Our black letters cross

on tightrope lines,

curving

without wavering

across deep, invisible currents.

These beautiful blank pages

are promises of our

reflections.

Our gentlest strokes

of darkness upon light.

Hỏi: Theo như câu trả lời của thi sĩ Neruda, thơ đến tình cờ không báo trước và hầu như thi sĩ không có khả năng kiểm soát thơ. Như vậy, sáng tác thơ, phải chăng là một nghệ thuật tự nhiên?

T.S. Robert Duncan:

"Không phải do tính tình tốt xấu

*đưa đẩy làm thơ. "Thơ hiện hình
và chết
chỉ như hoa nở mỗi năm
trên đá."*

Bài thơ

*được ý tưởng, tâm tình nuôi dưỡng, thôi thúc,
rồi tự phát tự sinh
từ tâm linh khẩn thiết lúc không ngờ dâng lên bí ẩn.*

*Nỗi đẹp này trong nội tâm kiên trì
hướng về nguồn cội
lội ngược dòng nước lũ trên sông,
một lời gọi ta nghe rồi đáp lại
trong muện màng của cõi sống
ban sơ gấm lên
cho cõi đời hôm nay thấy mùa xuân đến,*

*cá hồi không sống trong nước giếng
nơi trái phỉ rụng rơi
nhưng trái rơi xuống chạm, không tiếng vang,
vô tình tạo sóng.*

Hình ảnh này phù hợp cho tâm tình.

Thứ hai: họa sĩ Stubbs vẽ con nai, ()
chiếc sừng lớn đắt giá năm rồi
rơi nơi nào trên đất.*

*Bài thơ mang về mặt con nai mất sừng
vừa chồi lên sừng mới
vẫn như vậy,*

" một chút nặng nề, một chút xếp đặt "

*Nét đẹp của nó
là toàn diện con nai."*

() George Stubbs (1724-1806)*

*Poetry, a Natural Thing
Robert Duncan*

*Neither our vices nor our virtues
further the poem. "They came up
and died
just like they do every year
on the rocks."
The poem
feeds upon thought, feeling, impulse,
to breed itself,
a spiritual urgency at the dark ladders leaping.
This beauty is an inner persistence
toward the source
striving against (within) down-rusher of the river,
a call we heard and answer
in the lateness of the world
primordial bellowings*

*from which the youngest world might spring,
salmon not in the well where the
hazelnut falls
but the falls battling, inarticulate,
blindly making it.
This is one picture apt for the mind.
A second: a moose painted by Stubbs,
where last year's extravagant antlers
lie on the ground.
The forlorn moosey-faced poem wears
new antler-buds,
the same,
"a little heavy, a little contrived"
his only beauty to be
all moose.
(The Norton Anthology of Modern and Contemporary Poetry. Vol. 2
Contemporary Poetry.)*

Hỏi: Ông là người vừa làm thơ vừa biên khảo về thơ.
Ông có thể cho biết một bài thơ thông thường thành
hình ra sao không?

T.S. O'Hara:

*"Tôi không phải họa sĩ. Tôi là thi sĩ.
Tại sao? Tôi muốn làm họa sĩ hơn,
nhưng không được.*

*Thế này, chẳng hạn, Mike Goldberg
bắt đầu vẽ bức tranh. Tôi ghé ngang.
"Ngồi chơi, uống một ly nha" anh nói.
Tôi uống; hai đứa uống. Tôi nhìn lên.
"Anh vẽ cá mèi trong tranh."
"Ừ, cần có hình gì ở đó." "Hừm."*

Tôi từ già và tháng ngày trôi qua
Ghé ngang lần nữa. Tranh còn đang vẽ.
Tôi đi và tháng ngày trôi qua.
Ghé lại. Bức tranh hoàn tất.
"Bây cá mèi đâu?" Chỉ thấy chữ.
"Nhiều hình quá" Mike trả lời.

Còn tôi? một hôm nghĩ đến màu sắc:
Vàng cam. Tôi viết thử câu về màu vàng.
Chẳng mấy chốc, không chỉ vài câu, chữ đầy trang
giấy.
Rồi thêm trang nữa. Có thể nhiều thật nhiều,
không vì màu vàng, vì chữ, vì màu vàng thật dễ sợ
và đời sống. Nhiều ngày qua, bài viết trở thành văn
xuôi.
Tôi quả thật là thi sĩ.
Thơ viết xong vẫn chưa nhắc đến màu vàng.
Tất cả mười hai bài, đặt tên là Vàng Cam.
Rồi một ngày trong phòng triển lãm
Tôi thấy bức tranh của Mike, đề tựa "Cá Mèi" (14)

Why I am Not A Painter
O'Hara

*I am not a painter, I am a poet.
Why? I think I would rather be
a painter, but I am not. Well,*

*for instance, Mike Goldberg
is starting a painting. I drop in.
"Sit down and have a drink" he
says. I drink; we drink. I look
up. "You have SARDINES in it."
"Yes, it needed something there."
"Oh." I go and the days go by
and I drop in again. The painting
is going on, and I go, and the days
go by. I drop in. The painting is
finished. "Where's SARDINES?"
All that's left is just
letters, "It was too much," Mike says.
But me? One day I am thinking of
a color: orange. I write a line
about orange. Pretty soon it is a
whole page of words, not lines.
Then another page. There should be
so much more, not of orange, of
words, of how terrible orange is
and life. Days go by. It is even in
prose, I am a real poet. My poem
is finished and I haven't mentioned
orange yet. It's twelve poems, I call
it ORANCES. And one day in a gallery
I see Mike's painting, called SARDINES*

Hỏi: Cảm Xúc của ông như thế nào khi làm thơ?

T.S. Mark Strand:

*" Mực chảy ra khóe miệng.
Không ai được hạnh phúc như ta.
Tôi ngẫu nhiên thi ca.*

Quản thủ thư viện nhìn thấy, không tin được.

*Đôi mắt trở nên u buồn
bà bỏ đi dấu hai tay vào áo.*

*Những bài thơ tiêu tan.
Đèn mờ tối.
Bầy chó dưới hầm chạy lên.*

*Những con mắt láo liên,
những đôi chân lông vàng gấp rút lướt nhanh.
Bà quản thủ bắt đầu giậm chân rồi khóc.*

*Không thể nào hiểu được
Khi tôi quỳ xuống liếm bàn tay
Bà rú lên.*

*Tôi là người mới
Tôi gặm gù rồi sữa
Tôi vui mừng đùa giỡn trong âm u kính sách."*

*Eating Poetry
Mark Strand*

*Ink runs from the corners of my mouth.
There is no happiness like mine.
I have been eating poetry.
The librarian does not believe what she sees.
Her eyes are sad
and she walks with her hands in her dress.*

*The poems are gone.
The light is dim.
The dogs are on the basement stairs and coming up.
Their eyeballs roll,
their blond legs bum like brush.
The poor librarian begins to stamp her feet and weep.
She does not understand.
When I get on my knees and lick her hand,
she screams.
I am a new man.
I snarl at her and bark.
I romp with joy in the bookish dark.*

Hỏi: Làm thế nào để thưởng thức thơ?

T.S. Eve Merriam:

"Không cần lịch sự.

Cắn nhai.

Bốc thơ lên bằng tay rồi liếm

nước rịn chảy xuống trên cằm.

Bây giờ thơ đã chín mùi, bất cứ lúc nào bạn muốn.

Không cần dao, nĩa, muỗng

hoặc đĩa, khăn tay, khăn bàn.

Những thứ không có ruột

hoặc cuống

hoặc vỏ

hoặc sâu

hoặc hạt

hoặc da

hãy vút đi."

How To Eat a Poem

Eve Merriam

Don't be polite.

Bite in.

*Pick it up with your fingers and lick the juice that
may run down your chin.*

It is ready and ripe now, whenever you are.

*You do not need a knife or fork or spoon
or plate or napkin or tablecloth.*

For there is no core

or stem

or rind

or pit

or seed

or skin

to throw away.

Hỏi: Thường ngoạn luôn luôn là vấn đề sống còn của
thơ. Ông nghĩ gì về thưởng ngoạn?

T.S. Billy Collins:

"Tôi yêu cầu họ lấy bài thơ

đưa cao lên ánh sáng

như âm bản sắc màu

hoặc kể tai nghe sát tổ ong

Tôi để nghị thả chuột vào bài thơ

theo dõi chuột tìm đường trốn thoát,

hoặc đi vào phòng thơ

mò lên tường tìm chỗ bật đèn sáng.

*Tôi muốn họ lướt sóng
bằng ngang mặt bài thơ
vẫy chào tên tác giả trên bãi cát.*

*Nhưng họ chỉ muốn
cột bài thơ vào ghế bằng dây thừng
rồi tra khảo lấy lời khai thú nhận.*

*Họ bắt đầu đánh thơ bằng dây ống
để tìm hiểu thơ thật sự là gì.*

*Introduction to Poetry
Billy Collins*

*I ask them to take a poem
and hold it up to the light
like a color slide*

or press an ear against its hive

*I say drop a mouse into a poem
and watch him probe his way out,*

*or walk inside the poem's room
and feel the walls for a light switch.*

*I want them to waterski
across the surface of a poem
waving at the author's name on the shore.*

*But all they want to do
is tie the poem to a chair with a rope
and torture a confession out of it.*

*They begin beating it with a hose
to find out what it really means.*

Hỏi: Ngày xưa, người ta yêu mến thơ và quý trọng thi sĩ. Chẳng hạn ở Nga thời trước, khi thi sĩ đọc thơ nơi công cộng, có thể qui tụ cả ngàn người đến nghe. Ở Âu Châu, có lúc người ta kính trọng thi sĩ như các nghị sĩ. Cô là một thi sĩ trẻ của thời đại, cô nghĩ gì về vị trí của thơ trong xã hội hiện nay?

T.S. Christena Williams:

"Này anh bán rượu

Hãy rót thêm

Cho tôi ra về cửa sau, khật khưỡng

Cho cảnh sát

Ngửi mùi cay trong nhịp điệu nhạc Blue

Đang nhào lộn với diễn cảm tài hoa sáng tạo

Hãy còng tay vì tôi chịu đựng lắng cảm

Kiểm tra hơi thở thi sĩ say ợ trào nước bọt

Phun phì phèo chữ nghĩa với điệu thơ

Tỏ ra chế diễu

Hãy phạt tôi tội say sưa

nói năng náo loạn

Trước mặt quan tòa

Tôi nhận tội

*Hình phạt tạm giam phù hợp thi ca
Tường trống tôi sáng tác
Vẽ lên những ý tưởng tù nhân
Rồi sơn màu bằng diễn tả thơ mộng*

*Này anh bán rượu
Hãy rót nữa
Đến khi ly tràn ra ngoài
Tôi uống mãi chưa say
Hãy để rượu ngấm vào kinh mạch, nhập vào phổi
Trở thành DNA thực sự của tôi
Hãy để rượu chảy trong huyết mạch
Tan vào tim óc
Hãy để rượu thôi miên giấc mơ
Tôi uống thơ và mùi vị tuyệt vời."*

*I Drank Poetry
Christena Williams*

*Bartender
Pour me some more
Let me stumble through the back door
Let the police
Smell the poignant aroma of rhythm and blues
Collide with my Genius creative expression
Handcuff me for resisting being silent
Check my breath for the bubbles of a drunken poet
Spitting up words and rhymes
Expressively with profanity
Charge me with intoxication*

*Verbal sensation
Before the judge
I plead guilty
Poetic confinement recommended
On the wall I write art
Painting out the graffiti of the prisoner's thoughts
And colouring with poetic expressions*

*Bartender
Pour me some more
Until my cup overflows just can't get enough
Let this liquor become embedded in my arteries and lungs
Let it be in my very DNA
Let it flow through my blood and veins
Through my heart and mind
Let it be hypnosis for my dreams
I drank poetry and it tasted delicious.
(Trích The dVerse Anthology. Voices of Contemporary World Poetry.
Edited by Frank Watson.)*

Hỏi: Đọc thơ khó hơn đọc các loại văn chương khác. Đôi khi còn khó hơn đọc sách triết học. Theo ông, nên đọc cách nào?

*T.S. Ellen Wade Beals:
" Tôi thú nhận,
thường ngủ với sách vở,
giữa bìa sách mở ra chờ đợi -
chúng vẫy tay,
như lá cây dao động
như đám lưỡi thụt thò.
Ôi, những gáy chữ nổi sờ khoan khoái.*

Những sách hào nhoáng chỉ tốt cho một đêm.

*Cũn hăn, hời thuốc lá,
thường xuyên mượn đọc bị nhàu nát.
Những sách này dành cho bất cứ ai,
xin lỗi, có lẽ vì khó tính,
đọc xong nên trả lại.*

*Túi khôn nhân loại cho cảm nhận hay đẹp lạ thường,
những sách khác có ngôn ngữ chung
của người từng trải
biết kể truyện hay.
Vài sách làm thất vọng -
mùa hè rảnh qua nhanh, đọc
rồi bỏ,
cứ xem như cát
rơi từ chân giày.*

*Tôi không thể không âu yếm các sách,
vuốt ve những cuốn đáng yêu,
hôn hít từng chữ.
Sau khi đọc sách hay, tôi mệt nhoài.
Nằm phanh ngực,
lắng nghe nhịp tim
trơng khi thu nhận thêm những gì hay từ sách."*

Between The Sheets
Ellen Wade Beals

*I confess,
to sleeping with books,
covers spread open and waiting -
they beckon,
a fluttering of leaves
like lapping tongues.
Oh, their smooth embossed spines.*

*The tawdry ones are good for a night.
Rumpled, smelling of smoke,
usually borrowed and broken.
They're anybody's book,
sorry, sticky maybe,
used and returned.*

*The worldly wise leave an exotic taste,
others have the common language
of guttersnipes but
provide good tale.
Some disappoint -
summer flings, read
and dismissed,
important as the sand
shaken from my shoe.*

*I can't help but embrace them all,
stroking the ones I love,
smelling their words.
After a good read, I'm bushed.
Lying across my chest,
the latest listens to my heartbeat
while I taken in what else it says.*

Hỏi: Vì sao bà trở thành thi sĩ?

T.S. Eve Merriam:

" chọn chiếc lá trên cây

vẽ lại hình thật kỹ
đồ theo dạng bên ngoài
và những gân bên trong

ghi nhớ cách lá mọc từ cành
(và cách cành mọc cong từ nhánh)
nó nảy chồi thế nào trong tháng Tư
hoàn toàn rụng rỡ thế nào vào tháng Bảy

cuối tháng Tám
vò nát lá trong tay
để ngửi mùi cuối hè buồn bã
nhai cọng lá cứng
nghe tiếng thu ào ào
tháng 11 nhìn lá phôi pha trong gió

rồi mùa đông đến
khi không còn chiếc lá nào
hãy sáng tạo một chiếc."

Reply to the Question: How Can You Become a Poet?
by Eve Merriam

*take the leaf of a tree
trace its exact shape
the outside edges
and inner lines*

*memorize the way it is fastened to the twig
(and how the twig arches from the branch)
how it springs forth in April
how it is panoplied in July
by late August
crumple it in your hand
so that you smell its end-of-summer sadness
chew its woody stem
listen to its autumn rattle
watch it as it atomizes in the November air
then in winter
when there is no leaf left
invent one*

Hỏi: Thi sĩ là người như thế nào?

T.S. Tadeusz Rosewicz:

*" thi sĩ là người sáng tác thơ
cũng là người không sáng tác thơ*

*thi sĩ là người tháo bỏ cùm xích
cũng là người tự đóng gông mình*

*thi sĩ là người tự tin
cũng là người mất tự tin*

*thi sĩ là người nói dối
cũng là người nghe nói dối*

*thi sĩ là người nghiêng mình chờ ngã
cũng là người tự mình đứng lên*

*thi sĩ là người cố gắng bỏ đi
cũng là người không thể rời bước "*

Who is a Poet

Tadeusz Rosewicz

*(translated from the Polish by Magnus Krynski and Robert
Maguire)*

*a poet is one who writes verses
and one who does not write verses
a poet is one who throws off fetters
and one who puts fetters on himself
a poet is one who believes
and one who cannot bring himself to believe
a poet is one who has told lies
and one who has been told lies
one who has been inclined to fall
and one who raises himself
a poet is one who tries to leave
and one who cannot leave*

Hỏi: Còn ông, nghĩ thế nào khi làm thi sĩ?

T.S. Jaroslav Vrchlicky:

*" Đã từ lâu sự sống dạy tôi
nhạc và thơ
là những gì đẹp nhất trên đời*

*mà ta được trao tặng.
Dĩ nhiên, ngoại trừ tình yêu.*

*Trong sách giáo khoa cũ
xuất bản bởi Imperial Printing House
năm Vrchlicky qua đời
Tôi tìm phần thi pháp
và thơ tiêu biểu.*

*Rồi tôi cắm cành hồng vào bình hoa
thấp ngọn nến
rồi khởi đầu viết câu thơ đầu tiên.*

*Bùng cháy, chữ bốc lửa,
vút lên cao,
cho đến ngón tay cầm bút cũng bỏng!*

*Một ẩn dụ kinh ngạc mang giá trị cao hơn
chiếc nhẫn trên ngón tay.
Nhưng ngay cả tự điển Puchmajers Rhyming
tôi cũng không sử dụng.*

*Vô ích, tôi tóm bắt ý tứ
và nhắm mắt sôi sục*

*lắng nghe ma lực từ dòng thơ đầu tiên.
Nhưng trong bóng tối, thay vì chữ nghĩa,
Tôi thấy người phụ nữ cười
và tóc bay trong gió.*

*Đó là số mệnh của tôi.
Luôn luôn lảo đảo về phía đàn bà,
hụt hơi suốt cả đời."*

*To Be a Poet
Jaroslav Vrchlicky*

*Life taught me long time
that music and poetry
are the most beautiful things on earth
that life can give us.
Except for love, of course.
In an old textbook
published by the Imperial Printing House
in the year Vrchlicky death
I looked up the section on poetics
and poetic ornament.
Then I placed a rose in a tumbler
lit a candle
and started to write my first verses.
Flare up, flame of words,
and soar,
even if my fingers get burned!
and startling metaphor is worth more
than a ring on ones finger.
But not even Puchmajers Rhyming Dictionary
was any used to me.
In vain I snatched for ideas
and fiercely closed my eyes
in order to hear that first magic line.
But in the dark. instead of words,*

*I saw a woman smiles and
wind-blown hair.
That has been my destiny
And I've been staggering towards it breathlessly
all my life.*

Hỏi: Có lẽ khắp thế giới, ngày nào cũng có người bắt đầu làm thơ. Làm sao nhận ra một thi sĩ mới, đúng nghĩa?

T.S. Linda Pastan:

*"Tìm một thi sĩ mới
như tìm bông hoa lạ hoang dã
trong rừng rậm. Bạn không thấy*

*tên loài hoa trong sách hoa,
không ai tin lời bạn kể
về màu sắc khác thường hoặc dạng*

*lá mọc dài lan rộng thành hàng
xuống tận cùng trang giấy. Thực tế
mỗi trang đều tỏa mùi rượu đỏ*

*tràn lan và mùi mốc đại dương
trong ngày sương mù - mùi của sự thật
và giả dối.*

Chữ nghĩa vốn đã cũ quen,

*muốn cho mới lạ, chữ nghĩa
hầu như bạn phải tự chế, mơ màng*

*trong chiêm bao có bút chì,
bút mực hoặc giả một cây cọ,
để ước ao nở một bông hoa."*

*A New Poet
Linda Pastan*

*Finding a new poet
is like finding a new wildflower
out in the woods. You don't see
its name in the flower books, and
nobody you tell believes
in its odd color or the way
its leaves grow in splayed rows
down the whole length of the page. In fact
the very page smells of spilled
red wine and the mustiness of the sea
on a foggy day - the odor of truth
and of lying.
And the words are so familiar,
so strangely new, words
you almost wrote yourself, if only
in your dreams there had been a pencil
or a pen or even a paintbrush,
if only there had been a flower.*

Hỏi: Có rất nhiều người trẻ đang bước vào con đường sáng tác, ông có lời khuyên nào cho họ không?

T.S. Al Young:

"Hãy sống văn vẻ ()"*

*nhưng đừng ngập lặn quá lâu
Đừng trở thành chuột chũi
hoặc giun tròn
hoặc rễ cây
hoặc sỏi đá*

*Hãy bước ra ánh sáng mặt trời
Hít thở như cây
Chạm trán với núi
Đàm luận với rắn
& trở thành chim đầu đàn*

*Đừng quên hát mặt ngẩng lên
& chớp mắt
Trầm tư
Chu du
Bơi ngược dòng nước*

Đừng quên phải bay "

() Văn: Nghĩa văn vẻ, là làm cho đẹp thêm lên. Thuộc chữ Văn Chương.*

文章

For Poets

Al Young

*Stay beautiful (1)
but don't stay down underground too long
Don't turn into a mole
or a worm
or a root
or a stone
Come on out into the sunlight
Breathe in trees
Knock out mountains
Commune with snakes
& be the very hero of birds
Don't forget to poke your head up
& blink
Think
Walk all around
Swim upstream
Don't forget to fly*

Hỏi: Còn ông, nên khuyên ra sao?

T.S. Ron Koerte:

*"Đừng ngồi nghiêm chỉnh trước bàn viết. Hãy rời
nhà hay chung cư. Ra ngoài đời sống.*

*Mang theo sổ ghi chép, cũng được, tốt nhất
nên rẻ tiền, bên trong giấy màu trà cũ
bìa trước có hình mèo con hoặc phi thuyền.*

*Tránh những nơi có nhiều hơn
ba người mặc áo cổ lọ. Đề phòng
những nhà gỗ trong bãi tuyết có dấu chân nai
băng ngang sân quần vợt phủ vải.*

*Đừng ngạc nhiên, thư viện là nơi dễ viết lách.
Chỗ tốt nhất trong thư viện ở cạnh lối đi
có trẻ con chừng một hay hai tuổi đùa giỡn
trong khi bà mẹ xem qua hàng ngũ người chết.*

*Đứa bé thường kéo những sách xếp hàng dưới cùng.
Tựa sách, tên tác giả, hình sâu sắc trên bao bì,
đều không có ý nghĩa.
Sách đỏ chồng sách đen,
sách xám, chồng sách nâu,
đứa bé xây sách lên cao.
Càng cao chừng nào, nó càng cười toe toét.*

*Bạn muốn hỏi lời khuyên, hãy nghe điều này: Khi nhà
lầu
sụp đổ, cứ giống như đứa bé. Cười thật to, mọi người
trên cõi đời cau mày, ra dấu: "Xuyt."
Rồi bắt đầu trở lại."*

*Do You Have Any Advice For Those of Us Just
Starting Out?
Ron Koertge*

*Give up sitting dutifully at your desk. Leave
your house or apartment. Go out into the world.
It's all right to carry a notebook but a cheap*

*one is best, with pages the color of weak tea
and on the front a kitten or a space ship.
Avoid any enclosed space where more than
three people are wearing turtlenecks. Beware
any snow-covered chalet with deer tracks
across the muffled tennis courts.
Not surprisingly, libraries are a good place to write.
And the perfect place in a library is near an aisle
where a child a year or two is playing as his
mother browses the ranks of the dead.
Often he will pull books from bottom shelf.
The title, the author's name, the brooding photo
on the flap means nothing. Red book on black, gray
book on brown, he builds a tower. And the higher
it gets, the wider he grins.
You who asked for advices, listen: When the tower
falls, be like that child. Laugh so loud everybody
in the world frowns and says, " Shhhh."
Then start again.*

Hỏi: Với vai trò chủ bút nhiều kinh nghiệm, ông có thể chia sẻ với những người mới viết về những khiếm khuyết trong bài thơ không?

T.S. Jerry Martien:

" Có bài thơ cần

tự cứu chữa.

Thơ quá cũ.

Chữ nghĩa chết khô.

Từ lâu

đã ngưng sử dụng.

Bạn tự hào

giữ nó

dù bị phế bỏ

*bởi chính
sự tàn tích và bất lực của nó.*

*Những chữ ở đây
chết ngàn năm cũ.*

*Chúng hợp đoàn
với những sinh vật khác
nói năng
với gió
xảy ra bên trong
lá cây.*

*Những chữ này
khi nói đến
là một rừng cổ hủ.*

*Vài chữ
họ dùng
không còn sinh tồn.
Chân lý. Tình yêu.
Lòng trắc ẩn nhân sinh.
Ê -
gọi tổng đài.*

Hốt chúng đổ vào xưởng máy.

Rồi nói--

Phải chăng đây là một chút

khôn ngoan của nhân loại

giữa chữ nghĩa này?

Và dưới kia phải chăng

con chuột đào lỗ chôn

ý nghĩa

vào xác rữa và hóa trang mới

một văn hóa xa xưa

nên biết nói, Đủ rồi--

đừng lấy những gì

bạn không hề sáng tạo

và không thể trả lại.

Máu đổ ở đây.

Con cú đang ăn con chuột.

Có sức sống ở đây.

Những chữ này

núp trong cây lẩn nữa.

Những gì xảy ra

cho chữ nghĩa

xảy ra cho rừng cây.

Những gì xảy ra cho rừng cây

xảy ra

cho chúng ta.

Lẽ ra chúng ta nên chặt bỏ

đổi trá thay vì đốn cây rừng."

*Salvage This
Jerry Martien*

*This poem needs to be
saved from itself.
It is way over the hill.
Words on dead wood.
Long ago it
ceased to be profitable.
You would be
keeping it
from being taken
by its own
dark and useless powers.
There are words in here
over a thousand years old.
They have conspired
with other creatures
and been spoken
with air
that has been inside
the leaves of trees.
These words
when spoken
are an ancient forest.
Some of the words
they say*

*are no longer productive.
Truth. Love.
Compassion for all beings.
Hey--
call the operators.
Haul them away to the mill.
But say--
isn't that a trace of
human wisdom
in among those words?
And down there isn't that a
vole digging for buried
meaning in the
decay and duff of a
culture that long ago
knew how to say, Enough--
don't be taking
what you haven't created
and can't pay back.
There is blood here.
An owl is eating the vole.
There is life here.
These words are
inside the trees again.
What happens
to our words
happens to the forest.
What happens to the forest
happens
to us.
We should be cutting
lies instead of trees.*

Hỏi: Bên lề thi ca luôn luôn có nhiều chuyện thú vị.
Những người liên hệ với thơ luôn luôn có nhiều chuyện
lạ kỳ. Có thể nào kể cho chúng tôi nghe?

T.S. Mark Strand:

*" 1. Nếu có người am tường về thơ
người đó sẽ gặp nhiều phiền muộn.*

2. Nếu có người sống với một bài thơ người đó sẽ chết cô đơn.

3. Nếu có người sống với hai bài thơ người đó sẽ phản bội một bài.

4. Nếu có người thai nghén một bài thơ người đó sẽ có ít hơn một đứa con.

5. Nếu có người thai nghén hai bài thơ người đó sẽ có ít hơn hai đứa.

6. Nếu có người đội vương miện khi sáng tác người đó sẽ bị lật tẩy.

7. Nếu có người không đội vương miện khi sáng tác người đó không dối gạt ai ngoài trừ chính bản thân.

8. Nếu có người bực tức vì bài thơ người đó đáng bị người khác khinh bỉ.

9. Nếu một người vẫn tiếp tục bực tức vì bài thơ người đó đáng bị đàn bà khinh miệt.

10. Nếu có người công khai phản đối thi ca

giày của người đó đáng chứa đầy nước tiểu.

*11. Nếu có người rời bỏ thi ca vì quyền lực
người đó sẽ được quyền lực thật lớn.*

*12. Nếu có người khoác lác về thơ của mình
người đó sẽ được ngưỡng mộ bởi đám ngu xuẩn.*

*13. Nếu có người khoác lác về thơ mình và thích thú
ngu muội
người đó đừng bao giờ viết nữa.*

*14. Nếu có người thèm muốn được chú ý vì bài thơ của
mình
người đó như kẻ ngốc nghếch dưới ánh trăng.*

*15. Nếu có người làm thơ và khen ngợi thơ người khác
người đó đáng được có tình nhân tuyệt đẹp.*

*16. Nếu có người làm thơ và khen ngợi thái quá thơ
người bạn
người đó nên xua đuổi tình nhân dĩ xa.*

*17. Nếu có người nhận thơ người khác làm của mình
trái tim người đó sẽ lớn gấp đôi.*

18. Nếu có người để thơ mình trơ trụi
người đó sẽ sợ hãi sự chết.

19. Nếu có người sợ hãi sự chết
người đó đáng được cứu vớt bởi thơ của hắn.

20. Nếu có người không sợ chết
người đó có thể được hoặc không được thơ cứu vớt.

21. Nếu có người làm xong bài thơ
người đó sẽ chiến đấu trong nỗi trống rỗng vừa tỉnh
thức đắm mê
và được hôn bởi trang giấy trắng."

The New Poetry Handbook

Mark Strand

1- *If a man understands a poem,
he shall have troubles.*

2- *If a man lives with a poem,
he shall die lonely.*

3- *If a man lives with two poems,
he shall be unfaithful to one.*

4- *If a man conceives of a poem,
he shall have one less child.*

5- *If a man conceives of two poems,
he shall have two children less.*

6- *If a man wears a crown on his head as he writes,
he shall be found out.*

7- *If a man wears no crown on his head as he writes,
he shall deceive no one but himself.*

- 8- *If a man gets angry at a poem,
he shall be scorned by men.*
- 9- *If a man continues to be angry at a poem,
he shall be scorned by women.*
- 10- *If a man publicly denounces poetry,
his shoes will fill with urine.*
- 11- *If a man gives up poetry for power,
he shall have lots of power.*
- 12- *If a man brags about his poems,
he shall be loved by fools.*
- 13- *If a man brags about his poems and loves fools,
he shall write no more.*
- 14- *If a man craves attention because of his poems,
he shall be like a jackass in moonlight.*
- 15- *If a man writes a poem and praises the poem of a fellow,
he shall have a beautiful mistress.*
- 16- *If a man writes a poem and praises the poem of a fellow
overly,
he shall drive his mistress away.*
- 17- *If a man claims the poem of another,
his heart shall double in size.*
- 18- *If a man lets his poems go naked,
he shall fear death.*
- 19- *If a man fears death,
he shall be saved by his poems.*
- 20- *If a man does not fear death,
he may or may not be saved by his poems.*
- 21- *If a man finishes a poem,
he shall bathe in the blank wake of his passion
and be kissed by white paper.*

Hỏi: Trước khi chấm dứt chương trình phỏng vấn, ông có lời gì để gửi đến độc giả?

T. S. James Tate:

"Chào độc giả"

Tôi đang tò mò cố mở quan tài quý vị

bằng cánh tuyết nóng bỏng.

Tôi chịu mất ngủ vì quý vị.

Cơn mưa tuyết đông đã triển miên rơi

Tôi nhìn thấy mù mờ.

*Nếu mẹo này thành công ta có thể chà đôi tay
với nhau, có thể*

nhóm ngọn lửa

bằng giấy tờ căn cước.

Tôi không biết nhưng tiếp tục làm, tiếp tục làm

một nửa oán ghét quý vị

một nửa bị mặt trăng ăn mòn."

Dear Reader

James Tate.

Dear Reader

I am trying to pry open your casket

with this burning snowflake.

I'll give up my sleep for you.

This freezing sleet keeps coming down

and I can barely see.

If this trick works we can rub our hands

together, maybe

start a little fire

with our identification papers.

I don't know but I keep working, working

*half hating you,
half eaten by the moon.*

T. S. Nikki Giovanni tiếp lời:

"Quý vị, có bao giờ bị bắt cóc

bởi thi sĩ

nếu tôi là thi sĩ

sẽ bắt cóc quý vị

nhốt vào câu cú và nhịp điệu

đưa quý vị đến với bãi biển

hoặc có thể đến đảo Coney ()*

hoặc có thể chỉ về nhà tôi

viết lời thơ nhập quý vị vào hoa Tử Đinh Hương

nghiền tan vào cơn mưa

pha trộn vào biển cát

để thêm thắt phần tôi cảm nhận

tấu đàn Lia cho quý vị nghe

đọc thơ tình

làm mọi cách để thuyết phục

cuốn quý vị vào đồ Đen xanh

khoe với mẹ

đúng rồi, nếu tôi là thi sĩ,

sẽ bắt cóc quý vị."

() Bãi biển nghỉ mát nổi tiếng mé Đại Tây Dương về phía tây nam của Brooklyn, New York.*

Kidnap Poem
Nikki Giovanni

ever been kidnapped
by a poet
if i were a poet
i'd kidnap you
put you in my phrases and meter
you to jones beach
or maybe coney island
or maybe just to my house
lyric you in lilacs
dash you in the rain
blend into the beach
to complement my see
play the lyre for you
ode you with my love song
anything to win you
wrap you in the red Black green
show you off to mama
yeah if i were a poet i'd kid
nap you

Hỏi: Câu hỏi cuối cùng, nếu tôi cũng muốn làm thơ,
phải bắt đầu từ đâu?

T.S. Charles Bukowski:

" nếu thơ không từ trong nổ ra
mặc kệ mọi chuyện khác,
đừng làm thơ.

ngoại trừ thơ đến, không được mời
bởi trái tim, trí tuệ, miệng mồm
và gan ruột của bạn,

đừng làm thơ.

*nếu phải ngồi hàng giờ
chăm chăm nhìn màn ảnh vi tính
hoặc còng lưng
trên máy đánh chữ
truy lùng lời lẽ,
đừng làm thơ.*

*nếu bạn sáng tác vì muốn chinh phục
phụ nữ lên giường,
đừng làm thơ.*

*nếu bạn phải ngồi một chỗ
viết đi sửa lại nhiều lần,
đừng làm thơ "*

*you want to be a writer?
Charles Bukowski*

*if it doesn't come bursting out of you
in spite of everything,
don't do it.
unless it comes unasked out of your
heart and your mind and your mouth
and your gut,
don't do it.
if you have to sit for hours
staring at your computer screen*

*or hunched over your
typewriter
searching for words,
don't do it.
if you're doing it for money or
fame,
don't do it.
if you're doing it because you want
women in your bed,
don't do it.
if you have to sit there and
rewrite it again and again,
don't do it.*

Lời Kết của người thực hiện:

Những người làm thơ giàu có, chết, để lại nhiều tiền, văn chương không nhớ tên.

Những người làm thơ có vợ đẹp, chết, để vợ cho người khác, văn học không ghi tuổi.

Những người làm thơ giao tế rộng, chết, ngàn ngàn người đưa đám, sau đó mộ bia khuất cỏ xanh.

Những người làm thơ sợ người khác làm hay hơn, chết, thơ để dành cúng giỗ.

Cọp chết để da đẹp; thi sĩ chết không để hoa nhựt.

Thư viện thế giới rộng lớn, trống trải. Lòng văn chương thế giới bao la. Trí văn học toàn cầu không giới hạn. Thiếu gì chỗ giữ thơ, cần gì phải thủ thuật chen lấn?

Thế nào là bài thơ bất hủ?

Không biết chiều cao tháp Eiffel, làm sao xây tháp cao hơn?

Không biết rễ bám bao sâu, làm sao biết cây nào đứng vững trong bão tố?

Làm sao sáng tác thơ độc đáo?

Không học gia chánh, làm sao nấu cơm ngon?

Không tập đánh banh, làm sao tranh giải vô địch?

Những người làm thơ chuyên ngành quảng cáo, chỉ cạnh tranh bán thơ dù không bán bằng tiền.

Văn học nhóm chợ, văn chương giảm giá; mua một tặng một.

Thời lờ mờ, bóng tối bao trùm, phố chợ thấp đèn bão.

Phải chăng đã đến lúc đi hỏi, bình minh chùng nào đến?

Rồi xuống sông tắm ba lần, trước khi lên bờ, làm lễ phục sinh thi ca.